

Thái Nguyên ngày 28 tháng 12 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6077 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Cử nhân Sư phạm tiếng Anh - Bachelor of English Education

Mã số ngành đào tạo: 70140231

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Sư phạm tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học **Hệ đào tạo:** Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh là đào tạo giáo viên tiếng Anh và nhân lực trong các công việc liên quan đến tiếng Anh và ngoại ngữ ở khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và trong cả nước. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn dạy học tiếng Anh và giáo dục đặt ra; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể: kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ Ngoại ngữ, tin học,...).

- 1) M1: Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu, kiến thức thực tế vững chắc về ngôn ngữ Anh và giao tiếp liên văn hóa.
- 2) M2: Có kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, tâm lý học, giáo dục học và vận dụng được trong dạy học, giáo dục học sinh.

- 3) M3: Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) trong hoạt động chuyên môn
- 4) M4: Có kiến thức về khoa học xã hội & nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- 5) M5: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin
- 6) M6: Sử dụng được ngoại ngữ thứ 2 trong giao tiếp cơ bản (tương đương bậc 3).
- 7) M7: Có kiến thức cơ bản về quản lý trường phổ thông, giáo viên, người học; có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ người học.
- 8) M8: Thực hiện được các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.
- 9) M9: Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường, xã hội.
- 10) M10: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm nghề nghiệp và kỹ năng mềm để tự phát triển; sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại thông tư 07/2015)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

**** Kiến thức chung***

- 1) C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- 2) C2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học và quản lý nhà trường vào việc tổ chức hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường phổ thông..

**** Kiến thức chuyên môn***

- 3) C3: Vận dụng được kiến thức lý thuyết và thực tiễn về các phương diện ngôn ngữ Anh, văn hóa, văn học, lý luận dạy học bộ môn vào dạy học môn tiếng Anh ở trường phổ thông.

- 4) C4: Xây dựng được các nghiên cứu cơ bản về văn học, văn hóa, ngôn ngữ Anh và giáo dục tiếng Anh; đề xuất được các giải pháp từ kết quả nghiên cứu, góp phần đổi mới quá trình dạy học và giáo dục.
- 5) C5: Vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn vào lập kế hoạch và tổ chức dạy học môn tiếng Anh.

2.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

- 6) C6: Giao tiếp có hiệu quả với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và các bên liên quan khác.
- 7) C7. Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp
- 8) C8. Đạt trình độ tin học IC³, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục.
- 9) C9: Đạt trình độ tiếng Trung bậc 3 (ngoại ngữ 2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp thông thường.
- 10) C10: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

*** Kỹ năng chuyên môn**

- 11) C11: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục.
- 12) C12: Vận dụng được các phương pháp dạy học tích hợp môn tiếng Anh với các môn học khác và các phương pháp giáo dục học sinh; Xử lý được các tình huống dạy học, giáo dục.
- 13) C13: Áp dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập môn tiếng Anh và rèn luyện ở trường phổ thông.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 14) C14: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.
- 15) C15: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.
- 16) C16: Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức Chung		Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng Chung					Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	C 1	C 2	C3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16
M1			X	X							X					
M2		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
M3			X	X							X					
M4	X					X				X				X		
M5								X								
M6									X							
M7						X	X			X						
M8					X			X			X		X			
M9	X									X				X		
M10															X	X

4. Đối tượng tuyển sinh Học sinh tốt nghiệp THPT

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 132 tín chỉ;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ: bậc 5 đối với tiếng Anh, bậc 3 đối với ngoại ngữ 2 (tiếng Trung) theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.

6. Cách thức đánh giá

6.2.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

6.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Các hình thức đánh giá: tự luận, vấn đáp, bài tập lớn... phù hợp với đặc thù học phần, được thực hiện theo Quy chế đào tạo tín chỉ và Quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5
5	1	2	3	6

- Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định).

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
<i>(Hình thức đánh giá và trọng số được lựa chọn phù hợp với đặc trưng của từng môn học)</i>					
1.	Chuyên cần	...	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2.	Bài tập cá nhân, tiểu luận	...	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3.	Bài tập nhóm	...	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

4.	Thí nghiệm/ thực hành	...	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ		1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
5.	Seminar (*bài làm theo nhóm)	...	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6.	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%) <i>(Hình thức thi kết thúc học phần được quyết định phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học)</i>				
7.	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10
8.	Trắc nghiệm		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10
9.	Vấn đáp		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		10
10.	Thực hành		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá thực hành quy định chung của Trường		10
11.	Tiểu luận		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá tiểu luận quy định chung của Trường		10
12.	Bài tập lớn		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường		10

7. Nội dung đào tạo

7.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132

Trong đó:

- Kiến thức chung: 26 tín chỉ
- + Khối kiến thức chung: 12 tín chỉ
- + Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: 16 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 69 tín chỉ
- + Khối kiến thức chung của khối ngành (Kiến thức cơ sở ngành). 12 tín chỉ
- + Khối kiến thức chung của nhóm ngành (Kiến thức chuyên ngành): 57 tín chỉ
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Khối kiến thức ngành và bổ trợ): 28 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp): 7 tín chỉ

7.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	HP tiên quyết	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		26								
Các học phần bắt buộc			24								
1	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5	40	30	20	20				2
2	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	10	10	10				4
3	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	22,5	15	15	15			HCM121N	6
4	CHI141N	Tiếng Trung sơ cấp 1	4	30	30	15	15				3
5	EDL121N	Pháp luật đại cương	2	20	5	5	10		MLP151N		3
6	CHI142N	Tiếng Trung sơ cấp 2	4	30	30	15	15			CHI141N	4
7	CHI123N	Tiếng Trung trung	2	15	10	5	15			CHI142N	5

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	HP tiên quyết	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
		cấp									
8	ILL121N	Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ	2	15		20	10				1
9	PHE111N	Giáo dục thể chất 1									1
10	PHE112N	Giáo dục thể chất 2							PHE111N		2
11	PHE113N	Giáo dục thể chất 3							PHE112N		3
12	MIE131N	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							4
Các học phần tự chọn			2								
13	EDE121N	Môi trường và phát triển	2	20	8		12				3
14	VCF121N	Cơ sở văn hóa Việt Nam*	2	21	4	6	8				3
15	LOG121N	Lô gíc hình thức	2	20	10	5	5				3
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		71								
2.1	Kiến thức cơ sở		12								
Các học phần bắt buộc			7								
16	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	15					1
17	EGR231N	Ngữ pháp tiếng Anh thực hành	3	25	10	10	20				1
18	ENP221N	Luyện âm tiếng Anh	2	15	10	5	15				1
Các học phần tự chọn			5								
19	ELE231N	Từ vựng học tiếng Anh*	3	25	10	10	20				2
20	ILA221N	Dẫn luận ngôn ngữ	2	15	10	5	15				4
21	EGR222N	Ngữ pháp tổng hợp	2	15	10	5	15				4
22	ERM221N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh*	2	15	10	5	15				4

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	HP tiên quyết	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
2.2	Kiến thức ngành		59								
Các học phần bắt buộc			50								
23	EPP241N	Thực hành tiếng 1	4	30	20	10	30				1
24	EPP242N	Thực hành tiếng 2	4	30	20	10	30			EPP241N	2
25	EPP243N	Thực hành tiếng 3	4	30	20	10	30			EPP242N	3
26	PBL221N	Đề án học tập 1	2	15	0	10	10	10			3-
27	EPP244N	Thực hành tiếng 4	4	30	20	10	30			EPP243N	4
28	ENL225N	Nghe tiếng Anh 5	2	15	10	5	15			EPP224N	5
29	ENS225N	Nói tiếng Anh 5	2	15	10	5	15			EPP244N	5
30	ENR225N	Đọc tiếng Anh 5	2	15	10	5	15			EPP244N	5
31	ENW225N	Viết tiếng Anh 5	2	15	10	5	15			EPP244N	5
32	EGR223N	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	2	15	10	5	15			EGR131N	5
33	PBL222N	Đề án học tập 2	2	15	5	15	10			PBL221N	4
34	ENL226N	Nghe tiếng Anh 6	2	15	10	5	15			ENL225N	6
35	ENS226N	Nói tiếng Anh 6	2	15	10	5	15			ENS225N	6
36	ENR226N	Đọc tiếng Anh 6	2	15	10	5	15			ENR225N	6
37	ENW226N	Viết tiếng Anh 6	2	15	10	5	15			ENW225N	6
38	ECC221N	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	2	15	0	10	10	10			6
39	ENL227N	Nghe tiếng Anh 7	2	15	10	5	15			ENL226N	7
40	ENS227N	Nói tiếng Anh 7	2	15	10	5	15			ENS226N	7
41	ENR227N	Đọc tiếng Anh 7	2	15	10	5	15			ENR226N	7
42	ENW227N	Viết tiếng Anh 7	2	15	10	5	15			ENW226N	7
43	ENP221N	Ngữ âm học tiếng Anh	2	15	10	5	15			ENP221N	7
Các học phần tự chọn			9								
44	PSE221N	Thuyết trình tiếng Anh	2	15	10	5	15				2
45	ELC221N	Ngôn ngữ và truyền thông	2	15	10	5	9	6			4
46	EAO221N	Ngôn ngữ và hành chính - văn phòng*	2	15	10	5	9	6			4

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	HP tiên quyết	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
47	ECL221N	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	15	10	5	15				4
48	ENT221N	Ngôn ngữ và du lịch*	2	15	10	5	15				7
49	EDA221N	Phân tích diễn ngôn Anh	2	15	10	5	15				7
50	ECC232N	Giao thoa văn hóa*	3	25	10	10	20				7
51	ECS221N	Đất nước học Anh	2	15	10	5	15				7
52	EIN221N	Phiên dịch tiếng Anh*	2	15	10	5	15				7
53	ETR221N	Biên dịch tiếng Anh	2	15	10	5	15				7
54	ELI221N	Văn học Anh	2	15	10	5	15				7
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		28								
55	EPS331M	Tâm lý học giáo dục	3	30		15	15				1
56	PEP341M	Giáo dục học	4	42	8	12	16			EPS331M	2
57	TTM341N	Lý luận và Phương pháp DH tiếng Anh	4	30	15	15	30				3
58	COS321M	Giao tiếp sư phạm	2	15	8	18	4				6
59	PST321N	Thực hành SP Tiếng Anh 1	2			60					2
60	PST322N	Thực hành SP Tiếng Anh 2	2	15	10	5	9	6		PST321N	4
61	PST323N	Thực hành SP Tiếng Anh 3	2	15	10	5	9	6		PST322N	5
62	PST324N	Thực hành SP Tiếng Anh 4	2	15	10	5	9	6		PST323N	6
63	ETA321N	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh	2	15	10	5	15				5
64	TRA321N	Thực tập sư phạm 1	2	3 tuần ở Trường phổ thông							5
65	TRA332N	Thực tập sư phạm 2	3	7 tuần ở Trường phổ thông							8

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	HP tiên quyết	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
4.	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN), các học phần thay KLTN		7								
Khóa luận tốt nghiệp			7								
66	EGP904N	Khóa luận tốt nghiệp	7								8
Các học phần thay thế KLTN			7								
67	EYL931N	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	25	10	10	20				8
68	ESP931N	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	3	25	10	10	20				8
69	ETM921N	PPGD tiếng Anh nâng cao*	2	15	10	5	15				8
70	ISC921N	Tham vấn tâm lý học đường	2	15	10	5	15				8
71	EAR921N	Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh	2	15	10	5	15				8
72	ECD931N	Phát triển chương trình trong giảng dạy tiếng Anh *	3	25	10	10	20				8
73	ECA921N	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh	2	15	10	5	15				8
74	PBL921N	Phát triển kỹ năng dạy học theo dự án *	2	15	10	5	15				8
75	PSD921N	Phát triển năng lực tự bồi dưỡng của giáo viên	2	15	10	5	15				8
Tổng cộng			132								

7.3. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
		Kiến thức Chung		Kiến thức chuyên môn			Kĩ năng Chung					Kĩ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
Kiến thức chung		3	3	1	1	3	3	3	3	3	0	2	1	3	2	3	
MLP151N Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin		3	0	0	0	0	2	1	0	0	2	0	0	0	2	2	2
HCM121N Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	0	0	0	0	2	1	0	0	2	0	0	0	2	2	2
VCP131N Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	3	2	2
CHI141N Tiếng Trung sơ cấp 1		3	3	1	1	3	3	3	3	3	0	2	1	3	2	3	
EDL121N Pháp luật đại cương		3	0	0	0	0	1	2	0	0	1	0	0	0	3	1	1
CHI142N Tiếng Trung sơ cấp 2		3	3	1	1	3	3	3	3	3	0	2	1	3	2	3	
CHI123N Tiếng Trung trung cấp		3	3	1	1	3	3	3	3	3	0	2	1	3	2	3	
ILL121N Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ		0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2	2	
PHE111N Giáo dục thể chất 1		0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	2	3	
PHE112N Giáo dục thể chất 2		0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	2	2	
PHE113N Giáo dục thể chất 3		0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0	0	2	2	
MIE131N Giáo dục quốc phòng		3	3	1	1	3	3	3	3	3	0	2	1	3	2	3	
EDE121N Môi trường và phát triển		1	2	0	0	0	2	2	1	1	2	0	0	0	1	3	2
VCF121N Cơ sở văn hóa Việt Nam*		0	0	0	0	0	2	2	1	1	2	0	0	0	1	2	2
LOG121N Lô gíc hình thức		1	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	2	1	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		0	1	3	3	2	1	1	2	0	2	2	1	1	3	3	

VIU121N Tiếng Việt thực hành	1	1	0	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	2	2	2
EGR231N Ngữ pháp tiếng Anh thực hành	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
ENP221N Luyện âm tiếng Anh	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
ELE231N Từ vựng học tiếng Anh*	0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
ILA221N Dẫn luận ngôn ngữ	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1
EGR222N Ngữ pháp tổng hợp	0	0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
ERM221N Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh*	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
Kiến thức chuyên ngành	0	1	3	3	3	2	1	2	0	1	3	3	3	0	3	3
EPP241N Thực hành tiếng 1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	1	1
EPP242N Thực hành tiếng 2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	0	1	1
EPP243N Thực hành tiếng 3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	2
PBL221N Đề án học tập 1	0	0	2	2	0	2	0	3	0	0	2	1	1	0	1	2
EPP244N Thực hành tiếng 4	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	3
ENL225N Nghe tiếng Anh 5	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
ENS225N Nói tiếng Anh 5	1	1	3	1	1	3	2	2	0	3	3	2	0	1	3	3
ENR225N Đọc tiếng Anh 5	0	0	2	2	0	2	0	0	0	2	0	2	2	0	0	2
ENW225N Viết tiếng Anh 5	0	0	2	2	1	1	1	0	0	1	3	2	2	2	2	2
EGR223N Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	0	0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
PBL222N Đề án học tập 2	0	2	1	0	3	0	2	0	0	2	1	1	1	0	2	2
ENL226N Nghe tiếng Anh 6	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
ENS226N Nói tiếng Anh 6	1	1	3	1	1	3	2	2	0	3	3	2	0	1	3	3
ENR226N Đọc tiếng Anh 6	0	0	2	2	0	2	0	0	0	2	0	2	2	0	0	2

ENW226N Viết tiếng Anh 6	0	1	3	3	3	2	1	2	0	1	3	3	3	0	3	3
ECC221N Văn hóa các nước nói tiếng Anh	0	0	2	2	0	1	0	1	0	0	2	0	0	0	2	2
ENL227N Nghe tiếng Anh 7	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
ENS227N Nói tiếng Anh 7	1	1	3	1	1	3	2	2	0	3	3	2	0	1	3	3
ENR227N Đọc tiếng Anh 7	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0	2	0	1	1
ENW227N Viết tiếng Anh 7	0	0	2	2	1	1	1	0	0	1	3	2	2	2	2	2
ENP221N Ngữ âm học tiếng Anh	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
PSE221N Thuyết trình tiếng Anh	0	0	3	1	1	3	2	2	0	3	3	1	0	1	3	3
ELC221N Ngôn ngữ và truyền thông	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	2
EAO221N Ngôn ngữ và hành chính - văn phòng*	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
ECL221N Ngôn ngữ học đối chiếu	0	1	3	3	3	2	1	2	0	1	3	3	3	0	3	3
ENT221N Ngôn ngữ và du lịch*	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
EDA221N Phân tích diễn ngôn Anh	1	1	3	2	1	3	1	2	0	1	3	3	1	2	3	3
ECC232N Giao thoa văn hóa*	0	0	3	3	0	2	0	0	0	0	3	0	0	0	2	2
ECS221N Đất nước học Anh	0	0	2	2	1	1	2	1	1	1	2	2	2	1	2	2
EIN221N Phiên dịch tiếng Anh*	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0	2	3
ETR221N Biên dịch tiếng Anh	0	0	2	2	0	2	0	0	0	2	0	2	2	0	0	2
ELI221N Văn học Anh	0	0	2	3	1	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2
Kiến thức NVSP	2	3	3	3	3	3	2	2	0	2	2	3	3	1	3	3
EPS331M Tâm lý học giáo dục	0	3	0	0	0	3	3	0	0	1	0	0	0	2	3	2

PEP341M Giáo dục học	0	3	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	2	1	1
TTM341N Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
COS321M Giao tiếp sư phạm	0	2	0	0	0	3	2	0	0	1	0	0	0	2	3	2
PST321N Thực hành SP Tiếng Anh 1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	2	2	1	0	2	2
PST322N Thực hành SP Tiếng Anh 2	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
PST323N Thực hành SP Tiếng Anh 3	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
PST324N Thực hành SP Tiếng Anh 4	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
ETA321N Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh	1	1	3	3	3	2	3	3	0	1	3	3	3	1	3	3
TRA321N Thực tập sư phạm 1	2	3	3	3	3	3	2	2	0	2	2	3	3	1	3	3
TRA332N Thực tập sư phạm 2	2	3	3	3	3	3	2	2	0	2	2	3	3	1	3	3
TT KLTN	0	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	1	1	0	3	3
EGP904N Khóa luận tốt nghiệp	0	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	1	1	0	3	3
EYL931N Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
ESP931N Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	0	0	2	1	2	2	0	0	0	0	1	3	3	1	2	2
ETM921N PPGD tiếng Anh nâng cao*	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
ISC921N Tham vấn tâm lý học đường	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	2	0	0	1	1
EAR921N Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh	0	0	2	3	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	2	2

ECD931N Phát triển chương trình trong giảng dạy tiếng Anh *	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2
ECA921N Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh	0	3	0	0	3	3	2	0	0	0	2	2	0	0	3	3
PBL921N Phát triển kỹ năng dạy học theo dự án *	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	2	2
PSD921N Phát triển năng lực tự bồi dưỡng của giáo viên	0	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	2	2

Ghi chú: Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n.

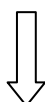
Mức độ đóng góp được mã hóa như sau: **1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao; Để trống = Không đóng góp.**

7.4. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học (để cho sinh viên tham khảo)

Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ	ILL121N	2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	MLP151N	5
Giáo dục thể chất 1	PHE111N	2	Giáo dục thể chất 2	PHE112N	2
Ngữ pháp tiếng Anh thực hành	EGR231N	3	Thực hành tiếng 2	EPP242N	4
Tiếng Việt thực hành	VIU121N	2	Giáo dục học	PEP341M	4
Luyện âm tiếng Anh	ENP221N	2	Thực hành SP Tiếng Anh 1	PST321N	2
Thực hành tiếng 1 *	EPP241N	4			
Tâm lý học giáo dục	EPS331M	3			

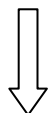
Tự chọn			Tự chọn		
			Từ vựng học tiếng Anh	ELE231N	3
			Thuyết trình tiếng Anh	PSE221N	2
		Tổng số tín chỉ: 18 tín chỉ			Tổng số tín chỉ: 22 tín chỉ



Năm thứ hai

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Tiếng Trung sơ cấp 1	CHI141N	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121N	2
Pháp luật đại cương	EDL121N	2	Tiếng Trung sơ cấp 2	CHI142N	4
Giáo dục thể chất 3	PHE113N	2	Giáo dục quốc phòng	MIE131N	
Thực hành tiếng 3	EPP243N	4	Thực hành tiếng 4	EPP244N	4
Đề án học tập 1	PBL221N	2	Đề án học tập 2	PBL222N	2
Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh	TTM341N	4	Thực hành SP Tiếng Anh 2	PST322N	2
Tự chọn			Tự chọn		
Môi trường và phát triển	EDE121N	2	Dẫn luận ngôn ngữ	ILA221N	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	VCF121N	2	Ngữ pháp tổng hợp	EGR222N	2
Lô gíc hình thức	LOG121N	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh	ERM221N	2

			Ngôn ngữ và truyền thông	ELC221N	2
			Ngôn ngữ và hành chính - văn phòng	EAO221N	2
			Ngôn ngữ học đối chiếu	ECL221N	2
		Tổng tín chỉ: 24 tín chỉ			Tổng tín chỉ: 24 tín chỉ



Năm thứ ba

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Tiếng Trung trung cấp	CHI123N	2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP131N	3
Nghe tiếng Anh 5	ENL225N	2	Nghe tiếng Anh 6	ENL226N	2
Nói tiếng Anh 5	ENS225N	2	Nói tiếng Anh 6	ENS226N	2
Đọc tiếng Anh 5	ENR225N	2	Đọc tiếng Anh 6	ENR226N	2
Viết tiếng Anh 5	ENW225N	2	Viết tiếng Anh 6	ENW226N	2
Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	EGR223N	2	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	ECC221N	2
Thực hành SP Tiếng Anh 3	PST323N	2	Giao tiếp sư phạm	COS321M	2
Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh	ETA321N	2	Thực hành SP Tiếng Anh 4	PST324N	2
Thực tập sư phạm 1	TRA321N	2			
Tự chọn			Tự chọn		
		Tổng tín chỉ: 18 tín chỉ			Tổng tín chỉ: 17 tín chỉ



Năm thứ tư

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Nghe tiếng Anh 7	ENL227N	2	Thực tập sư phạm 2	TRA332N	2
Nói tiếng Anh 7	ENS227N	2			
Đọc tiếng Anh 7	ENR227N	2			
Viết tiếng Anh 7	ENW227N	2			
Ngữ âm học tiếng Anh	ENP221N	2			
Tự chọn			Tự chọn		
Ngôn ngữ và du lịch	ENT221N	2	Khóa luận tốt nghiệp	EGP904N	7
Phân tích diễn ngôn Anh	EDA221N	2	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	EYL931N	3
Giao thoa văn hóa	ECC232N	3	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	ESP931N	3
Đất nước học Anh	ECS221N	2	PPGD tiếng Anh nâng cao	ETM921N	2
Phiên dịch tiếng Anh	EIN221N	2	Tham vấn tâm lý học đường	IsC921N	2
Biên dịch tiếng Anh	ETR221N	2	Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh	EAR921N	2
Văn học Anh	ELI221N	2	Phát triển chương trình trong giảng dạy tiếng Anh	ECD931N	3
			Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh	ECA921N	2
			Phát triển kỹ năng dạy học theo dự án	PBL921N	2
			Phát triển năng lực tự bồi dưỡng của giáo viên	PSD921N	2
		Tổng tín chỉ: 23 tín chỉ			Tổng tín chỉ:

8. Mô tả học phần gồm các đề mục:

8.1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin

1. Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ: 5; Tổng số tiết quy chuẩn: 75

(Lý thuyết: 40; Bài tập: 30; Thực hành: 20; Thảo luận/Seminar: 20; Tự học: 220)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *không*

- Học phần học trước: *không*

- Học song hành: *không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Vũ Minh Tuyên	0987414142	vutuyen@gmail.com
2.	TS Trần Thị Lan	0983 896 296	lantrannt@gmail.com
3.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongsptn@gmail.com
4.	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	ngolananhsptn@gmail.com
5.	TS Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	nguyenha072007@gmail.com
6.	TS Nguyễn Thị Hường	0988596121	meogiatn@gmail.com
7.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	Nguyenthimao.tn@gmail.com
8.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	thuhien165@gmail.com
9.	ThS Vũ Thúy Hằng	0974090486	bachhang2010@gmail.com
10.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	flyingdance.708@gmail.com
11.	ThS Đoàn Thị Hồng Nhung	0357390819	nhungtrietk55@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu, phân tích, đánh giá được nội dung, ý nghĩa phương pháp luận các nguyên lý của triết học Mác – Lênin.

MT2: Hiểu, phân tích, đánh giá được nội dung, ý nghĩa phương pháp luận các nguyên lý của kinh tế chính trị Mác – Lênin

MT3: Hiểu, phân tích, đánh giá được nội dung, ý nghĩa phương pháp luận các nguyên lý chủ nghĩa xã hội khoa học.

MT4: Giải thích được những vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội nảy sinh trong đời sống dựa trên cơ sở phân tích các quy luật của triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

**** Về kỹ năng***

MT5: Vận dụng được các kiến thức của học phần để giải thích những vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội và giao tiếp có hiệu quả với học sinh, cha mẹ học sinh cũng như các bên liên quan.

MT6: Vận dụng được các kiến thức của học phần để thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục hướng nghiệp.

MT7: Phát triển các kỹ năng thuyết trình, hợp tác, tư duy sáng tạo, tích cực, chủ động phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp của bản thân.

**** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

MT8: Hiểu và thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

MT9: Thực hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm xã hội đối với các vấn đề thực tiễn.

MT10: Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và có khả năng lập kế hoạch học tập học phần hiệu quả.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin; Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

***Phương pháp dạy học**

- Phương pháp thuyết trình: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch7, Ch9.

- Phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại, tình huống, thảo luận nhóm: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích thông qua việc nêu câu hỏi, tình huống về các vấn đề của học phần; trao đổi, đàm thoại, hợp tác để cùng giải quyết được nội dung học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch8, Ch9, Ch10.

***Hình thức tổ chức dạy học**

- Hình thức dạy học nhóm, lớp: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kỹ năng, khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập/thảo luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 3 bài tập thảo luận nhóm.

- Seminar/thực hành: Hoàn thành 3 bài seminar ở chương 3 và chương 5, chương 7; 3 bài thực hành nhóm ở chương 2, chương 5, chương 8 theo nội dung yêu cầu của giảng viên ở các chương và trình bày trước lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
5	1	2	3	6

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1 – Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch1 – Ch10	5
2.	Bài tập cá nhân, tiểu luận	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1 – Ch10	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1 – Ch10	5
			- Bài có tính khoa học	Ch1 – Ch10	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch1 – Ch10	1
3.	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1 – Ch10	2
			- Thái độ tham gia	Ch1 – Ch10	1
			- Ý kiến đóng góp	Ch1 – Ch10	2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm	Ch1 – Ch10	1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp	Ch1 – Ch10	5
4.	Thực hành	5%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1 – Ch10	1
			- Thực hiện đúng thao tác và quy trình	Ch1 – Ch10	2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	Ch1 – Ch10	3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh	Ch1 – Ch10	3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	Ch1 – Ch10	1
5.	Seminar/Bài làm theo nhóm	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1 – Ch10	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Ch1 – Ch10	1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng	Ch1 – Ch10	2
			- Tương tác bằng mắt và chỉ số tốt	Ch1 – Ch10	1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Ch1 – Ch10	1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ	Ch1 – Ch10	1

			và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		
6.	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1 – Ch10	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7.	Viết		Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	Ch1 – Ch10	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, từ 2009 – 2016.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội - 2004.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên kinh tế và quản trị doanh nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội - 2008.

[4]. Bộ Giáo dục - đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội - 2006.

[5]. Lê Văn Lực - Trần Văn Phòng (đồng chủ biên), Đại học Quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập I, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội 2008.

[6]. Lê Danh Tôn - Đỗ Thế Tùng (đồng chủ biên), Đại học Quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập II, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội 2008.

[7]. Phạm Công Nhất - Phan Thanh Khôi (đồng chủ biên), Đại học Quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập III, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội 2008.

8.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10 ; Thực hành 10; Thảo luận/Seminar: 10; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: *Bắt buộc*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TTHCM – Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
2.	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyendaphamt@dhsptn.edu.vn
3.	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	thailinhchinhtri@gmail.com
4.	Th.s Nguyễn Văn Tuyên	0914 322 834	tuyen69sptn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu, phân tích, đánh giá được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

MT2: Hiểu, phân tích, đánh giá được hệ thống quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

MT3: Hiểu, phân tích, đánh giá được những vấn đề lý luận và thực tiễn, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

MT4: Phát triển kỹ năng phản biện xã hội cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

MT5: Hình thành ở sinh viên tinh thần, thái độ, trách nhiệm trong việc học tập theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh.

MT6: Phát triển các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục học sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Hiểu và thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

MT8: Thực hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm xã hội đối với các vấn đề của đất nước.

MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và có khả năng lập kế hoạch học tập học phần hiệu quả.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là hệ thống những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh còn tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các môn học thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình sử dụng phân tích, giảng giải, chứng minh làm rõ kiến thức chuyên sâu về Tư tưởng Hồ Chí Minh với mục đích cung cấp những kiến thức nền tảng của môn học cho sinh viên. Thông qua phương pháp này, sinh viên sẽ hiểu cơ bản yêu cầu, nhiệm vụ của môn học. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch7, Ch10, Ch12, Ch13, C14.

- Phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại: được sử dụng để giảng dạy những vấn đề thường xuất hiện mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn nhằm phát huy tính tích cực khám phá, phát hiện và chiếm lĩnh tri thức của sinh viên. Sinh viên chủ động tìm kiếm tri thức, và giải quyết các nhiệm vụ của nội dung môn học. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch10, Ch15.

- Phương pháp thảo luận nhóm: được sử dụng ở các nội dung thảo luận trên lớp. Phương pháp này giúp sinh tăng sự liên kết giữa các thành viên trong nhóm, trong lớp, phát triển năng lực giao tiếp cho sinh viên. Phương pháp này giúp sinh viên đạt chuẩn

Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch10, Ch11.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kỹ năng, khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt được tất cả các chuẩn đã nêu ra.

- Định hướng tự học cho sinh viên: phương pháp này nhằm rèn luyện ý thức tự học tự duy độc lập cho sinh viên. Phương pháp này giúp sinh viên đạt chuẩn đã đặt ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; thảo luận và chuẩn bị bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; hoàn thiện các bài tập về nhà, chuẩn bị đồ dùng, phương tiện phục vụ các tiết học trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm, 1 bài tiểu luận và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 thực hành cá nhân/nhóm.

- Seminar: Hoàn thành 1 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 1 bài seminar nhóm ở chương 6; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp)

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1 – Ch15	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2.	Bài tập cá nhân, tiểu luận	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1 – Ch15	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3.	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1 – Ch15	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4.	Thực hành	5%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1 – Ch15	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
5.	Seminar/Bài làm theo nhóm	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1 – Ch15	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và chỉ số tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1

			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6.	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7.	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần	Ch1 – Ch15	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Khánh Bất (Chủ biên): Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004, Thư viện Quốc gia.

[3]. Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, Thư viện Quốc gia.

[4]. Song Thành : Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, Thư viện Quốc gia.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[7]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

8.3 Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3 ; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 22,5; Bài tập: 15 ; Thực hành 15; Thảo luận: 15; Tự học: 100 giờ)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	hoangthuthuy@dhsptn.edu.vn
2	TS. Nguyễn Hữu Toàn	0912 386 627	toannguyenhuu79@gmail.com
3	ThS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlysptn@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	tuananhhgdct@gmail.com
5	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	thanhhan309@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	minhhien110781@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Hằng	0973 660 302	tranthihang@dhsptn.edu.vn
8	ThS. Vũ Thuý Hằng	0974090486	bachhang2010@gmail.com
9	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	Hiennguyen165@gmail.com
10	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	thanhha072007@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

MT1: Hiểu, phân tích, đánh giá được quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

MT2: Hiểu, phân tích, đánh giá được đường lối của Đảng về các vấn đề về công nghiệp hoá, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, đối ngoại trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

MT3: Đánh giá được tính hiệu quả của việc thực hiện đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

*** Về kỹ năng**

MT4: Hình thành kỹ năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến mọi người.

MT5: Sinh viên vận dụng được nội dung các kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức và giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

MT6: Phát triển kỹ năng hợp tác, thuyết trình, tư duy nhận diện và phản biện các vấn đề chính trị - xã hội đang nảy sinh trong đời sống thực tiễn.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Làm việc độc lập và làm việc nhóm theo nhiệm vụ của học phần, chịu trách nhiệm trước những vấn đề đã giải quyết.

MT8: Hình thành tính độc lập tự chủ và chịu trách nhiệm trước các vấn đề chính trị xã hội của đất nước.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Không kể chương mở đầu, môn học gồm 8 chương. Chương 1,2,3 nghiên cứu về đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975); Chương 4,5,6,7,8 nghiên cứu về đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới như: Đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị... Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc khoa học chính trị.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch7, Ch9.

- Phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại, tình huống, thảo luận nhóm: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích thông qua việc nêu câu hỏi, tình huống về các vấn đề của môn học; trao đổi, đàm thoại, hợp tác để cùng giải quyết được nội dung môn

học. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch8, Ch9, Ch10.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kỹ năng, khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt được tất cả các chuẩn đã nêu ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ bài tập, thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của GV trước khi đến lớp học.

- Bài tập/tiểu luận: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân ở chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên

- Thảo luận nhóm, thực hành: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm, 1 bài thực hành theo nội dung yêu cầu ở chương 4, chương 7 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
3	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1- Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5

2.	Bài tập cá nhân, tiểu luận	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1- Ch10	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3.	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1- Ch10	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4.	Thực hành	5%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1- Ch10	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
5.	Seminar (*bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1- Ch10	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6.	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1- Ch10	10
7.	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
8.	Tự luận		Theo đáp án đề thi và thang điểm đề thi kết thúc học phần	Ch1- Ch10	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, ***Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*** (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017 (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, ***Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam***, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006 (Thư viện Trường Đại học Sư phạm- ĐHTN)

[3]. Nguyễn Trọng Phúc, ***Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các Đại hội và Hội nghị Trung ương (1930 - 2002)***, 2003 (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN)

[4]. Lê Mậu Hãn (2001), ***Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam***, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

[5]. Bùi Kim Đỉnh (chủ biên) (2007), ***Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam***, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

[6]. Hoàng Thị Kim Thanh (2003), ***Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bảo vệ thành quả cách mạng giai đoạn 1945 – 1946***, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN)

[7]. Bùi Kim Đỉnh (2009), ***Hỏi đáp môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam***, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

[8]. Trang web: vietnamnet; dantri; dhsptn.edu.vn; www.cpv.org.vn; www.lyluanchinhtri.vn.

8.4. Tiếng Trung Sơ Cấp 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60
(Lý thuyết: 30; Bài tập: 30; Thực hành: 15; Thảo luận: 15; Tự học: 120 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lưu Thị Lan Hương	0984804852	Luulanhuongdhsptn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

MT2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa Trung Quốc trong giao tiếp bằng tiếng Trung.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

MT7: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tiếng Trung sơ cấp 1 là phần kiến thức cơ bản của chương trình đào tạo tiếng Trung Quốc. Môn học này đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển năng lực ngoại ngữ cho sinh viên, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản bao gồm: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán, nâng cao kỹ năng giao tiếp thông thường với người Trung Quốc, ngoài ra còn giúp sinh viên hiểu biết thêm về ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa và con người đất nước Trung Quốc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CDR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức khoa học nền tảng.	Ch1, 2, 5
Dạy học theo nhóm	Giúp SV có cơ hội luyện tập được các kỹ năng ngôn ngữ và phát triển được kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề.	Ch3, 4, 5, 6, 7
Đàm thoại	Giúp SV gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của SV.	Ch1,2,3,4,5,6, 7

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập trên edmodo đúng hạn cho giảng viên.

Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành theo yêu cầu.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
4	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch8, Ch9	4
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		2
			- Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi lên lớp		4
2.	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân Qua EDMO DO hoặc bài 15 phút trên lớp)	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7,8 9,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3.	Bài kiểm tra định kì (bài kiểm tra 50 phút)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4.	Viết	50%	Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án đã xây dựng	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ 1*, quyển Thượng, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2003.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nhóm tác giả The Zhishi- Đỗ Nhung (chủ biên), *Tự học Nghe-Nói tiếng Trung căn bản 1*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.

[3] Nhóm tác giả The Zhishi- Ngọc Hân (chủ biên), *Tập viết chữ Hán*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.

8.5 Pháp luật đại cương

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 20; Bài tập: 05; thực hành: 05; Thảo luận/seminar: 10; tự học: 60)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: MLP151N: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Kinh tế - xã hội và pháp luật Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hoàng Lan	0912454656	hoanglan@dhsptn.edu.vn
2	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@gmail.com
3	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyendapham@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Mai Anh	0974390790	nguyenmaianh@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức:

- MT1: Hiểu và phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản của nhà nước và pháp luật.
- MT2: Hiểu và phân tích được những kiến thức pháp lý cơ bản: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật.
- MT3: Phân tích được cấu trúc và hình thức biểu hiện của hệ thống pháp luật Việt Nam;
- MT4: Hiểu và phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

* Về kỹ năng:

- MT5: Phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn;

- MT6: Hình thành kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý cho quần chúng nhân dân, góp phần thực hiện nếp sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật;

- MT7: Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- MT8: Có ý thức nâng cao hiểu biết về pháp luật; có thái độ tôn trọng pháp luật, hình thành thói quen sống và làm việc theo pháp luật; nghiêm túc chấp hành nội quy và quy chế của nhà trường;

- MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và có khả năng lập kế hoạch học tập môn học hiệu quả.

- MT10: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung, của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học. Phương pháp này giúp SV đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch 4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9

- Phương pháp trao đổi, đàm thoại: Sử dụng ở các nội dung học tập. Thông qua trao đổi đàm thoại để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học. Phương pháp này giúp SV đạt các chuẩn Ch1, Ch2, Ch3, Ch 4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10, Ch11

- Phương pháp dạy học nhóm: Sử dụng ở các nội dung thảo luận tại lớp. Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác. Phương pháp này nhằm phát triển năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở SV. Phương pháp giúp SV đạt các chuẩn Ch2, Ch3, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10, Ch11, Ch12, Ch14

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp sinh viên biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích bài học. Phương pháp này nhằm phát triển năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở SV. Phương pháp giúp SV đạt các chuẩn Ch6, Ch10, Ch11, Ch12, Ch13, Ch14, Ch15

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập/thảo luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 Bài tập nhóm

- Seminar/thực hành: Hoàn thành 01 bài seminar/thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở Chương 8 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
5.	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch13, Ch14, Ch15	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5

6.	Bài tập cá nhân	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1-Ch15	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1-Ch15	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Seminar (*bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1-Ch15	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Thực hành	10%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1-Ch15	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
6	Bài kiểm tra định kì	20%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1-Ch15	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1-Ch15	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Đề cương bài giảng môn Pháp luật đại cương (Tập thể tác giả - Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)
- [3]. Sách giao bài tập môn Pháp luật đại cương (Tập thể tác giả - Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [4] *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật* (2016), Trường Đại học Luật Hà Nội, nxb Công an nhân dân.
- [5] *Giáo trình Pháp luật đại cương* (2012), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nxb Giáo dục.
- [6] *Pháp luật đại cương* (2003), Lê Minh Toàn, Lê Minh Thắng, Nguyễn Bá Chiến
- [7] *Pháp luật học* (2009), Nguyễn Đức Chiến, Lê Thị Ninh
- [8]. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
- [9]. Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015
- [10]. Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015
- [11]. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
- [12]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015
- [13]. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012).
- [14]. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
- [15]. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung môn học.
- [16]. Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật:
<http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>
- [17]. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:
<http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpdq.aspx>

8.6. Tiếng Trung Sơ cấp 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60
(Lý thuyết: 30; Bài tập: 30; Thực hành: 15; Thảo luận: 15; Tự học: 120 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Tiếng Trung sơ cấp 1
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lưu Thị Lan Hương	0984804852	Luulanhuongdhsptn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày.

MT2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 2 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

MT3: Hiểu được một số thông tin về xã hội, văn hóa Trung Quốc

* Về kỹ năng

MT4: Phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với Bậc 2 mức thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

MT5: Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân;

MT7: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học tiếng Trung Quốc sơ cấp 2 là môn học nối tiếp môn học tiếng Trung Quốc sơ cấp 1, tiếp tục giới thiệu cho sinh viên những hiện tượng ngữ pháp thường gặp như: câu hỏi chính phủ, động từ lặp lại, câu liên động, câu kiêm ngữ, câu tồn hiện, phương vị từ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc hiểu được những bài văn thông thường về những chủ đề cuộc sống hàng ngày. Môn học này kết hợp với các môn học khác hỗ trợ sinh viên trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung Quốc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức khoa học nền tảng	Ch1, Ch2, Ch3
Dạy học theo nhóm	Giúp SV có cơ hội luyện tập được các kỹ năng ngôn ngữ và phát triển được kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7
Đàm thoại	Giúp SV gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của SV	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập trên edmodo đúng hạn cho giảng viên.

Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành theo yêu cầu.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
4	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch8, Ch9	4
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		2
			- Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi lên lớp		4
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân)	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7,8 9,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
	Qua EDMO DO hoặc bài 15 phút trên lớp)		- Ý tưởng sáng tạo		2
3	Bài kiểm tra định kì (bài kiểm tra 50 phút)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Viết	50%	Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án đã xây dựng	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[4] Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ 1*, Quyển Hạ, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2003.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[5] Nhóm tác giả The Zhishi- Đỗ Nhung (chủ biên), *Tự học Nghe-Nói tiếng Trung căn bản 1*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.

[6] Nhóm tác giả The Zhishi- Ngọc Hân (chủ biên), *Tập viết chữ Hán*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.

8.7. Tiếng Trung Trung cấp

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 120 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Tiếng Trung sơ cấp 2
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lưu Thị Lan Hương	0984804852	Luulanhuongdhsptn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

MT2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 3 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa Trung Quốc trong giao tiếp.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với Bậc 3 cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

MT7: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học tiếng Trung Quốc Trung cấp là môn học nối tiếp môn học tiếng Trung Quốc sơ cấp 2, thông qua những bài hội thoại về chủ đề thể thao, giáo dục, bệnh tật, nơi ở... trang bị cho sinh viên những kiến thức về kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, bồi dưỡng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp của sinh viên. Sinh viên có thể hiểu được những đoạn hội thoại khá dài, những mẫu tin nhỏ, thông báo, thông tin truyền hình đơn giản. Môn học này kết hợp với các môn học khác hỗ trợ sinh viên trong việc học chuyên ngành có liên quan đến tiếng Trung Quốc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CDR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức khoa học nền tảng	Ch1, Ch2, Ch3
Dạy học theo nhóm	Giúp SV có cơ hội luyện tập được các kỹ năng ngôn ngữ và phát triển được kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7
Đàm thoại	Giúp SV gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của SV	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập trên edmodo đúng hạn cho giảng viên.

Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành theo yêu cầu.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch8, Ch9	4
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		2
			- Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi lên lớp		4
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân Qua EDMO DO hoặc bài 15 phút trên lớp)	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7,8 9,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3	Bài kiểm tra định kì (bài kiểm tra 50 phút)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Viết	50%	Theo ngân hàng câu hỏi và đáp án đã xây dựng	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[7] Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ 1*, Quyển Hạ, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2003.

[8] Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ 2*, Quyển Thượng, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2003.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[9] Nhóm tác giả The Zhishi- Đỗ Nhung (chủ biên), *Tự học Nghe-Nói tiếng Trung căn bản 1*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.

[10] Nhóm tác giả The Zhishi- Ngọc Hân (chủ biên), *Tập viết chữ Hán*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.

8.8 Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học Ngoại ngữ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 20; Thực hành: 10; Thảo luận: 10; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Dương Công Đạt	0855958333	duongcongdat@dhsptn.edu.vn
2	Th.S. Phùng Thị Thanh Tú	0911227866	phungthanhtu78@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng được những kiến thức cần cho việc thực hành hình thành các kỹ năng CNTT cần thiết đáp ứng yêu cầu học tốt các môn học khác trong toàn chương trình đào tạo, đặc biệt là các môn học chuyên ngành (thể hiện rõ nhất là ứng dụng trong thực hiện các đề án môn học).

* Về kỹ năng

MT2: Sử dụng được các kỹ thuật về công nghệ thông tin cơ bản để phục vụ việc học tập và giảng dạy sau này.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT4: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Với vai trò là môn học hỗ trợ cho các môn học khác và có vị trí quan trọng trong việc khai thác tối đa hiệu quả của các môn học khác, đặc biệt là các môn chuyên ngành trong suốt quá trình đào tạo, môn học được bố trí ngay từ học kì đầu tiên. Nội dung môn học mang tính ứng dụng thực tiễn cao; bên cạnh đó, do môn học đề cao vai trò của người học, sự chủ động tích cực của mỗi người học nên phần thực hành và bài tập ứng dụng có tính linh hoạt cao. Nội dung môn học hướng đến xử lý văn bản, thiết kế bài trình chiếu trên máy tính, xử lý âm thanh, hình ảnh, tạo sản phẩm video, khai thác các dụng cụ số, các kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng Internet, khai thác mạng Internet trong lưu trữ trực tuyến, giao tiếp trực tuyến ở cả phương thức cá nhân lẫn nhóm lớn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được cách thức thực hiện các bài thực hành.	Ch1, Ch2
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập và chia sẻ các kỹ năng máy tính.	Ch1, Ch2
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1, Ch2

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học;

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch3, Ch4	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập thường xuyên	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Bài tập lớn (sản phẩm)		Theo tiêu chí và thang điểm	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	10

8. Học liệu

IC3 – Các ứng dụng chủ chốt, CCI Learning Solutions Inc.

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. IC3 – Các ứng dụng chủ chốt, CCI Learning Solutions Inc.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Hướng dẫn sử dụng window movie maker

[http://elearning.fit.hcmup.edu.vn/~longld/References%20for%20TeachingMethod&EducationTechnology%20-%20Tai%20lieu%20PPDH%20&%20Cong%20Nghe%20Day%20Hoc/\(Tool\)%20-%20Huong%20dan%20su%20dung%20cac%20cong%20cu%20/HD%20su%20dung%20Windows%20Movie%20Maker.pdf](http://elearning.fit.hcmup.edu.vn/~longld/References%20for%20TeachingMethod&EducationTechnology%20-%20Tai%20lieu%20PPDH%20&%20Cong%20Nghe%20Day%20Hoc/(Tool)%20-%20Huong%20dan%20su%20dung%20cac%20cong%20cu%20/HD%20su%20dung%20Windows%20Movie%20Maker.pdf)

[3] <http://tailieuhoctap.vn/chi-tiet-sach/186-nganh-cong-nghe-thong-tin/do-hoa-ung-dung/67212-chinh-sua-anh-don-gian-voi-photofiltre>

[4] <https://www.tracuuphapluat.info/2010/04/bien-tap-xu-ly-am-thanh-voi-phan-mem.html>

[5] Cách tạo website cá nhân trên google site <http://websitechuyennghiep.vn/cach-tao-website-mien-phi-voi-google-sites.html>

[6] Làm việc nhóm với google: <http://genk.vn/thu-thuat/lam-viec-theo-nhom-cuc-hieu-qua-voi-google-docs-2011100205021768.chn>

[7] Tạo mẫu điều tra trực tuyến trên google: <https://support.google.com/docs?hl=vi&p=#topic=1382883>

[8] Lớp học trực tuyến trên google: <https://sites.google.com/a/oude.edu.vn/google-apps-for-hcm-open-university/all-google-apps/google-classroom-lop-hoc-dhien-tu-ket-hop-nhieu-tien-ich>

8.9 Giáo dục thể chất 1

. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 01 ; Tổng số tiết quy chuẩn: 40 tiết
- Thực hành: 40 tiết
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT không chuyên; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Trần Thị Tú	0986703726	trantu@dhsptn.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963246683	hoaquynh@dhsptn.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	voxuanthuy@dhsptn.edu.vn
4	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	nguyenvandung@dhsptn.edu.vn
5	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	daongocanh@dhsptn.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	nguyenductuan@dhsptn.edu.vn
7	Th.S. Lê Văn Hùng	01252.998.828	levanhung@dhsptn.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	tranminhkhuong@dhsptn.edu.vn
9	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	nguyenthanhtrung@dhsptn.edu.vn
10	Th.S. Nguyễn Thị Thanh Vân	0389.974.726	thanhvan@dhsptn.edu.vn
11	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	nguyenductruong@dhsptn.edu.vn
12	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nguyennhac@dhsptn.edu.vn
13	Th.S. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	haysinh@dhsptn.edu.vn
14	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	huyanh@dhsptn.edu.vn
15	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuancovua@dhsptn.edu.vn
16	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	nguyenduynam@dhsptn.edu.vn
17	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	mathiemphach@dhsptn.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	nguyenmanhhung@dhsptn.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914456163	dongoccuong@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu được khái quát lịch sử TDTT, ý nghĩa, tác dụng của tập luyện TDTT đối với con người.

MT2: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp GDTC và kiến thức về vệ sinh Thể dục thể thao trong thực tiễn.

MT3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào thực tiễn.

*** Về kĩ năng**

MT4: Thực hiện cơ bản đúng các kỹ thuật đã học của môn học.

MT5: Đạt tiêu chuẩn về thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Xây dựng được kế hoạch học tập và rèn luyện.

MT7: Tuyên truyền ý nghĩa tác dụng của tập luyện TDTT và vận động người khác tham gia tập luyện TDTT thường xuyên.

64 Nội dung tóm tắt của học phần

GDTC 1 là môn học bắt buộc trong học phần GDTC dành cho sinh viên không chuyên TDTT Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên. Trong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về lịch sử TDTT, ý nghĩa, tác dụng của tập luyện TDTT đối với con người; các nguyên tắc, phương pháp GDTC và vệ sinh trong tập luyện TDTT, những kỹ thuật cơ bản của các nội dung gồm: chạy cự ly ngắn, nhảy xa, các bài tập Đội hình đội ngũ và bài Thể dục tay không. Giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác cũng như rèn luyện sức khỏe bản thân.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình (phân tích, giảng giải): Sử dụng ở các nội dung học tập lý thuyết với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch3, Ch6, Ch7.

- Phương pháp thị phạm, làm mẫu: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành với mục đích trang bị cho sinh viên những hình ảnh chuẩn, cách thức thực hiện đúng các kỹ thuật động tác của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch2, Ch4, Ch5.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp và hình thức tập luyện: Sử dụng ở các nội dung thực hành và làm luyện tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kĩ năng, kỹ xảo động tác cũng như khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học đầy đủ.
- Thực hành: Hoàn thành các bài tập thực hành cá nhân và nhóm theo yêu cầu của giáo viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
1	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Có ý thức thường xuyên tự rèn luyện sức khỏe và xây dựng được kế hoạch tập luyện cá nhân.	Ch1 – Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Thực hành	15%	Kiến thức về nội dung môn học	Ch1 – Ch4	5
			Kỹ thuật cơ bản của môn học		5
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Kiến thức về nội dung môn học	Ch1 – Ch5	2
			Kỹ thuật cơ bản của môn học		4
			Thể lực chung		4
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Thực hành		Thể lực chung	Ch5	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Hà Quang Tiến, Trần Thị Tú (2017), Giáo trình Điền kinh 1, Nxb ĐHTN.
- [2]. Hà Quang Tiến, Trần Thị Tú (2016), Giáo trình Điền kinh 2, Nxb ĐHTN.
- [3]. Phạm Nguyên Phùng, Giáo trình Thể dục - Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội, NXB TĐTT 2008.
- [4]. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tồn, 2000, “Lý luận và phương pháp TĐTT”, Nxb TĐTT.
- [5]. Nông Thị Hồng và cộng sự, 2005, “Vệ sinh và y học TĐTT”, Nxb ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [6] Dương Nghiệp Chí - Nguyễn Đại Dương (2000), “Sách giáo khoa điền kinh”, NXB TĐTT Hà Nội.
- [7] Nguyễn Đại Dương (2002), “Chạy cự ly ngắn”, NXB TĐTT Hà Nội.
- [8] Trương Anh Tuấn: Giáo trình thể dục- NXB Đại học sư phạm và NXB giáo dục 2001.
- [9]. Vũ Thanh Thị Bình, 2005, “Sinh lý học TĐTT”, Nxb ĐHSP.

8.10 Giáo dục thể chất 2

1. Thông tin về học phần

- Học phần GDTC 2 bao gồm 5 môn (Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Aerobic, Võ thuật), sinh viên được lựa chọn một trong năm môn Thể thao trên.

Số tín chỉ: 01; Tổng số tiết quy chuẩn: 40

Thực hành: 40 tiết

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT không chuyên; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Họchàm, họcvị, họvàtên	Sôđiệnthoại	Email
5.	Th.S. TrầnThịTú	0986703726	trantu@dhsptn.edu.vn
6.	TS. ĐàoThịHoaQuỳnh	0963246683	hoaquynh@dhsptn.edu.vn
7.	TS. VõXuânThủy	0963.810.833	voxuanthuy@dhsptn.edu.vn
8.	Th.S. NguyễnVănDũng	0919.220.768	nguyenvandung@dhsptn.edu.vn
5	Th.S. ĐàongọcAnh	0986.599.780	daongocanh@dhsptn.edu.vn
6	Th.S. NguyễnĐứcTuân	0983.248.322	nguyenductuan@dhsptn.edu.vn
7	Th.S. LêVănHùng	01252.998.828	levanhung@dhsptn.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	tranminhkhuong@dhsptn.edu.vn
9	Th.S. NguyễnThànhTrung	0987.636.222	nguyenthanhtrung@dhsptn.edu.vn
10	Th.S. NguyễnThịThanhVân	0389.974.726	thanhvan@dhsptn.edu.vn
11	Th.S. NguyễnĐứcTrường	0359.863.333	nguyenductruong@dhsptn.edu.vn
12	Th.S. NguyễnNhac	0981.210.988	nguyennhac@dhsptn.edu.vn
13	Th.S. NguyễnThịHà	0979.646.255	haysinh@dhsptn.edu.vn
14	Th.S. NguyễnHuyÁnh	0978.223.583	huyanh@dhsptn.edu.vn
15	Th.S. Ma ĐứcTuấn	0972.139.915	tuancovua@dhsptn.edu.vn
16	Th.S. NguyễnDuy Nam	0965.536.822	nguyenduynam@dhsptn.edu.vn
17	Th.S. MãThiêmPhách	0388.178.395	mathiemphach@dhsptn.edu.vn
18	TS. NguyễnMạnhHùng	0988.711.822	nguyenmanhhung@dhsptn.edu.vn
19	TS. ĐỗNgọcCương	0914456163	dongoccuong@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn Thể thao trong chương trình GDTC 2 (Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Aerobic, Võ thuật) như: Lịch sử, kỹ - chiến thuật, luật thi đấu.

MT2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Thể thao mình tập luyện, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

* Về kỹ năng

MT3: Thực hiện cơ bản đúng các kỹ thuật đã học.

MT4: Đạt tiêu chuẩn về thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Xây dựng được kế hoạch học tập và rèn luyện.

MT6: Tuyên truyền ý nghĩa tác dụng của tập luyện TDTT và vận động người khác tham gia tập luyện TDTT thường xuyên.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần GDTC 2 sinh viên được lựa chọn học một trong năm môn Thể thao sau: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Aerobic, Võ thuật. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao mà mình theo học, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức và trọng tài... Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản trong các môn thể thao đó, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình (phân tích, giảng giải): Sử dụng ở các nội dung học tập lý thuyết với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3 Ch6.

- Phương pháp thị phạm, làm mẫu: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành với mục đích trang bị cho sinh viên những hình ảnh chuẩn, cách thức thực hiện đúng các kỹ thuật động tác của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp: Sử dụng ở các nội dung thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kỹ năng, kỹ xảo cũng như khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

- Phương pháp thị phạm, làm mẫu: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành với mục đích trang bị cho sinh viên những hình ảnh chuẩn, cách thức thực hiện đúng các kỹ thuật động tác của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp và hình thức tập luyện: Sử dụng ở các nội dung thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV

các kĩ năng, kỹ xảo cũng như khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học đầy đủ.
- Thực hành: Hoàn thành các bài tập thực hành cá nhân và nhóm theo yêu cầu của giáo viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
1	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1 - Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch1 - Ch7	5
2	Thực hành	15%	Kiến thức về nội dung môn học	Ch1 - Ch7	2
			Kỹ thuật cơ bản của môn học	Ch1 - Ch7	4
			Thế lực chung	Ch1 - Ch7	4
Bài kiểm tra định kì		25%	Kiến thức về nội dung môn học	Ch1 - Ch7	2
			Kỹ thuật cơ bản của môn học	Ch1 - Ch7	4
			Thế lực chung	Ch1 - Ch7	4
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thực hành		Kỹ thuật cơ bản của môn học	Ch1 - Ch7	10

8.11 Giáo dục thể chất 3

1. Thông tin về học phần

- Học phần GDTC 3 bao gồm 5 môn (Khiêu vũ Thể thao, Bóng ném, Đá cầu, Cầu lông, Cờ vua), sinh viên được lựa chọn một trong năm môn Thể thao trên.

Số tín chỉ:01; Tổng số tiết quy chuẩn: 40

Thực hành: 40 tiết

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT không chuyên; Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Họchàm, họcvị, họvàtên	Sốđiệnthoại	Email
9.	Th.S. TrầnThịTú	0986703726	trantu@dhsptn.edu.vn
10.	TS. ĐàoThịHoaQuỳnh	0963246683	hoaquynh@dhsptn.edu.vn
11.	TS. VõXuânThủy	0963.810.833	voxuanthuy@dhsptn.edu.vn
12.	Th.S. NguyễnVănDũng	0919.220.768	nguyenvandung@dhsptn.edu.vn
5	Th.S. ĐàongọcAnh	0986.599.780	daongocanh@dhsptn.edu.vn
6	Th.S. NguyễnĐứcTuân	0983.248.322	nguyenductuan@dhsptn.edu.vn
7	Th.S. LêVănHùng	01252.998.828	levanhung@dhsptn.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	tranminhkhuong@dhsptn.edu.vn
9	Th.S. NguyễnThànhTrung	0987.636.222	nguyenthanhtrung@dhsptn.edu.vn
10	Th.S. NguyễnThịThanhVân	0389.974.726	thanhvan@dhsptn.edu.vn
11	Th.S. NguyễnĐứcTrường	0359.863.333	nguyenductruong@dhsptn.edu.vn
12	Th.S. NguyễnNhac	0981.210.988	nguyennhac@dhsptn.edu.vn
13	Th.S. NguyễnThịHà	0979.646.255	haysinh@dhsptn.edu.vn
14	Th.S. NguyễnHuyÁnh	0978.223.583	huyanh@dhsptn.edu.vn
15	Th.S. Ma ĐứcTuấn	0972.139.915	tuancovua@dhsptn.edu.vn
16	Th.S. NguyễnDuy Nam	0965.536.822	nguyenduynam@dhsptn.edu.vn
17	Th.S. MãThiêmPhách	0388.178.395	mathiemphach@dhsptn.edu.vn
18	TS. NguyễnMạnhHùng	0988.711.822	nguyenmanhhung@dhsptn.edu.vn
19	TS. ĐỗNgọcCương	0914456163	dongoccuong@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn Thể thao trong chương trình GDTC 3 (Khiêu vũ Thể thao, Bóng ném, Đá cầu, Cầu lông, Cờ vua) như: Lịch sử, kỹ - chiến thuật, luật thi đấu.

MT2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Thể thao mình tập luyện, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

*** Về kỹ năng**

MT3: Thực hiện cơ bản đúng các kỹ thuật đã học.

MT4: Đạt tiêu chuẩn về thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Xây dựng được kế hoạch học tập và rèn luyện.

MT6: Tuyên truyền ý nghĩa tác dụng của tập luyện TDTT và vận động người khác tham gia tập luyện TDTT thường xuyên.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần GDTC 3 sinh viên được lựa chọn học một trong năm môn Thể thao sau: Khiêu vũ Thể thao, Bóng ném, Đá cầu, Cầu lông, Cờ vua. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao mà mình theo học, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật thi đấu, cách thức tổ chức và trọng tài... Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản trong các môn thể thao đó, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Phương pháp thuyết trình (phân tích, giảng giải): Sử dụng ở các nội dung học tập lý thuyết với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3 Ch6.

- Phương pháp thị phạm, làm mẫu: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành với mục đích trang bị cho sinh viên những hình ảnh chuẩn, cách thức thực hiện đúng các kỹ thuật động tác của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, ch10.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp: Sử dụng ở các nội dung thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kỹ năng, kỹ xảo cũng như khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

- Phương pháp thị phạm, làm mẫu: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành với mục đích trang bị cho sinh viên những hình ảnh chuẩn, cách thức thực hiện đúng các kỹ thuật động tác của học phần. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, ch10.

- Hình thức dạy học nhóm, lớp và hình thức tập luyện: Sử dụng ở các nội dung thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kĩ năng, kỹ xảo cũng như khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học đầy đủ.
- Thực hành: Hoàn thành các bài tập thực hành cá nhân và nhóm theo yêu cầu của giáo viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
1	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR HP của	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1 - Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch1 - Ch7	5
2	Thực hành	15%	Kiến thức về nội dung môn học	Ch1 - Ch7	2
			Kỹ thuật cơ bản của môn học	Ch1 - Ch7	4
			Thế lực chung	Ch1 - Ch7	4
Bài kiểm tra định kì		25%	Kiến thức về nội dung môn học	Ch1 - Ch7	2
			Kỹ thuật cơ bản của môn học	Ch1 - Ch7	4
			Thế lực chung	Ch1 - Ch7	4
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thực hành		Kỹ thuật cơ bản của môn học	Ch1 - Ch7	10

8.13. Môi trường và phát triển

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

(Lý thuyết: 20 tiết; Bài tập: 8 tiết; Thảo luận/Seminar: 12 tiết (6x2); Tự học: 40 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Thực vật học; Khoa Sinh học

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lương Thị Thúy Vân	0945855755	luongthuyvan@dhsptn.edu.vn
2	TS. Đinh Thị Phụng	0915215888	dingthiphuongtn@gmail.com
3	TS. Nguyễn Viết Thắng	01684235568	nguyenvietthang@dhsptn.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	0913181927	nguyenthithuha-ksinh@dhsptn.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	0919894092	ntqanh@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được khái niệm về môi trường và sinh thái; khái niệm về dân số, các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình trên thế giới và Việt Nam; lương thực, thực phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu của con người, các nền nông nghiệp loài người đã trải qua, lịch sử quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá trên thế giới và ở Việt Nam, hiện trạng các loại tài nguyên trên thế giới và ở Việt Nam; các vấn đề môi trường toàn cầu.

Nêu được thành phần hệ sinh thái và một số tiêu chí đánh giá tác động môi trường; các nhu cầu trong hoạt động sống của con người; khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên; các nguyên tắc của một xã hội phát triển bền vững; một số phương hướng và các biện pháp bảo vệ môi trường toàn cầu và ở Việt Nam.

MT2: Phân biệt được các khái niệm liên quan đến chất lượng môi trường. Phân tích được các yếu tố trong quần xã; mối quan hệ giữa sản xuất lương thực và vấn đề dinh dưỡng trên thế giới và ở Việt Nam cũng như tác động của hoạt động nông nghiệp, thể thao và du lịch đến môi trường; nguyên nhân, hậu quả ô nhiễm môi trường, những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ môi trường toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Giải thích được mối quan hệ của cách mạng khoa học công nghệ với ô nhiễm môi trường, mối quan hệ của cách mạng khoa học công nghệ với ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng của quá trình chuyển cư đến chất lượng cuộc sống. Đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường.

MT3: Phân tích được các chức năng của môi trường, mối quan hệ các nhân tố sinh thái và đời sống sinh vật; ảnh hưởng kết cấu dân số đến kinh tế - xã hội, sự gia tăng dân số đến môi trường, tài nguyên và chất lượng cuộc sống. Giải thích được nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu và đề xuất giải pháp giảm thiểu hậu quả của biến đổi khí hậu. Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động của xu thế công nghiệp hoá, đô thị hoá đến chất lượng môi trường. Lập dự án khảo sát một loại ô nhiễm môi trường và đề xuất giải pháp cho vấn đề ô nhiễm tại địa phương.

*** Về kĩ năng**

MT4: Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, trao đổi và nắm bắt thông tin thông qua các bài lý thuyết và thảo luận.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Hình thành được thói quen tự học, tự nghiên cứu.

MT6: Nhận thức được tầm quan trọng kiến thức về môi trường và con người trong quá trình học tập, trong cuộc sống, có thái độ đúng đắn đối với sự phát triển dân số và kế hoạch hóa gia đình, có ý thức và hành động để bảo vệ môi trường.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học môi trường và phát triển gồm các nhóm kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, nhu cầu và hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các chính sách bảo vệ môi trường - phát triển bền vững. Các nội dung được đề cập ở mức độ bao quát trên thế giới và đi sâu phân tích ở phạm vi Việt Nam. Ngoài ra môn học cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường; các hậu quả của bùng nổ dân số; ảnh hưởng của sự phát triển dân số đến môi trường; ảnh hưởng của xã hội hiện đại đến môi trường tự nhiên; hiện trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên; mối quan hệ dân số, phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên thiên nhiên.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học sử dụng trong học phần này gồm có:

- Thuyết trình: Mục đích là cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức (từ Ch1 đến Ch4).

- Tổ chức seminar: Mục đích là giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, sử dụng tin học, làm việc nhóm và tư duy phản biện để đạt các chuẩn Ch5 và Ch8.

- Yêu cầu sinh viên tự học và đọc tài liệu: Mục đích là giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn Ch9, Ch10.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Seminar: Hoàn thành bài seminar đạt yêu cầu của cả nhóm.

- Bài kiểm tra định kỳ: Đánh giá thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch9	5
2	Seminar (*bài làm theo nhóm)	15%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch2	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Ch8	1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng	Ch8	2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Ch8	1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Ch8	1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Ch8	1

3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch2, Ch3, Ch5, Ch8	10
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
4	Vấn đáp		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của trường		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Đình Hòa (2009), *Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb Giáo dục, Hà Nội [thư viện trường ĐHSP, Trung tâm học liệu – ĐH Thái Nguyên].

[2]. Nguyễn Văn Hồng, Lê Ngọc Công (2012), *Môi trường, dân số và phát triển bền vững*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội [thư viện trường ĐHSP, Trung tâm học liệu – ĐH Thái Nguyên].

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Vũ Trung Tạng (2003), *Cơ sở Sinh thái học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội [Trung tâm học liệu – ĐH Thái Nguyên].

8.14. Cơ sở Văn hóa Việt Nam

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn:30

(Lý thuyết:21; Bài tập:04; Thực hành:06; Thảo luận/Seminar: 08; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Văn học Việt Nam.; Khoa: Ngữ văn

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Ngô Thị Thanh Quý	0989793169	ngo thanhquy@dhsptn.edu.vn
2	TS. Ngô Thị Thu Trang	0915176762	ngo thutrang@dhsptn.edu.vn
3	TS. Dương Nguyệt Vân	0982145125	duongnguyetvan@dhsptn.edu.vn
4	TS. Trần Thị Nhung	0962211286	tranthinhung@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu và trình bày được một cách hệ thống các khái niệm văn hóa, văn hóa học; đặc trưng cơ bản của hai loại hình văn hóa; định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam; các thành tố văn hóa cơ bản; các vùng văn hóa Việt Nam...

MT2: Hiểu và phân tích được các vấn đề về văn hóa Việt Nam, vận dụng được trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng

MT3: Ứng dụng được các kiến thức của học phần vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

MT4: Thích nghi được với môi trường làm việc đa dạng để có thể công tác trong nhiều lĩnh vực.

MT5: Hình thành được kỹ năng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; tích hợp giáo dục tinh hoa văn hóa dân tộc cho thế hệ sau.

MT6: Vận dụng được các kỹ năng sư phạm, kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các hoạt động dạy học ở trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Vận dụng được những kiến thức phù hợp để giáo dục học sinh biết yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

MT8: Vận dụng được theo hướng tích hợp tri thức văn hóa phù hợp vào dạy học những bài cụ thể trong chương trình phổ thông.

MT9: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho SV những tri thức cơ bản, quan trọng, mang tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm có 3 chương, ngoài những kiến thức đại cương nhằm cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa và văn hóa học nói chung, nội dung chủ yếu đi sâu vào hầu hết các vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa cơ bản; các vùng văn hóa Việt Nam; văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	Ch1, Ch2, Ch3
Đàm thoại	Thông qua việc hỏi đáp giữa GV và SV để giải quyết các nội dung kiến thức trong môn học.	Ch4, Ch5, Ch6
Seminar, thảo luận nhóm	Giúp cho SV thực hiện các nghiên cứu nhỏ phù hợp với môn học, tạo được sự tham gia tích cực của SV trong học tập và phát triển khả năng hợp tác giữa các sinh viên.	Ch7, Ch8, Ch9
Nghiên cứu bài học	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận.	Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học; chuẩn bị thảo luận; hoàn thành các bài tập được giao.
- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập nhóm, 01 bài tiểu luận, 01 bài kiểm tra định kỳ (nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên)
- Thực tế chuyên môn tại Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Sau đợt thực tế SV phải nộp bài thực hành nhóm gồm: hình ảnh, video clip, bài thuyết trình powerpoint, (trình bày báo cáo trước lớp).

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1,Ch2,Ch3,Ch4,Ch5,Ch6,Ch7,Ch8,Ch9	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập nhóm	15%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1,Ch2,Ch3,Ch4,Ch5,Ch6,Ch7,Ch8,Ch9	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,Ch2,Ch3, Ch4,Ch5,Ch6, Ch7,Ch8,Ch9	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tiểu luận	50%	Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá tiểu luận quy định chung của Trường	Ch1,Ch2,Ch3, Ch4,Ch5,Ch6, Ch7,Ch8,Ch9	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1999 (Thư viện Trường ĐHSP).

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hoá thông tin, 2001

<http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/chi-tiet/tai-lieu-29255.html> (Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên)

[3]. Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Nxb Tp HCM, 2008

<http://lrc.tnu.edu.vn/Chi-Tiet-tai-lieu-in/tai-lieu-65162.html> (Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên)

[4]. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, 2004 (Thư viện Trường ĐHSP).

[5]. Trần Quốc Vượng chủ biên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2006

<http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/chi-tiet/tai-lieu-29772.html> (Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên)

[6]. Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam T4*, Nxb. Giáo dục, 2006 (Thư viện Trường ĐHSP).

[7]. Nguyễn Duy Quý, *Nhận thức văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 2008 (Thư viện Trường ĐHSP).

8.15 Logic hình thức

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 10; Thảo luận/Sermina: 10; Tự học: 60)
- Loại học phần: *Tự chọn*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☒

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Đồng Văn Quân	0912021314	quandongvan@gmail.com
2	Th.S Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennguyen165@gmail.com
3	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnguyen@dhsptn.edu.vn
4	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	ngolananhspn@gmail.com
5	TS Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	nguyenha072007@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

MT1: Hiểu và phân tích được vấn đề cơ bản về các hình thức của tư duy.

MT2: Hiểu và phân tích được nội dung, hoạt động của các quy luật logic cơ bản của tư duy hình thức.

MT3: Phân tích và chỉ ra được lỗi logic trong lập luận.

* Kỹ năng

MT4: Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý thuyết của học phần để giải được các bài tập logic hình thức.

MT5: Sử dụng thành thạo kiến thức logic hình thức để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của bản thân.

MT6: Luận chứng được các vấn đề khoa học và thực tiễn một cách chặt chẽ, biện chứng, có sức thuyết phục.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Tích cực rèn luyện các phương pháp tư duy để giải quyết được nhiệm vụ của cá nhân và của tập thể.

MT8: Nhận thức được nhu cầu và khả năng học tập của học sinh

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Học phần logic hình thức nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của tư duy, giúp người học có thể tư duy độc lập, biết cách giải quyết các vấn đề liên quan đến tư duy. Logic hình thức có liên hệ mật thiết với các khoa học lý luận như

triết học; với các khoa học tính toán như toán học; với các khoa học xã hội nhân văn như ngôn ngữ học, tâm lý học...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp dạy học

- Phương pháp thuyết trình: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn: Ch1, Ch2, Ch3, Ch5, Ch6, Ch7.

- Phương pháp trao đổi, đàm thoại: Thông qua trao đổi đàm thoại để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học. Phương pháp này giúp sinh viên đạt các chuẩn Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch7.

- Phương pháp dạy học nhóm: Sử dụng ở các nội dung thảo luận tại lớp. Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác. Phương pháp này nhằm phát triển năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở sinh viên. Phương pháp giúp sinh viên đạt các chuẩn Ch1, Ch2, Ch3, Ch8, Ch9.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp sinh viên biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích bài học. Phương pháp này nhằm phát triển năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở sinh viên. Phương pháp giúp sinh viên đạt các chuẩn Ch2, Ch3, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8, Ch9.

* Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức dạy học nhóm, lớp: sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng, khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức dạy học này giúp sinh viên đạt được tất cả các chuẩn đã nêu ra.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ Seminar; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập/thảo luận: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 1 bài thảo luận nhóm

- Seminar/thực hành: Hoàn thành 1 bài seminar/thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 4 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch9	5
2	Bài tập cá nhân	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch9	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1,2,3	5
			- Bài có tính khoa học	Ch7,8	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch5,8,10	1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch9,10	1
			- Thái độ tham gia	Ch9,10	1
			- Ý kiến đóng góp	Ch5,6,8,10	1
			- Thời gian giao nộp sản phẩm	Ch9	1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp	Ch1-9	5
			- Bài báo cáo đúng yêu cầu	Ch1,2,3,4	1
4	Seminar Bài làm theo nhóm	10%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1,2,3,4	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Ch5,7,8	1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng	Ch6,7,8	2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Ch8,9	1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	Ch1-9	1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Ch9,10	1
5	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1-9	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1-9	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. TS Đồng Văn Quân (2014). Giáo trình Lôgic học.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vương Tất Đạt (2003), *Lôgic học đại cương*, Nxb thế giới

[3]. Viện Triết học-Học viện CTQG HCM (2000), *Giáo trình Lôgic học*, Nxb lý luận chính trị

[4]. Bùi Thanh Quát và Nguyễn Tuấn Chi (1994), *Giáo trình lôgic hình thức*, Hà Nội

[5]. Tô Duy Hợp và Nguyễn Anh Tuấn (2001), *Lôgic học*, NXB TP Hồ Chí Minh

8.16. Tiếng Việt thực hành

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 15; Thực hành: 15, Tự học: 60)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa: Ngữ văn

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lê Thị Hương Giang	0989090076	lehuonggiang.dhsptn@gmail.com lehuonggiang@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Hồ Phương Trang	0977804963	tranghosptn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hạnh Phương	0914435676	phdhsp@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Diệu Thương	0948210155	dieuthuong2212@gmail.com
5	ThS Nguyễn Thu Quỳnh	0975459119	quynhnguyenthudhsptn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng trong nhà trường.

MT2: Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên môn về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng vào dạy học Ngữ văn và giáo dục lời nói cho học sinh phổ thông, vào phát triển kiến thức mới và làm cơ sở để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

MT3: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về Lí luận dạy học, Tâm lí học, Giáo dục học, khoa học Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong dạy học ngôn ngữ và giáo dục học sinh.

* Về kĩ năng:

MT4: Phát âm đúng theo chuẩn chính âm và viết theo đúng chuẩn chính tả nhằm đạt hiệu quả giao tiếp cao.

MT5: Sử dụng từ phù hợp về mặt hình thức ngữ âm, ngữ nghĩa, phong cách; nhận diện, phân biệt các cấp độ đọc hiểu; xác định được đề tài, chủ đề, cấu trúc của văn bản, xác định các yếu tố, quan hệ, định hướng của lập luận để có được những bài thuyết trình thuyết phục được người nghe trong những nhiệm vụ cụ thể của việc dạy học Ngữ văn.

MT6: Vận dụng được các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

MT7: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp; tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

MT8: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về công nghệ thông tin vào việc tìm kiếm tài liệu học tập, nghiên cứu, soạn giáo án điện tử; vận dụng được kiến thức tiếng Anh để đối chiếu với tiếng Việt về mặt ngữ âm giúp nâng cao hiệu quả học tập tiếng Việt.

**** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

MT8: Có lòng yêu quý tiếng Việt, tự hào về những nét riêng bền vững của tiếng Việt; có ý thức sử dụng tiếng Việt chuẩn mực và phù hợp với từng tình huống giao tiếp; có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường, xã hội.

MT9: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm về các vấn đề chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản tiếng Việt trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

MT10: Nhận thức được và có khả năng lập được kế hoạch học tập tiếng Việt và ngôn ngữ suốt đời; xây dựng được kế hoạch chuyên môn, phát triển được chương trình môn học phù hợp thực tiễn PT.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu; cách tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng.

Học phần có cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kĩ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu.* Chương 2: *Rèn luyện kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản.*

Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kĩ năng có được từ môn học để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh

viên, nâng cao hiệu quả giao tiếp hành chính, hiệu quả giảng dạy các bài tiếng Việt thực hành ở trường PT, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực tin học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC		
Phương pháp	Mục đích của phương pháp	Đạt CDR
Phương pháp phân tích ngôn ngữ	Giúp SV tích cực, chủ động làm sáng rõ đặc điểm về chính âm, chính tả, quy tắc dùng từ, đặt câu; cấu trúc, bố cục của một số loại văn bản thông dụng.	Ch3, Ch4, Ch5, Ch6
Phương pháp thông báo - giải thích	Giúp SV cung cấp hệ thống tri thức nền tảng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu; về cách thức tiếp nhận và tạo lập văn bản dựa trên kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiến thức tâm lí, giáo dục; tư vấn, hỗ trợ SV	Ch3, Ch4, Ch1, Ch2, Ch7
Phương pháp hệ thống	Giúp SV tích cực, chủ động phát hiện tính lô gic, hệ thống của các tri thức tiếng Việt	Ch3, Ch4, Ch5, Ch6.
Phương pháp rèn luyện theo mẫu	Giúp SV củng cố kiến thức, rèn kĩ năng sử dụng từ, kĩ năng đặt câu, kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản cho SV	Ch11, Ch12, Ch13
Phương pháp giao tiếp	Giúp SV tự phát hiện tri thức mới, rèn kĩ năng sử dụng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản, có được những bài thuyết trình thuyết phục được người nghe trong những nhiệm vụ cụ thể của việc dạy học Ngữ văn	Ch10, Ch11, Ch12, Ch13
Phương pháp Seminar, thảo luận nhóm	Giúp SV thực hiện các nghiên cứu nhỏ phù hợp với môn học, tạo được sự tham gia tích cực của SV trong học tập và phát triển khả năng hợp tác giữa các sinh viên	Ch15, Ch3, Ch4, Ch10, Ch11, Ch13
Phương pháp nghiên cứu bài học	Giúp SV tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận	C16, C13, C14
HÌNH THỨC DẠY HỌC		
Dạy học theo lớp	Tổ chức cho tập thể SV cùng phát hiện, củng cố những tri thức chung về ngữ pháp	Ch1 – Ch17
Dạy học theo nhóm, theo góc	Tổ chức cho SV trao đổi ý tưởng, cùng nhau giải quyết những vấn đề khó của bài học theo nhóm, góc	Ch15
Dạy học theo cá nhân	Tổ chức cho SV làm việc độc lập và hướng dẫn cho cá nhân	Ch15, Ch17

6. Nhiệm vụ của sinh viên

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\square$ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, và bài mới.
- Hoàn thành các bài tập được giao trong giáo trình.

6.2. Phần thí nghiệm/thực hành

- Thực hành sửa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tóm tắt, tổng thuật, tạo lập văn bản.
- Thực tế chuyên môn tại trường phổ thông. Sau đợt thực tế SV phải nộp gồm: bản thu hoạch từ 4 đến 6 trang A4 có thu hoạch về việc dạy học chính âm, chính tả, cách dùng từ, đặt câu; cách tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng (làm theo các câu hỏi gợi ý), phiếu dự giờ.

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận:

- SV lựa chọn một trong các vấn đề sau:
 - + Trình bày quy tắc chính âm, chính tả tiếng Việt hiện hành.
 - + Trình bày quy tắc dùng từ, đặt câu tiếng Việt
 - + Trình bày các bước tổng thuật
 - + Trình bày cấu trúc và các bước tạo lập một số loại văn bản thông dụng.
 - + Khảo sát thực trạng nói và viết sai chính tả trong học sinh, sinh viên hiện nay.
 - + Suru tầm, phát hiện và sửa lỗi các câu có chứa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu của học sinh, sinh viên hiện nay.
 - + Khảo sát thực trạng và năng lực tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng của học sinh, sinh viên hiện nay.
 - + Đề xuất phương hướng cải thiện năng lực dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng cho học sinh phổ thông.
- Yêu cầu: đảm bảo đúng mục tiêu giúp học sinh nâng cao năng lực dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nói/ viết; đúng về mặt lí thuyết, hấp dẫn và sáng tạo trong cách thức tổ chức dạy học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài (chấm vở BT) và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Ch8,Ch 9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,Ch 2, Ch3,Ch 4, Ch5,Ch 7, Ch9	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Thực hành	10%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1,Ch 2, Ch3,Ch 4, Ch5	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
4	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,Ch 2, Ch3,Ch 4, Ch5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
5	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1,Ch 2, Ch3,Ch 4, Ch5	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[[1]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb.ĐHQG, 1996 (*Thư viện*)

[2]. Tổ Ngôn ngữ, Đề cương bài giảng: *Tiếng Việt thực hành*, ĐHSP – ĐH Thái Nguyên, 2015 (*Thư viện*)

8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, 2000 (*Thư viện*)

[4]. Hữu Đạt, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb. Giáo dục, 1995 (*Thư viện*)

[5]. Hoàng Văn Hành, Hoàng Phê, Đào Thản, *Sổ tay dùng từ tiếng Việt*, Nxb KHXN, 2002 (*Thư viện*)

[6]. Hồ Lê, Lê Trung Hoa, *Sửa lỗi ngữ pháp (lỗi về kết cấu câu)*, Nxb KHXH, 2003 (*Thư viện*)

[7] Nguyễn Thanh Hùng, *Kỹ năng đọc hiểu Văn*, Nxb Đại học Sư phạm, 2014 (*Thư viện*)

[8] Phạm Thị Thu Hương, *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, 2012 (*Thư viện*)

[9]. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng , *Tiếng Việt thực hành*, Nxb. Giáo dục, 1997 (*Thư viện*)

[10]. Phan Thiều, *Rèn luyện ngôn ngữ*, Nxb. Giáo dục, 1998 (*Thư viện*)

8.17 Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: : 45
(LT: 25 Bài tập: 10 TH: 10 Thảo luận: 20 Tự học: 90 tiết)
- Loại môn học: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Thực hành tiếng 1: EPP241N
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s Mai Văn Cẩn	0914 833 765	maivcan@gmail.com
2	Th.s Trần Thị Yến	0979697224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Học xong môn này, sinh viên có được:

- * Về kiến thức: Nắm chắc được hệ thống ngữ pháp tiếng Anh, làm cơ sở cho việc phân biệt giữa đúng và sai, hiện tượng thay đổi hình thái từ để biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp, các phương thức ngữ pháp có trong tiếng Anh, các cấu trúc tập hợp từ, các mẫu câu cơ bản.
- * Về kỹ năng: Sinh viên phát triển được kỹ năng phân tích ngôn ngữ dựa vào sự biến đổi hình thái từ, kỹ năng tổng hợp thông tin để đưa ra lý thuyết, kỹ năng diễn giải vấn đề.
- * Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong ngôn ngữ, từ đó có sự tự tin và ham thích nhìn nhận vào các vấn đề ngôn ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Hệ thống ngữ pháp của một ngôn ngữ quan trọng như bộ xương của cơ thể người. Học môn này, sinh viên học được các động từ trong tiếng Anh và sự biến đổi hình thái động từ để biểu đạt ý nghĩa ngữ pháp. Đồng thời, họ làm chủ được các quy tắc ngữ

pháp nhằm phân biệt được giữa đúng và sai. Hơn nữa, họ có kiến thức về cụm động từ, chức năng của chúng trong câu, các cấu trúc của mệnh đề và câu. Quan trọng hơn nữa, họ học được cấu trúc của bài khoá, các giọng văn biểu đạt trong ngôn ngữ giao tiếp viết nhằm mục đích đạt được chuẩn đầu ra bậc 5/6 (C1) cũng như phát triển kỹ năng viết. Điều này còn giúp cho họ có các cách nhìn nhận vào chất liệu ngôn ngữ, làm cơ sở cho việc giảng dạy và kỹ năng phân tích một bài khoá, bình về nội dung của bài, kỹ xảo hoàn thiện một bài khoá. Họ sẽ cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong học tiếng Anh và cách diễn đạt của người Anh trong giao tiếp, làm cơ sở phục vụ nghề nghiệp của mình trong tương lai khi đứng vào hàng ngũ giáo viên dạy tiếng Anh.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên thuyết trình về những hiện tượng ngữ pháp phổ biến trong tiếng Anh và chất vấn sinh viên về cách dùng và ý nghĩa của chúng để sinh viên học được cách nêu vấn đề, cách trình bày vấn đề, biết khai thác kiến thức từ người nghe, biết tổ chức hoạt động nhóm, biết đánh giá, nhận xét ý kiến thu được. CDR: 4, 5, 6, 7, 8, 11

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% số giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học:
- Đọc đề cương bài giảng trước khi đến lớp.
- Chủ động tham gia vào các hoạt động do giảng viên xây dựng.
- Chuẩn bị ý kiến đóng góp cho thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.100%
- Tên bài tập lớn : Hãy viết 2000 từ về một hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh mà bản thân quan tâm.

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| + English nouns | + the system of English articles |
| + English verbs | + the system of pronouns |
| + English adjectives | + the system of modal verbs |
| + English adverbs | + conjunctions or linking words |
| + English prepositions | |

- Yêu cầu cần đạt: Đủ số từ. Giảng giải được cho người khác nghe bằng tiếng Anh.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Số tín chỉ của HP	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	Điểm QT
3	1	1	1	3

Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do BM quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

4	Seminar (bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
6	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Larsen-Freeman, Diane. 2000. Grammar Dimensions, Form, Meaning and Use 2. The USA

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Murphy, Raymond. 1990. English Grammar in use. Oxford University Press.

[2] Crystal, David. 2004. Making sense of Grammar. Longman. England

8.18 Luyện âm Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 5; Thực hành: 5; Thảo luận: 5; BT online: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức

MT1: Nhớ và vận dụng được cách phát âm các âm của tiếng Anh.

* Về kỹ năng

MT2: Phát âm chuẩn.

MT3: Giao tiếp bằng hình thức nói một cách tự nhiên.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Quản lý thời gian học tập.

MT5: Tự học, tự rèn luyện nhằm nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Luyện âm tiếng Anh là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Môn học có vai trò quan trọng giúp người học nhận biết và tạo ra được các âm trong tiếng Anh một cách chính xác. Người học không chỉ học cách phát âm tiếng Anh mà còn thực hành kỹ năng nói, nâng cao năng lực giao tiếp.

Cuốn giáo trình “Ship or Sheep” gồm 50 bài được chia thành hai phần: phần A giới thiệu các nguyên âm, phần B giới thiệu các phụ âm. Trong mỗi bài, người học có thể học các âm tiếng Anh qua các đoạn hội thoại và thực hành đọc các đoạn hội thoại

mang tính thực tế. Các khía cạnh trọng âm và ngữ điệu cũng sẽ được giới thiệu và thực hành trong học phần Luyện âm tiếng Anh.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình lý thuyết về hệ thống âm, cách hoạt động của các bộ phận phát âm khi tạo ra âm.
- SV thực hành phát âm theo băng.
- SV thảo luận, xây dựng đoạn hội thoại có sử dụng âm tiết đã học để luyện tập nâng cao.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.
- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch5, Ch6	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch5, Ch6	5

2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch5	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch6	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch5, Ch6	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch5, Ch6	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Ann Baker (2011). Ship or Sheep. Nhà xuất bản từ điển bách khoa

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] <https://www.youtube.com/watch?v=F-n3oBJfzD0>

8.19 Từ vựng học Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: : 45

(LT: 25 Bài tập: 10 TH: 10 Thảo luận:20 Tự học 90 tiết)

- Loại môn học: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Thực hành tiếng 1: EPP241N
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s Mai Văn Cẩn	0914 833 765	maivcan@gmail.com
2	Th.s Trần Thị Yến	0979697224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Học xong môn này, sinh viên có được:

- * Về kiến thức: .Người học thành thạo các phương thức cấu tạo từ, nguồn gốc của từ, các loại và mức độ đồng hóa của từ vay mượn, các loại nghĩa và sự thay đổi nghĩa. Hơn nữa là làm chủ được các thành ngữ, các cụm từ cố định, nguồn gốc của từ, cách soạn từ điển và các loại từ điển.
- * Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng phân tích, so sánh, đối chiếu trong ngôn ngữ
- * Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong ngôn ngữ, từ đó có sự tự tin và ham thích nhìn nhận vào các vấn đề ngôn ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Từ vựng học tiếng Anh là môn học để sinh viên phát triển kiến thức về cấu trúc từ và các phương thức cấu tạo từ, từ đó nâng cao vốn từ, phát triển khả năng nhận ra nghĩa và đoán nghĩa của từ trong những ngữ cảnh cụ thể. Môn học mô tả một cách hệ thống cấu trúc nghĩa của từ và những biến đổi về nghĩa theo thời gian. Đồng thời sinh viên nghiên cứu các tổ hợp từ, các thành ngữ, tục ngữ, các câu nói khuôn mẫu, phong cách

học từ vựng chỉ cho sinh viên thấy lớp từ chuẩn mực trong giáo dục và lớp từ phi chuẩn mực. Môn này cũng mang tới sinh viên cơ hội tìm hiểu nguồn gốc của từ, từ vay mượn và từ cơ bản của ngôn ngữ Anglo-Saxon. Cuối cùng là vấn đề biên soạn từ điển sao cho khoa học và các dạng từ điển trong dạy và học tiếng Anh.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên thuyết trình về cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ, các loại nghĩa, cấu trúc nghĩa phổ biến trong tiếng Anh và chất vấn sinh viên về cách dùng và ý nghĩa của chúng để sinh viên học được cách nêu vấn đề, cách trình bày vấn đề, biết khai thác kiến thức từ người nghe, biết tổ chức hoạt động nhóm, biết đánh giá, nhận xét ý kiến thu được. CDR: 4, 5, 6, 7, 8, 11

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% số giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học:
- Đọc đề cương bài giảng trước khi đến lớp.
- Chủ động tham gia vào các hoạt động do giảng viên xây dựng.
- Chuẩn bị ý kiến đóng góp cho thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao. 100%
- Tên bài tập lớn : Write 1000 words about a way of word building in English and make a contrast with it in Vietnamese.
- Yêu cầu cần đạt: Đủ số từ. Giảng giải được cho người khác nghe bằng tiếng Anh.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Số tín chỉ của HP	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	Điểm QT
3	1	1	1	3

Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do BM quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận		- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm		- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Seminar (bài làm theo nhóm)		- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1

5	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
6	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Hoàng Tất Trường, Basic English Lexicology, trường Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, 1993.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] An Oxford advanced learner's dictionary, Nhà xuất bản Kiên Giang, 1989

[2] Redman, Stuart, Test your English Vocabulary in use, NXB Trẻ, 2001

8.20. Dẫn luận Ngôn ngữ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 10; Thảo luận: 10; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☒, Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Vũ Đình Bắc	0979 369 523	bacvd@dhsptn.edu.vn
2.	TS. Dương Công Đạt	0355985333	ntdattn@gmail.com
3.	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về các khái niệm sử dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ, nắm được các quá trình lĩnh hội ngôn ngữ.

MT2: Vận dụng được các khái niệm căn bản, mở đầu về cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng... của ngôn ngữ.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước phương Tây trong để giải thích hình thành ngôn ngữ cách học và dạy ngôn ngữ.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành các kỹ năng giải quyết các đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được giới thiệu.

MT5: Phát triển kĩ năng hợp tác và giải quyết vấn đề, các thao tác, chiến lược cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

MT7: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng... môn học sẽ là tiền đề quan trọng để giúp sinh viên học các môn tiếp theo : Ngữ dụng học, Ngữ nghĩa học, Cú pháp...

Mặt khác, môn học cũng cung cấp một số kiến thức về văn tự, về sự phân loại các ngôn ngữ trên thế giới và khái quát toàn cảnh các ngôn ngữ.

Ngoài ra, môn học cũng bước đầu cung cấp cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng đơn giản như: phân tích để nhận rõ và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp, phân tích ngữ âm học, miêu tả ngữ âm học và phân xuất âm vị, để chuẩn bị đi vào những môn thuộc khối kiến thức ngôn ngữ học chuyên ngành tiếp theo sau.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập trên phần mềm tự học Edmodo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.

- Dạy học theo nhóm để sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ, thảo luận để làm rõ thêm các khái niệm, các vấn đề khó, phức tạp.

- Đàm thoại để gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức thức cơ bản, các khái niệm, qui luật về ngôn ngữ	Về các khái niệm, qui luật về ngôn ngữ

Thảo luận nhóm	Làm rõ, chia sẻ kiến thức, các khái niệm phức tạp khó hiểu, các vấn đề mới cần giải đáp và tìm hiểu thêm	Kiến thức, các khái niệm phức tạp khó hiểu, các vấn đề mới cần giải đáp và tìm hiểu thêm
Thuyết trình	Làm tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu trước, tăng các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm, lãnh đạo, luyện âm tiếng anh, biên dịch...	Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trước, tăng các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm, lãnh đạo, luyện âm tiếng anh, biên dịch...
Tự học	Củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã học	Kiến thức về các vấn đề hình thành, phát triển và giảng dạy ngôn ngữ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên.

Thuyết trình về các vấn đề được giao.

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thuyết trình (Thuyết trình và đánh giá chéo)	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần (Bài tập qua phần mềm Edmodo)	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	10
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		10
2	Thuyết trình (Thuyết trình và đánh giá chéo)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chủ đề được giao	Ch1,2, 3,4,5,6, 7,8 9,	10
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	10,	10
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		10
			- Ý tưởng sáng tạo		10
3	Bài kiểm tra định kì (Kiểm tra giấy)	20%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6, 7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1,2, 3,4,5,6, 7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Fromkin, V., Rodman, R., & Hyams, N. (2013). *An introduction to language*. Cengage Learning.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Vũ Đức Nghiệu, *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2009

[3] Lightbown, P. M., Spada, N., Ranta, L., & Rand, J. (2006). *How languages are learned*.

[4] Giáo trình ngôn ngữ học đại cương, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973

[5] Ngôn ngữ học. Khuynh hướng – lĩnh vực – khái niệm, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.

8.21. Ngữ pháp tổng hợp

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03 **Số tiết:** Tổng : 45 LT: 30 TL: 15 BT: 15 Tự học: 90

Loại môn học: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Môn học song hành: Không

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s Mai Văn Cẩn	0914 833 765	maivcan@gmail.com
2	Th.s Trần Thị Yến	0979697224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Học xong môn này, sinh viên có được:

- *Kiến thức:*

MT1: Người học nắm được các kiến thức chuyên sâu về dạng thức, ngữ nghĩa và chức năng của các thành phần của câu (chủ ngữ, động từ, tân ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ), các lớp từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ, đại từ, giới từ, liên từ...), cụm từ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, cụm trạng từ, cụm giới từ), các loại mệnh đề, các loại câu....

- *Kỹ năng:*

MT2: Người học có khả năng phân tích, sử dụng và kiến tạo các lớp từ loại, các cụm từ, các loại mệnh đề và các kiểu câu.

MT3 Có kỹ năng làm việc, phối hợp theo nhóm.

MT4: Có các kỹ năng tự học, tự tìm tòi khám phá.

- *Thái độ*

MT5: Hình thành ở người học thái độ học tập nghiêm túc và tác phong sư phạm.

MT6: Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài trước giờ học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Ngữ pháp Tiếng Anh tổng hợp là một trong những môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến

thức chuyên sâu về dạng thức, ngữ nghĩa và chức năng của các thành phần của câu (chủ ngữ, động từ, tân ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ), các lớp từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ, đại từ, giới từ, liên từ...), cụm từ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm giới từ...), các loại mệnh đề, các loại câu.... Kết thúc môn học sinh viên có khả năng phân tích, sử dụng và kiến tạo các lớp từ loại, các cụm từ, các loại mệnh đề và các kiểu câu. Môn học này góp phần hoàn thiện trình độ ngữ pháp tiếng Anh của sinh viên, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói riêng và năng lực ngôn ngữ nói chung. Đồng thời học tốt môn Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao, sinh viên sẽ có cơ sở để học tốt các môn học khác sau này.

5. phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên thuyết trình về những hiện tượng ngữ pháp phổ biến trong tiếng Anh và chất vấn sinh viên về cách dùng và ý nghĩa của chúng để sinh viên học được cách nêu vấn đề, cách trình bày vấn đề, biết khai thác kiến thức từ người nghe, biết tổ chức hoạt động nhóm, biết đánh giá, nhận xét ý kiến thu được. CDR: 4, 5, 6, 7, 8, 11

6.Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1 Phần lý thuyết

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Đọc trước tài liệu học tập ở nhà và nắm vững các nội dung kiến thức trọng tâm của khoá học.

6.2. Phần thảo luận

- Thảo luận và thuyết trình theo nhóm.
- 01 báo cáo của nhóm
- Yêu cầu cần đạt:
 - + Thuyết trình theo nhóm: Mỗi nhóm 4-5 sinh viên thuyết trình kết quả thảo luận về 01 vấn đề trong nội dung của khoá học. Sinh viên có thể lựa chọn hình thức thể hiện qua poster, power point hoặc viết bảng. Bài thuyết trình theo nhóm không quá 5 phút, nêu rõ được vấn đề, có ví dụ minh họa và phải có sự tham gia bình đẳng của các thành viên trong nhóm.

6.3. Phần bài tập

Sinh viên làm các bài tập trong sách bài tập và các bài tập khác do giáo viên giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Số tín chỉ của HP	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	Điểm QT
3	1	1	1	3

Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do BM quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận		- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm		- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

4	Seminar (bài làm theo nhóm)		- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
6	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần		10

8. Học liệu

8.1 Tài liệu học tập:

[1] Greenbaum, Sydney, and Randolph Quirk (2003). *A University Grammar of English (Studentbook)*. London: Longman.

[2] Greenbaum, Sydney, and Randolph Quirk (2003). *A University Grammar of English (Workbook)*. London: Longman.

8.2 Tài liệu tham khảo:

[1] Jim Miller (2002), *An Introduction to English Syntax*, Edinburgh University Press.

[2] Quirk, Randolph & Sidney Greenbaum 1973. *A University Grammar of English*. London: Longman.

[3] Quirk, Randolph, Sidney Greenbaum, Geoffrey Leech, & Jan Svartvik 1985. *A Comprehensive Grammar of the English Language*. London: Longman.

8.22. Phương pháp NCKH trong giảng dạy Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận/Seminar: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được khái niệm cơ bản, ý nghĩa và mục đích của Nghiên cứu khoa học NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh.

MT2: Phân biệt được các loại hình NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh.

* Về kỹ năng

MT3: Hệ thống hóa và phân tích cơ sở lựa chọn các phương pháp nghiên cứu (PPNC) cơ bản về NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh.

MT4: Lựa chọn và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các PPNC của NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh & Thiết kế qui trình thu thập và xử lý thông tin phù hợp với mục đích và PPNC; Xây dựng đề cương nghiên cứu; Viết và trình bày 1 báo cáo NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển thái độ khách quan, nghiêm túc cho NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh.

MT6: Say mê nghiên cứu và tích cực áp dụng các kết quả NCKHGD trong giảng dạy tiếng Anh vào đổi mới quá trình dạy học, phương pháp dạy học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Phương pháp nghiên cứu trong dạy học tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh. Môn học được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu như báo cáo khoa học, khoá luận tốt nghiệp, bài báo khoa học. Môn học sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng môn học và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, xê mi na.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan Lý luận dạy học và một số kỹ thuật dạy học hiện đại cho học sinh phổ thông.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; 01 bài tập nhóm (thuyết trình Poster nội dung chương 1 theo nhóm).

- Tiểu luận: Viết 01 đề cương nghiên cứu

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá học phần: môn học này không thi (trọng số 100%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (Làm bài thu hoạch; Bản tổng hợp tài liệu (Literature review))	25%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung giáo án đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm: làm một bản đề cương kế hoạch nghiên cứu.	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Tiểu luận	50%	có tiêu chí đánh giá riêng	Ch5, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] James D. Lester, *Writing Research papers – A complete guide*, Pearson Longman, 2007.

[2] Creswell, John. *Research design*. Sage Publication India Pvt. Ltd, 2014.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Louis Cohen & Lawrence Manion, “*Research methods in Education*” (4th edition), Routledge, London & NewYork, 1994.

8. 23 Thực hành tiếng Anh 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60

(Lý thuyết: 30; Bài tập: 20; Thực hành/Thí nghiệm: 10; Thảo luận/Seminar: 30; Thực tế chuyên môn: 0 ; Tự học: 120 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: EGR231N, Ngữ pháp thực hành tiếng Anh, ENP221N – Luyện âm tiếng Anh

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0965622160	leminhngoc2911@gmail.com
2	TS. Dương Công Đạt	0855958333	ntdatn@gmail.com
3	Th.S. Phùng Thị Thanh Tú	0911227866	phungthanhtu78@gmail.com
4	Th.S. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

MT2: Áp dụng được các chiến thuật ngôn ngữ cơ bản của các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết giải quyết các tình huống tiếng Anh hiệu quả.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước phương Tây trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 “cấp thấp” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT11: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Thực hành tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận ngôn ngữ cơ bản để học Tiếng Anh đáp ứng nhu cầu quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên có cơ hội tham gia vào hàng loạt những hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ nghe nói đọc viết bao gồm các chiến thuật nghe, đọc lướt lấy ý chính và lấy thông tin chi tiết; miêu tả đồ vật, giới thiệu về 1 chủ đề quen thuộc, đưa ra ý kiến tranh luận, phản biện và luyện viết câu hoàn chỉnh, sửa lỗi câu, lỗi ngữ pháp, chính tả, viết thư thân mật. Qua đó, sinh viên không những đạt được những kiến thức cơ bản, mà còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên luyện các kỹ năng ngôn ngữ. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng vận dụng các chiến lược ngôn ngữ cơ bản để đạt được trình độ chuẩn quốc tế như IELTS (Mức điểm 3.5) hoặc TOEFL (350).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch8
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch10
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1 đến Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; Tra từ mới và hoàn thành các nhiệm vụ khác do giảng viên yêu cầu.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
4	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1 đến Ch10	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch9, Ch10	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận (Thi Viết)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		10

5	Trắc nghiệm (Thi Nghe, Đọc)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		
6	Vấn đáp (Thi Nói)		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		

8. Học liệu

Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 2, Oxford, 2011.

Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Reading, Writing, and Study skills Level 2, Oxford, 2011.

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 2, Oxford, 2011.

[2]. Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Reading, Writing, and Study skills Level 2, Oxford, 2011.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Mann M. & Taylore–Knowles S. *Destination B1*, Grammar and Vocabulary. Macmillan, 2008. <http://ielts-share.com/destination-grammar-vocabulary-ak-b1-ielts/>

8.24 Thực hành tiếng Anh 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60

(Lý thuyết: 30; Bài tập: 20; Thực hành/Thí nghiệm: 10; Thảo luận/Seminar: 30; Thực tế chuyên môn: 0 ; Tự học: 120 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết:

- Học phần học trước: EPP241N

- Học phần học song hành: ELE231N - Từ vựng học tiếng Anh; PSE221N - Thuyết trình tiếng Anh

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0965622160	leminhngoc2911@gmail.com
2	TS. Dương Công Đạt	0855958333	ntdatn@gmail.com
3	Th.S. Phùng Thị Thanh Tú	0911227866	phungthanhtu78@gmail.com
4	Th.S. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

MT2: Áp dụng được các chiến thuật ngôn ngữ cơ bản của các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết giải quyết các tình huống tiếng Anh hiệu quả.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước phương Tây trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT9: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT10: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học **Thực hành tiếng Anh 2** cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận ngôn ngữ cơ bản để học Tiếng Anh đáp ứng nhu cầu quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên có cơ hội tham gia vào hàng loạt những hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ nghe nói đọc viết bao gồm các chiến thuật nghe hiểu ý chính, ghi chép, nghe đoạn dài; thể hiện con số không chính xác, trình bày câu phức hợp, đưa ra quan điểm, đồng ý và không đồng ý; hỏi để lấy thông tin một cách lịch sự, trình bày báo cáo kết quả thu thập được, trình bày thông tin bằng cách tóm lược, giải thích và đưa ra ví dụ, đưa ra tranh luận; chuyển đổi ý khác; ghi chú, tóm tắt bài đọc và giải thích, hiểu dữ liệu thống kê qua bảng biểu trong bài đọc; phát triển kỹ năng viết thư thân mật. Qua đó, sinh viên không những đạt được những kiến thức cơ bản, mà còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên luyện các kỹ năng ngôn ngữ. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng vận dụng các chiến lược ngôn ngữ cơ bản để đạt được trình độ chuẩn quốc tế như IELTS (Mức điểm 4.0) hoặc TOEFL (370).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch8
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch10
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1 đến Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; Tra từ mới và hoàn thành các nhiệm khác do giảng viên yêu cầu.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
4	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1 đến Ch10	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch9, Ch10	10

	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
4	Tự luận (Thi Viết)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch9, Ch10	10
5	Trắc nghiệm (Thi Nghe, Đọc)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		
6	Vấn đáp (Thi Nói)		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		

8. Học liệu

Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 2, Oxford, 2011,

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 2, Oxford, 2011.

[2]. Philpot S., Headway Academic skills Reading, Writing, and Study skills Level 2, Oxford, 2011.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Evans V., *Successful writing Intermediate*, Express Publishing, 2000.

[4]. Mann M. & Taylore–Knowles S., *Destination B1*, Grammar and Vocabulary. Macmillan, 2008. <http://ielts-share.com/destination-grammar-vocabulary-ak-b1-ielts/>

8.25. Thực hành Tiếng Anh 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60

(Lý thuyết: 30; Bài tập: 20; Thực hành/Thí nghiệm: 10; Thảo luận/Seminar: 30; Thực tế chuyên môn: 0 ; Tự học: 120 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: EPP242N

- Học phần học song hành: PBL221N, TTM341N

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	leminhngoc2911@gmail.com
2	TS. Dương Công Đạt	0855958333	ntdatn@gmail.com
3	Th.S. Phùng Thị Thanh Tú	0911227866	phungthanhtu78@gmail.com
4	Th.S. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng, hiểu được ý chính hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề trong công việc.

MT2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 3 “cấp cao” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước phương Tây trong giao tiếp bằng tiếng Anh để xử lý các tình huống xảy ra.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 “cấp cao” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT11: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Thực hành tiếng Anh 3 rèn luyện cho sinh viên các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ học Tiếng Anh đáp ứng nhu cầu quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên có cơ hội tham gia vào hàng loạt những hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết thông qua việc áp dụng các chiến thuật nghe, đọc lướt lấy ý chính và lấy thông tin chi tiết; miêu tả đồ vật, giới thiệu các chủ đề trong cuộc sống, đưa ra ý kiến tranh luận, phản biện, luyện viết câu hoàn chỉnh, sửa lỗi câu, lỗi ngữ pháp, chính tả, viết thư trang trọng. Qua đó, sinh viên không những nâng cao những kiến thức sẵn có mà còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng vận dụng các chiến lược ngôn ngữ để đạt được trình độ chuẩn quốc tế như IELTS (Mức điểm 4.5 - 5.0) hoặc TOEFL (450-500).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch8
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch8
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1 đến Ch8

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; Tra từ mới và hoàn thành các nhiệm vụ khác do giảng viên yêu cầu.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
4	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7, Ch8	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1 đến Ch8	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch7, Ch8	10

	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
4	Tự luận (Thi Viết)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1 đến Ch8	10
5	Trắc nghiệm (Thi Nghe, Đọc)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		
6	Vấn đáp (Thi Nói)		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		

18 Học liệu

Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 3, Oxford, 2011.

Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Reading, Writing, and Study skills Level 3, Oxford, 2011.

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 3, Oxford, 2011.

[2]. Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Reading, Writing, and Study skills Level 3, Oxford, 2011.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Mann M. & Taylore–Knowles S. *Destination B2*, Grammar and Vocabulary. Macmillan, 2008. <http://ielts-share.com/destination-grammar-vocabulary-ak-b1-ielts/>

[4]. Guy B. and Vanessa J., Complete IELTS, Cambridge University Press

8.26. Đề án học tập 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: ; Thực hành: 10; Thảo luận: 10; TTCM: 10 tiết Tự học: 60)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Dương Công Đạt	0912446530	dcdattngmail.com
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	Vitrong218@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Yến	0982107915	yentran@dhsptn.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
5	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	phungthanhtu78@gmail.com
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ qua các hoạt động viết bài báo, đọc các tạp chí mẫu của nước ngoài, thiết kế tạp chí, luyện tập và diễn kịch, thuyết trình bằng tiếng Anh.

MT2: Nâng cao kiến thức về văn học, văn hóa, ngôn ngữ giao tiếp qua bài báo, các vở/ đoạn trích kịch, bản tin truyền hình.

* Về kỹ năng

MT3: Thuần thục các kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học ngôn ngữ qua các hoạt động của đề án như kĩ năng viết, kĩ năng thiết kế, kĩ năng nói, kĩ năng đọc.

MT4: hình thành các kỹ năng tìm kiếm thông tin; biên tập thông tin; trình bày thông tin qua sản phẩm;

MT5: Phát triển kĩ năng làm việc nhóm; làm việc độc lập; lãnh đạo và quản lí; lập kế hoạch; quản lí thời gian; kĩ năng quản lí dự án.

**** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

MT6: Phát triển sự ham thích việc học tiếng Anh; thích làm việc nhóm; tôn trọng cộng sự; ủng hộ thói quen đúng giờ giấc; có ý thức hình thành thói quen tự học; tự tin trong giao tiếp; tôn trọng quyền tác giả và có ý thức bài trừ đạo văn;

MT7: vận dụng nội dung dạy học vào công cuộc phát triển nghề nghiệp của bản thân nói riêng và của xã hội nói chung.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Đề án tạp chí giới thiệu cho sinh viên về phương pháp thiết kế tạp chí, thiết kế các hoạt động nhằm nâng cao khả năng viết báo, cũng như khả năng nghiên cứu khoa học. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về viết báo và làm tạp chí, trên cơ sở đó sinh viên sẽ được hướng dẫn tổ chức, thảo luận các hoạt động viết báo, biên tập, thiết kế tạp chí... Sản phẩm cuối cùng của đề án là các tờ tạp chí của các nhóm sinh viên, qua đó sinh viên sẽ tự tin trong quá trình viết báo và làm báo.

Đề án truyền hình được thiết kế trong chương trình học nhằm tạo ra một môi trường làm việc phù hợp để người học chương trình Cử nhân Sư phạm tiếng Anh vận dụng, củng cố, rèn luyện nhiều kiến thức, kĩ năng và thái độ cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Trong quá trình làm đề án này, người học đặc biệt rèn luyện kĩ năng Nghe – Nói – Viết – Đọc tiếng Anh. Bên cạnh đó, người học còn phát triển các kĩ năng liên nhân như: lãnh đạo, quản lý nhóm, hợp tác, giao tiếp, quản lý thời gian, tự giác, chịu trách nhiệm cá nhân, ..vv. Nói cách khác, đây là một môi trường vừa hữu ích, vừa có tính gây cảm hứng học tập, phát triển nghề nghiệp cũng như phát triển bản thân. Môn học hỗ trợ, tăng hiệu quả trong nhiều môn học cận chuyên ngành và chuyên ngành trong toàn chương trình đào tạo.

Đề án Kịch là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh. Môn học được thiết kế như một môn học tập theo dự án (PBL). Nó có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm; năng lực ngôn ngữ; kỹ phân tích, tổng hợp, biên tập, biên dịch tài liệu với nội dung chủ yếu là giới thiệu và hiểu các tác phẩm văn học trên thế giới. Ngoài việc luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói đọc, viết, thông qua môn học, sinh viên còn phát triển kỹ năng

trình bày, biểu diễn; học tương tác trong nhóm; xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và cá nhân; xây dựng hồ sơ năng lực học tập đề án.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

Phương pháp	Mục đích
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức
Thảo luận nhóm	Luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ, xây dựng kế hoạch.
Giao nhiệm vụ	Tự học, quản lý thời gian, thực hiện đề án
Kiểm tra chéo	Luyện tập kiểm tra đánh giá

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên edmodo.com được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	TTCM	
2	1	3	1	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân qua edmodo)	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch5, Ch6	4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3	TTCM	20%	Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10
TIỂU LUẬN (trọng số 50%)					
4	Sản phẩm	50%	Theo Rubric đánh giá	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Armanza D. et al. (1997). Project-based learning and assessment: a resource manual for teachers. Virginia: Arlington

[2] Jendos Rothstein: Magazine designing. Longman publication. 2004

[3] Dougili, John (1987) Drama Activities for Language Teaching. London: Macmillan.

[4] Irving Fang, (1991) Writing Style Differences in Newspaper, Radio, and Television News, University of Minnesota. Monograph Series, No. 2,

8.2. Tài liệu tham khảo:

[5] Martin Li; How to write better. UK: Cambridge University Press. 2005

[6] Roderick, J: 42 Excellent Examples of Magazine Layout Design for your Inspiration, article, 2010.

[7] Poonpon, K. (2011) Enhancing English Skills through Project-based Learning. The English Teacher

[8] Sam, Y.W. (1990). Drama in Teaching English as a Second Language - A Communicative Approach. The English Teacher Journal Vol XIX July 1990

8.27. Thực hành Tiếng Anh 4

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60

(Lý thuyết: 30; Bài tập: 20; Thực hành/Thí nghiệm: 10; Thảo luận/Seminar: 30; Thực tế chuyên môn: 0 ; Tự học: 120 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: EPP243N

- Học phần học song hành: PBL222N, ELC211N, EAO211N, ECL211N

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	leminhngoc2911@gmail.com
2	TS. Dương Công Đạt	0855958333	ntdatn@gmail.com
3	Th.S. Phùng Thị Thanh Tú	0911227866	phungthanhtu78@gmail.com
4	Th.S. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sử dụng được vốn từ vựng, hiểu được nội dung các bài khóa, bài phát biểu về các chủ đề trong công việc và cuộc sống.

MT2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 4 “cấp thấp” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước phương Tây trong giao tiếp bằng tiếng Anh để xử lý các tình huống xảy ra.

* Về kỹ năng

MT4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 4 “cấp thấp” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT11: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Thực hành tiếng Anh 4 tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ học Tiếng Anh đáp ứng nhu cầu quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên có cơ hội tham gia vào hàng loạt những hoạt động phát triển kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết thông qua việc áp dụng các chiến thuật nghe, đọc lướt lấy ý chính và lấy thông tin chi tiết; miêu tả đồ vật, tranh luận hoặc đưa ra quan điểm của các nhân vật về các chủ đề trong công việc và cuộc sống, có khả năng viết khá tốt câu truyện (có thể tưởng tượng) đã xảy ra trong quá khứ. Qua đó, sinh viên không những nâng cao những kiến thức sẵn có mà còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề đồng thời tạo cơ hội cho sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng vận dụng các chiến lược ngôn ngữ để đạt được trình độ chuẩn quốc tế như IELTS (Mức điểm 5.0-5.5) hoặc TOEFL (500-550).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch8
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ.	Ch1 đến Ch8
Đàm thoại	Giúp sinh viên gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1 đến Ch8

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; Tra từ mới và hoàn thành các nhiệm khác do giảng viên yêu cầu.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
4	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7, Ch8	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1 đến Ch8	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch7, Ch8	10

	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
4	Tự luận (Thi Viết)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1 đến Ch8	10
5	Trắc nghiệm (Thi Nghe, Đọc)		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.		
6	Vấn đáp (Thi Nói)		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		

8. Học liệu

Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 3, Oxford, 2011,

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Philpot S. & Curnick L., Headway Academic skills Listening, Speaking, and Study skills Level 3, Oxford, 2011.

[2]. Philpot S., Headway Academic skills Reading, Writing, and Study skills Level 3, Oxford, 2011.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Mann M. & Taylore–Knowles S. *Destination B2*, Grammar and Vocabulary. Macmillan, 2008.

[4]. Guy B. and Vanessa J., Complete IELTS, Cambridge University Press

8. 28 Nghe tiếng Anh 5

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập, Thực hành: 30 (trong đó BT online 15 tiết); Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Thực hành tiếng Anh 4

- Học phần học song hành: Nói tiếng Anh 5, Đọc tiếng Anh 5, Viết tiếng Anh 5

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng được những từ vựng theo các chủ đề quen thuộc trong đời sống.

MT2: Biết thêm được một vài điểm đặc trưng trong văn hóa giao tiếp giữa các nước nói tiếng Anh.

* Về kỹ năng

MT3: Nghe hiểu về các chủ đề quen thuộc trong đời sống, tương ứng trình độ B1 thấp theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam..

MT4: Giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Tự quản lý thời gian.

MT6: Tự học tập và rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, không ngừng bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nghe 5 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Nghe. Kết thúc học phần, năng lực nghe hiểu của sinh viên đạt cấp độ B1 thấp theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Học phần bổ trợ thêm để sinh viên có thể phát huy kinh nghiệm nghe hiểu đã học được trong học phần trước. Đồng thời, sinh viên có

thể tiếp tục làm giàu vốn ngôn ngữ của mình thông qua các chủ điểm giao tiếp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nghe thông tin cụ thể, thông tin chính, đoán được dụng ý cũng như thái độ của người nói. Sinh viên có thể kết hợp và vận dụng các kiến thức của môn học vào các môn học song hành, hình thành và phát triển khả năng tư duy bằng tiếng Anh và đặc biệt, tăng phản xạ, và hiệu quả giao tiếp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình về các dạng bài nghe hiểu, cách thức làm từng dạng bài; các từ vựng trong các chủ đề theo từng unit.
- SV ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân.
- SV thảo luận, xây dựng đoạn hội thoại có liên quan đến những chủ đề trong phần nghe.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.
- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch6, Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch6, Ch7	5

2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch6, Ch7	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch6, Ch7	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch6, Ch7	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Craven, Miles (2008). *Real Listening and Speaking 4*. Cambridge: University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Jones, Leo (2009). *Let's Talk 2*. Nhà xuất bản văn hóa thông tin.

[3] Craven, Miles (2008). *Real Listening and Speaking 3*. Cambridge: University Press.

[4] Kay, Sue & Johns, Vaughan (2008). *New Inside Out Intermediate*. MacMillan

[5] Hutchinson, Tom (2008). *English for Life Intermediate*. Oxford: University Press.

8.29 Nói tiếng Anh 5

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: EPP244N

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com
2	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân loại được các vốn từ vựng theo chủ đề về xã hội và du lịch.

MT2: So sánh được cách dùng từ nối và cấu trúc câu phức tạp trong nói Tiếng Anh tương ứng với Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Phân tích được thông tin trong giao tiếp bằng Tiếng Anh từ đó quyết định lựa chọn các thủ thuật giao tiếp một cách hiệu quả..

* Về kỹ năng

MT4: Phát triển kỹ năng Nói bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 4 “cấp cao” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Lý giải quan điểm một cách rõ ràng, trôi chảy thông qua giải thích và lập luận một cách phù hợp.

MT6: Khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới thông qua luyện tập làm phát thanh viên bản tin tiếng Anh.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Bố trí kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân.

MT8: Xác định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ đối với bản thân và xã hội.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nói TA 5 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Nói. Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết để sinh viên có thể nắm được các chiến lược nói trong tiếng Anh. Đồng thời, sinh viên có thể nắm được các từ vựng và cấu trúc giao tiếp cơ bản theo chủ điểm. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể kết hợp và vận dụng các kiến thức của môn học vào các môn học song hành, hình thành và phát triển khả năng tư duy bằng tiếng Anh và đặc biệt, tăng phản xạ và hiệu quả giao tiếp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức	Ch1 Ch2 Ch3
Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên khám phá khả năng Nói Tiếng Anh của bản thân, từ đó kiểm tra chéo, đánh giá và chỉnh sửa lẫn nhau.	Ch4 Ch5 Ch6 Ch7
Hoàn thành bài tập cá nhân	Giúp sinh viên khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới, Bố trí kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân, xác định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.	Ch8 Ch9 Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	3,4,5,6	4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	2
			- Ý tưởng sáng tạo	10,	2
3	Bài kiểm tra định kì (Kiểm tra vấn đáp)	25%	Theo tiêu chí chấm và thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Vấn đáp	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Miles Craven, (2008). *Real Listening and Speaking 4*. Cambridge University Press

8.2. Tài liệu tham khảo:

[[2] Martin Hewings (2007). *Advanced Grammar in Use*, Cambridge English Corpus

[3] Peter May. (2015) *Compact Advanced*. Cambridge University Press

[4] Anthea Brazin and Elaine Boyd (2008) *Achieve IELTS*. Marshall Cavendish Education

8.30. Đọc Tiếng Anh 5

1. Thông tin về học phần:

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Bài tập: 10; Tổng số tiết tự học: 60)

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Thực hành Tiếng Anh 4

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh ☒

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965.622.160	bichngoctn@yahoo.com
2	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức:

+MT 1: Học phần Đọc TA 5 giúp người học trau dồi thêm vốn từ vựng học thuật, hiểu sâu hơn về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi TOEFL.

+MT 2: Trang bị các kĩ thuật đọc Tiếng Anh, các thủ thuật để đạt kết quả cao hơn trong bài thi đọc TOEFL.

* Về kỹ năng:

+MT 3: Trả lời được các loại câu hỏi cụ thể với sự hiểu biết, kỹ thuật và chiến lược cụ thể. Khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh từ bài đọc một cách hiệu quả.

+MT 4: Sử dụng thời gian làm bài hiệu quả hơn. Tiếp cận phần đọc hiểu của bài thi TOEFL một cách tự tin hơn với các chiến lược làm bài phù hợp và hiệu quả.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+MT 5: Người học hình thành thái độ học tập nghiêm túc và tác phong sư phạm. Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài trước giờ học.

+MT 6: Biết trân trọng giá trị của việc đọc sách và tài liệu. Có ý thức tự rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Đọc Tiếng Anh 5 cung cấp các kiến thức cần thiết giúp sinh viên hiểu sâu hơn về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi TOEFL. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu khác nhau trong bài thi đọc hiểu của đề thi TOEFL như trả lời được các câu hỏi tìm ý chính, nhận diện được cách sắp xếp các ý trong bài đọc, trả lời được các câu hỏi xác định thông tin được nhắc đến trong bài đọc và câu hỏi xác định thông tin không được nhắc đến trong bài đọc, xác định được từ/cụm từ mà đại từ quy chiếu đến, trả lời được các câu hỏi hàm ý, trả lời được các câu hỏi chuyển tiếp, xác định được nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh và xác định được giọng điệu, mục đích hoặc tiến trình của bài đọc.

Học phần cũng giúp sinh viên khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh từ bài đọc một cách hiệu quả; biết khai thác trực giác trong khi làm bài kiểm tra đọc hiểu như kỹ thuật cuối cùng; biết sử dụng thời gian làm bài hiệu quả hơn và tiếp cận phần đọc hiểu của bài thi TOEFL một cách tự tin hơn với các chiến lược làm bài phù hợp và hiệu quả.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các nội dung các kỹ thuật đọc hiểu.
- Tổ chức hoạt động dạy học theo nhóm để sinh viên trao đổi ý kiến, luyện tập các kỹ năng làm bài đọc.
- Đàm thoại để gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên.

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 30%, 20% trọng số điểm còn lại là điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên)

Thi kết thúc học phần: 50%

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	3	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân Portfolio	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	10,	2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kỳ	30%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Bài thi viết	50%	Theo đáp án đề thi	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] *Peterson's Master TOEFL Reading skills 2007*. Thomson Peterson's.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Rogers, B. (2005). *Peterson's TOEFL success 2005* . Thomson Peterson's.

[3] Gear, J. & Gear, R. (1996). *Cambridge preparation for the TOEFL Test (2nd)*. Cambridge: Cambridge University Press.

8. 31 Viết tiếng Anh 5

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 10; Thảo luận/Seminar: 10 Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Yến	0979.697.224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT 1: Nắm được cấu trúc, trật tự đúng của một câu trong Tiếng Anh.

MT 2: Nhận biết được các loại câu phân loại theo thành phần trong Tiếng Anh.

MT 3: Nhận biết được các lỗi về câu thường gặp.

MT 4: Nắm được cấu trúc thông thường của một đoạn văn trong Tiếng Anh; chức năng, đặc điểm của câu chủ đề, các câu bổ trợ và câu kết luận.

MT 5: Phân biệt được các loại đoạn văn miêu tả, định nghĩa, so sánh, tường thuật, giải thích, phân tích quá trình, đưa ra ý kiến, nguyên nhân-hậu quả và phân loại trong Tiếng Anh.

* Về kỹ năng

MT 1: Viết đúng và viết hay câu đơn, câu ghép và câu phức trong Tiếng Anh.

MT 2: Viết được câu chủ đề, các câu bổ trợ và câu kết luận cho một đoạn văn.

MT 3: Viết được các loại đoạn văn trong Tiếng Anh như đoạn văn miêu tả, định nghĩa, so sánh, tường thuật, giải thích, phân tích quá trình, đưa ra ý kiến, nguyên nhân-hậu quả và phân loại.

MT 4: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng làm việc nhóm

MT 5: Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT1: Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT2: Có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Viết Tiếng Anh 5 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Viết. Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết để sinh viên có thể nhận biết và hiểu được cấu trúc, trật tự của một câu, một đoạn văn trong tiếng Anh. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để viết đúng và viết hay câu đơn, câu ghép, câu phức trong tiếng Anh và các đoạn văn một cách hoàn chỉnh.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.
- Dạy học theo nhóm để sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ.
- Đàm thoại để gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

5. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm được giao
- Seminar: Hoàn thành các bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu của môn học

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)

Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch11, Ch12	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch9	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch9	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Thực hành	5%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10,	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1

5	Seminar (bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch9	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			- Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10,	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch6, Ch7, Ch8, Ch9, Ch10,	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Oshima, A. & Hogue, A. (1996). *Writing Academic English*. New York: Pearson Longman.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Folse, K., Muchmore-Vokoun & Solomon. (2005). *Great Sentences for Great Paragraphs*. Boston: Heinle, Cengage Learning.

[3] Hogue, Ann. (2008). *First Steps in Academic Writing*. New York: Pearson Longman.

[4] Butler, L. (2007). *Fundamentals of Academic Writing*. New York: Pearson Longman.

[5]. Zemach, D. E & Rumisek, L.A. (2005). *Academic Writing from Paragraphs to Essays*. Oxford: Macmillan.

8.32 Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: : 30
(LT: 15 Bài tập: 10 TH: 10 Thảo luận:10 Tự học: 60)
- Loại môn học: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Thực hành tiếng 1: EPP241N
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s Mai Văn Cần	0914 833 765	maivcan@gmail.com
2	Th.s Trần Thị Yến	0979697224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

- *Về Kiến thức:*

MT1: Hiểu được dạng thức, ngữ nghĩa và chức năng của các thành phần của câu (chủ ngữ, động từ, tân ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ)

MT2: Phân biệt được sự khác biệt giữa các lớp từ loại và các thành phần của mệnh đề và câu.

MT3: Phân tích được các thành phần của câu theo chức năng ngữ pháp

- *Về Kỹ năng:*

MT4: Phân tích, sử dụng và kiến tạo các lớp từ loại, các cụm từ, các loại mệnh đề và các kiểu câu.

MT5: Làm việc nhóm, tự học, tự tìm tòi khám phá.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Nghiêm túc và tác phong sư phạm.

MT7: Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài trước giờ học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao là một trong những môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về dạng thức, ngữ nghĩa và chức năng của các thành phần của câu (chủ ngữ, động từ, tân ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ), các lớp từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ, đại từ, giới từ, liên từ...), cụm từ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm giới từ...), các loại mệnh đề, các loại câu.... Kết thúc môn học sinh viên có khả năng phân tích, sử dụng và kiến tạo các lớp từ loại, các cụm từ, các loại mệnh đề và các kiểu câu. Môn học này góp phần hoàn thiện trình độ ngữ pháp tiếng Anh của sinh viên, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói riêng và năng lực ngôn ngữ nói chung. Đồng thời học tốt môn Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao, sinh viên sẽ có cơ sở để học tốt các môn học khác sau này.

5. phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên thuyết trình về những hiện tượng ngữ pháp phổ biến trong tiếng Anh và chất vấn sinh viên về cách dùng và ý nghĩa của chúng để sinh viên học được cách nêu vấn đề, cách trình bày vấn đề, biết khai thác kiến thức từ người nghe, biết tổ chức hoạt động nhóm, biết đánh giá, nhận xét ý kiến thu được.

Phương pháp	Mục đích	CDR
Thuyết trình	SV học cách nêu, dẫn dắt, lý giải các biểu hiện ngữ pháp	C3, C4, C6, C7
Chất vấn	Sinh viên học cách khai thác ý nghĩa của cấu trúc ngữ pháp	C11, 12, 13, 14
Tổ chức hoạt động nhóm	SV vận dụng và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ trong làm việc nhóm, phản biện lại một ý kiến.	C11, 15

6.Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1 Phần lý thuyết

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Đọc trước tài liệu học tập ở nhà và nắm vững các nội dung kiến thức trọng tâm của khoá học.

6.2. Phần thảo luận

- Thảo luận và thuyết trình theo nhóm.
- 01 báo cáo của nhóm
- Yêu cầu cần đạt:

+ Thuyết trình theo nhóm: Mỗi nhóm 4-5 sinh viên thuyết trình kết quả thảo luận về 01 vấn đề trong nội dung của khoá học. Sinh viên có thể lựa chọn hình thức thể hiện qua poster, power point hoặc viết bảng. Bài thuyết trình theo nhóm không quá 5 phút, nêu rõ được vấn đề, có ví dụ minh họa và phải có sự tham gia bình đẳng của các thành viên trong nhóm.

6.3. Phần bài tập

Sinh viên làm các bài tập trong sách bài tập và các bài tập khác do giáo viên giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Số tín chỉ của HP	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	Điểm QT
3	1	1	1	3

Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do BM quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1, Ch6, Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch6, Ch7	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch5	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

4	Seminar (bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch6, Ch7	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch2, Ch3, Ch4	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	Tự luận		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần	Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Greenbaum, Sydney, and Randolph Quirk (2003). *A University Grammar of English (Studentbook)*. London: Longman.

[2] Greenbaum, Sydney, and Randolph Quirk (2003). *A University Grammar of English (Workbook)*. London: Longman.

8.2 Tài liệu tham khảo:

[1] Jim Miller (2002), *An Introduction to English Syntax*, Edinburgh University Press.

[2] Quirk, Randolph & Sidney Greenbaum 1973. *A University Grammar of English*. London: Longman.

[3] Quirk, Randolph, Sidney Greenbaum, Geoffrey Leech, & Jan Svartvik 1985. *A Comprehensive Grammar of the English Language*. London: Longman.

8.33. Đề án học tập 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 5; Thực hành: 10; Thảo luận: 10; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phùng T. Thanh Tú	0911227866	Phungthanhtu78@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Vận dụng được những kiến thức cần cho việc dạy học theo phương pháp dự án (PBL).

** Về kỹ năng*

MT2 : Thực hiện được việc thiết kế các tour du lịch và giới thiệu về các tour đó, thiết kế tờ rơi quảng cáo du lịch, thuyết trình về một nền văn hóa, xây dựng một chương trình truyền hình.

MT3 : Phát triển các kỹ năng mềm

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT4: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT5: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học **Đề án học tập 2** cung cấp cho sinh viên nguyên lý của hoạt động dạy học theo dự án. Thông qua việc tổ chức các đề án học tập cụ thể bao gồm Đề án du lịch, Đề án văn hóa và Đề án truyền hình, sinh viên được tham gia thực hành các hoạt động của đề án từ khâu thành lập nhóm, lên kế hoạch thực hiện và thực hiện đề án và đánh giá đề án. Qua đó sinh viên không những có khả năng phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, mà còn áp dụng những kiến thức kỹ năng có được từ môn học để thiết kế và tổ chức các đề án học tập tích hợp với các môn học hoặc tổ chức riêng biệt các đề án phù hợp với đối tượng học sinh.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các nguyên lý và quy trình hoạt động đề án	Ch1,
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập thiết kế và tổ chức hoạt động đề án	Ch2, Ch3, Ch4, Ch5
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch2, Ch3, Ch4, Ch5
Thảo luận	Giúp sinh viên trao đổi các đề án nhóm thực hiện	Ch6, Ch7, Ch8

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học;
- Bài tập, thảo luận: Hoàn thành các nhiệm vụ cá nhân được nhóm giao cho hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên; Các nhóm tham gia thảo luận

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch8, Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập thường xuyên	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch3,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch4,	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch5	1
3	Bài báo cáo đánh giá định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Chấm sản phẩm đề án		Theo tiêu chí và thang điểm	Ch6, Ch7, Ch8	10

8. Học liệu

[1] Boss S. & Krauss J. Reinventing project based learning, International Society for Technology in Education , 2014.

[2] Project based learning handbook, Educational Technology Division, Ministry of Education, 2006.

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Boss S. & Krauss J. Reinventing project based learning, International Society for Technology in Education , 2014.

[2] Project based learning handbook, Educational Technology Division, Ministry of Education, 2006.

8.2. Tài liệu tham khảo:

8. 34 Nghe tiếng Anh 6

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập, Thực hành: 30 (trong đó BT online 15 tiết); Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Nghe tiếng Anh 5

- Học phần học song hành: Nói tiếng Anh 6, Đọc tiếng Anh 6, Viết tiếng Anh 6

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng được những từ vựng theo các chủ đề quen thuộc trong đời sống.

MT2: Biết và nhớ thêm được những điểm khác nhau trong văn hóa giao tiếp giữa các nước nói tiếng Anh và Việt Nam.

* Về kỹ năng

MT3: Nghe hiểu các hội thoại hoặc độc thoại về các chủ đề quen thuộc trong đời sống.

MT4: Giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Tự quản lý thời gian.

MT6: Tự học tập và rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, không ngừng bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nghe tiếng Anh 6 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Nghe. Học phần bổ trợ thêm để sinh viên có thể phát huy kinh nghiệm nghe hiểu đã học được trong học phần trước. Sinh viên được tiếp cận với định dạng nghe có yêu cầu khó hơn

với những từ vựng và cách diễn đạt phức tạp hơn. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được định dạng bài thi Nghe IELTS, có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào các tình huống nghe nâng cao và biết cách diễn đạt ý tưởng cũng như bày tỏ thái độ, quan điểm của mình một cách lịch sự. Sinh viên có thể kết hợp và vận dụng các kiến thức của môn học vào các môn học song hành, duy trì khả năng tư duy bằng tiếng Anh và đặc biệt, tăng phản xạ, và hiệu quả giao tiếp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình về các dạng bài nghe hiểu, cách thức làm từng dạng bài; các từ vựng trong các chủ đề theo từng unit.
- SV ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân.
- SV thảo luận, xây dựng đoạn hội thoại có liên quan đến những chủ đề trong phần nghe.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.
- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7, Ch8	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch7, Ch8	5
2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch7, Ch8	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch7, Ch8	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch7, Ch8	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Craven, Miles (2008). *Real Listening and Speaking 4*. Cambridge: University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Jakeman, Vanessa & McDowell, Clare (2012). *Practice Test for Ielts 1*. Cambridge: University Press.

[3] Jakeman, Vanessa & McDowell, Clare (2012). *Practice Test for Ielts 2*. Cambridge: University Press.

[4] Jakeman, Vanessa & McDowell, Clare (2012). *Practice Test for Ielts 3*. Cambridge: University Press.

8.35 Nói tiếng Anh 6

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: ENS225N
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com
2	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân loại được vốn từ vựng nâng cao về các chủ đề liên quan tới lĩnh vực công việc và học tập hàng ngày.

MT2: Lựa chọn được các từ nối và cấu trúc câu nâng cao trong nói Tiếng Anh tương ứng với Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Tổng hợp được thông tin trong giao tiếp bằng Tiếng Anh từ đó quyết định lựa chọn các thủ thuật giao tiếp một cách hiệu quả..

* Về kỹ năng

MT4: Xếp hạng kỹ năng Nói bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 5 “cấp trung bình” theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Biện hộ quan điểm một cách rõ ràng, trôi chảy thông qua giải thích và lập luận một cách phù hợp.

MT6: Khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới thông qua luyện tập làm phát thanh viên bản tin tiếng Anh.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Bố trí kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân.

MT8: Xác định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ đối với bản thân và xã hội.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nói Tiếng Anh 6 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Sư phạm Tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Nói.

Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết giúp sinh viên hiểu sâu về bản chất, hình thức và các loại câu hỏi trong phần thi Nói của bài thi IELTS phần 1 và phần 2. Trong quá trình học tập, sinh viên được phát triển kỹ năng nói thông qua xem, bắt trước và tập làm phát thanh viên bản tin Tiếng Anh; hoàn thành một số yêu cầu theo nhóm hoặc cá nhân do giảng viên giao. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học để thể hiện quan điểm cá nhân bằng Tiếng Anh về các vấn đề nảy sinh trong giao tiếp và học tập hàng ngày, đồng thời có thể giao tiếp bằng Tiếng Anh một cách lưu loát và có hiệu quả với bạn bè, thầy cô. Đặc biệt, với sự hướng dẫn và chỉ bảo của giảng viên, sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng Nói Tiếng Anh với nghề nghiệp và cuộc sống sau này, từ đó xây dựng niềm đam mê và yêu thích môn học, gắn bó với môn học đến suốt đời.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức	Ch1 Ch2 Ch3
Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên khám phá khả năng Nói Tiếng Anh của bản thân, từ đó kiểm tra chéo, đánh giá và chỉnh sửa lẫn nhau.	Ch4 Ch5 Ch6 Ch7
Hoàn thành bài tập cá nhân	Giúp sinh viên khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới, Bố trí kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân, xác định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.	Ch8 Ch9 Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	,7,8 9, 10,	4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2

3	Bài kiểm tra định kì (Kiểm tra vấn đáp)	25%	Theo tiêu chí chấm và thang điểm của giảng viên	Ch1,2,3,4,5,6,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Vấn đáp	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1,2,3,4,5,6,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Miles Craven, (2008). *Real Listening and Speaking 4*. Cambridge University Press

8.2. Tài liệu tham khảo:

[[2] Martin Hewings (2007). *Advanced Grammar in Use*, Cambridge English Corpus

[3] Peter May. (2015) *Compact Advanced*. Cambridge University Press

[4] Anthea Brazin and Elaine Boyd (2008) *Achieve IELTS*. Marshall Cavendish Education

8. 36 Đọc tiếng Anh 6

1. Thông tin về học phần:

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Bài tập: 10; Tổng số tiết tự học: 60)

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh ☒

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965.622.160	bichngoctn@yahoo.com
2	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức:

+MT 1: Học phần Đọc TA 6 giúp người học trau dồi thêm vốn từ vựng học thuật, hiểu sâu hơn về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi IELTS.

+MT 2: Trang bị các kỹ thuật đọc Tiếng Anh, các thủ thuật để đạt kết quả cao hơn trong bài thi đọc IELTS.

* Về kỹ năng:

+MT 3: Trả lời được các loại câu hỏi cụ thể với sự hiểu biết, kỹ thuật và chiến lược cụ thể. Khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh từ bài đọc một cách hiệu quả.

+MT 4: Sử dụng thời gian làm bài hiệu quả hơn. Tiếp cận phần đọc hiểu của bài thi IELTS một cách tự tin hơn với các chiến lược làm bài phù hợp và hiệu quả.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- +MT 5: Người học hình thành thái độ học tập nghiêm túc và tác phong sư phạm. Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài trước giờ học.
- +MT 6: Biết trân trọng giá trị của việc đọc sách và tài liệu. Có ý thức tự rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Đọc Tiếng Anh 6 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành Sư phạm Tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Đọc.

Học phần cung cấp các kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi IELTS. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu khác nhau trong bài thi đọc hiểu của đề thi IELTS như TRUE/FALSE/NOT GIVEN, ghép hoàn thành câu, ghép tiêu đề cho đoạn văn, cụm từ, tên... dán nhãn cho biểu đồ, trả lời được các câu hỏi xác định thông tin được nhắc đến trong bài đọc và câu hỏi xác định thông tin không được nhắc đến trong bài đọc, xác định được từ/cụm từ mà đại từ quy chiếu đến, xác định được nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh và xác định được giọng điệu, mục đích hoặc tiến trình của bài đọc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các nội dung các kỹ thuật đọc hiểu.
- Tổ chức hoạt động dạy học theo nhóm để sinh viên trao đổi ý kiến, luyện tập các kỹ năng làm bài đọc.
- Đàm thoại để gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên.

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 30%, 20% trọng số điểm còn lại là điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên)

Thi kết thúc học phần: 50%

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	3	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân Portfolio	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	10,	2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kì	30%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Bài thi viết	50%	Theo đáp án đề thi	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Sam McCarter & Norman Whitby, *Improve your IELTS - Reading Skills*, MacMillan.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Sam McCarter & Judith Ash, *Ielts reading tests*, MacMillan.

[3] Trần Vệ Đông & Vương Băng Hàn, *Reading strategies for the Ielts test*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

[4] Website: www.bbc.co.uk

8. 37 Viết tiếng Anh 6

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15 TH: 15 TL:5 BT: 10 Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Viết Tiếng anh 5
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Yến	0979.697.224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

- + MT1: Hiểu được cấu trúc của một bài luận và các dạng bài luận khác nhau trong Tiếng Anh;
- + MT2: Hiểu được các từ vựng và cấu trúc từ cơ bản đến nâng cao để triển khai ý khi viết.

* Về kỹ năng

- + MT3: Hình thành kỹ năng viết tương đương Bậc 5 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc
- + MT4: Có kỹ năng vận dụng và giải quyết vấn đề

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- MT1: Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.
- MT2: Có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Viết Tiếng Anh 6 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Sư phạm Tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Viết.

Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết để sinh viên có thể nắm vững được cấu trúc, đặc điểm, chức năng của các loại bài luận trong tiếng Anh như bài luận miêu tả, định nghĩa, phân tích quá trình, đưa ra ý kiến, tường thuật, so sánh, nhân quả Bên cạnh đó, Học phần Viết Tiếng Anh 6 cũng giúp sinh viên làm quen với cấu trúc của đề thi IELTS và trả lời các câu hỏi trong đề thi Viết của IELTS. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để viết đúng và viết hay các loại bài luận và có thể biết cách làm dạng bài viết luận số 2 trong đề thi IELTS

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CDR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức khoa học nền tảng	Ch1, 2, 3, 4
Dạy học theo nhóm	Giúp SV có cơ hội luyện tập được các kỹ năng ngôn ngữ và phát triển được kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề	Ch1 đến Ch7
Đàm thoại	Giúp SV gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của SV	Ch 1 đến Ch9

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tiểu luận đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP đọc – viết	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

- Trọng số điểm:

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)

Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch8,9	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, làm bài tập do giáo viên giao đầy đủ và nộp đúng hạn		5
2	Bài tập cá nhân EDMO DO	10%	- Làm bài tập đúng hạn	Ch1,2,3,4,5,6,7,8,9	2
			- Nội dung đúng và đáp ứng yêu cầu		5
			- Không copy, sao chép đạo văn		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài Tiểu luận	10%	- Viết tiểu luận và nộp đúng hạn	Ch1,2,3,4,5,6,7,8,9	1
			- Nội dung đúng và đáp ứng yêu cầu		2
			- Không copy, sao chép đạo văn		3
			- Có ý tưởng sáng tạo hay, thuyết phục		3
			- Sử dụng công nghệ theo đúng yêu cầu giáo viên		1

4	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2,3,4,5,6,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
5	Tự luận		Viết 60 phút theo thang điểm của đề thi kết thúc học phần	Ch1,2,3,4,5,6,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Oshima, A. & Hogue, A. (1998). Writing Academic English (3rd edition). . Pearson Education

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Davis, J. & Liss, R. (2006). Effective Academic Writing 3: The Essay. New York: OUP

[3] Jordan, J.J. (1999). Academic Writing Course. Cambridge : CUP

[4] Lougheed, D. L (2016). Barron's Writing for the IELTS. New York: Barron's Educational Series

8.38 Văn hóa các nước nói tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thảo luận/Seminar: 10; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	TS. Lê Thị Thu Hương	0912065662	huongno0406@gmail.com
3	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	bichngoctn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Tranh biện được về các thông tin về đất nước, con người của một số nước nói tiếng Anh lớn trên thế giới: Anh, Mỹ và Úc và các nước sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất.

MT2: Vận dụng được các hiểu biết về các giá trị văn hóa vật chất của các nước nói tiếng Anh: ẩm thực, thời trang, kiến trúc ...

MT3: Vận dụng được các hiểu biết về các giá trị văn hóa tinh thần của các nước nói tiếng Anh: lối sống, giá trị đạo đức, quan niệm sống, cách ứng xử ...

* Về kỹ năng

MT4: So sánh đối chiếu được các khía cạnh của văn hóa các nước nói tiếng Anh trên thế giới.

MT5: Vận dụng được các kiến thức về văn hóa các nước nói tiếng Anh trong thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy và học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả và phù hợp về văn hóa.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần **Văn hóa các nước nói tiếng Anh** là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những hiểu biết căn bản về đất nước, con người và văn hóa của các nước nói tiếng Anh. Học phần cung cấp những kiến thức về hệ thống chính trị, giáo dục, nghệ thuật, đời sống gia đình, lễ hội, ẩm thực, giải trí của nước Anh, Mỹ, Úc và một số các nước nói tiếng Anh khác trên thế giới. Qua đó, người học sẽ thêm yêu và trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình, mong muốn cống hiến, đóng góp để xây dựng đất nước ngày càng tươi đẹp hơn. Bên cạnh đó, môn học cũng hướng tới việc phát triển các kỹ năng tìm kiếm, phân tích, tổng hợp, đối chiếu thông tin và kỹ năng thuyết trình và thuyết phục cho người học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của học phần đạt được
Thuyết trình	Trang bị thông tin, kiến thức về đất nước, con người, các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của các nước nói tiếng Anh.	Ch1, Ch2, Ch3
Dạy học theo dự án	Rèn luyện các kỹ năng tổ chức, thiết kế tài liệu dạy học và các hoạt động học tập, vận dụng những kiến thức về văn hóa của các nước nói tiếng Anh.	Ch4, Ch5, Ch6, Ch7

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Dự án nhóm (Bài tập nhóm): Hoàn thành 03 dự án theo nhóm (Thiết kế và thuyết trình poster; Thiết kế và lồng tiếng video clip; Thiết kế và tổ chức chương trình gameshow). 03 dự án được tính là 03 đầu điểm đánh giá quá trình của môn học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	Seminar (Bài làm theo nhóm: Xây dựng và thuyết trình poster về các khía cạnh văn hóa của nước Anh)	10%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu: Poster phải bao gồm đầy đủ các nội dung liên quan, được trình bày logic, khoa học và bắt mắt	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			-Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
2.	Bài tập nhóm (Dự án: Thiết kế và lồng tiếng video clip về các khía cạnh văn hóa của nước Mỹ)	15%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp: Video clip không quá 10 phút, hình ảnh, âm thanh rõ ràng; lời nói trôi chảy, ngữ điệu phù hợp.		5
3.	Bài kiểm tra	25%	Nội dung đầy đủ theo yêu cầu: Giúp người học có thể tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của văn hóa Úc; Minh họa sinh động;	Ch1, Ch2, Ch3,	4

	định kì (Bài tập nhóm: Thiết kế và tổ chức gameshow)		Thông tin phong phú; Đáp án chính xác.	Ch4, Ch6	
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		1
			- Lời dẫn rõ ràng, cuốn hút; tương tác tốt		2
			-Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi tổ chức gameshow		2
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4.	Bài tập lớn (Thay thế thi kết thúc học phần: Thiết kế sách hướng dẫn du lịch)	50%	Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường	Ch6, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Duong, Lam Anh & Thai, Thi Ngoc Lien (2007). *British Culture*. Hanoi: Education Publishing House.

[2] Oxford, (2005). *Oxford Guide to British and American Culture*. Oxford: Oxford University Press.

[3] Vu, Tuyet Loan (1998). *Oxtrâylia ngày nay*. Hà Nội: Nhà xuất bản khoa học xã hội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[4] <https://learnenglish.britishcouncil.org/en/uk-culture>

[5] https://en.wikipedia.org/wiki/Culture_of_the_United_States

[6] <http://www.movingtoaustralia.com.au/australian-culture/>

8. 39 Nghe tiếng Anh 7

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15; Bài tập: 15; Thực hành: 15; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nghe tiếng Anh 5
- Học phần học song hành: Nói tiếng Anh 6, Đọc tiếng Anh 6, Viết tiếng Anh 6
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

* Kiến thức:

MT1: Trau dồi thêm vốn từ vựng học thuật.

MT2: Hiểu thêm một số đặc điểm trong giao tiếp của người dân các nước nói tiếng Anh.

* Kỹ năng:

MT3: Vận dụng được các phương pháp nghe để áp dụng vào các dạng bài tập nghe khác nhau.

MT4: Vận dụng kỹ năng nghe một cách phù hợp vào đối thoại.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Tự quản lý thời gian.

MT6: Tự học tập và rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, không ngừng bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nghe tiếng Anh 7 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Nghe. Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao để sinh viên có thể phát huy kinh nghiệm nghe hiểu đã học được trong học phần trước. Đồng thời, sinh viên có khả năng tư duy tối đa bằng tiếng Anh, thông qua những chủ điểm được cung cấp. Ngoài ra, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng nghe đúng các tình huống nghe nâng cao và hiểu được diễn biến của những cuộc thảo luận, và hàm ý của người nói. Sinh viên có thể kết hợp và vận dụng các kiến thức của môn học vào các môn học song hành, tăng phản xạ, và hiệu quả giao tiếp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để trình bày một bài thi nghe IELTS đạt mức điểm 5.5-6.0.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình về các dạng bài nghe hiểu, cách thức làm từng dạng bài; các từ vựng trong các chủ đề theo từng unit.
- SV ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân.
- SV thảo luận, xây dựng đoạn hội thoại có liên quan đến những chủ đề trong phần nghe.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.
- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7, Ch8	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch7, Ch8	5
2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch7, Ch8	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch7, Ch8	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch7, Ch8	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Aish, Fiona & Tomlinson, Jo (2011). *Listening for Ielts*. London: HarperCollins Publishers

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Jakeman, Vanessa & McDowell, Clare (2012). *Practice Test for Ielts 4*. Cambridge: University Press.

[3] Jakeman, Vanessa & McDowell, Clare (2012). *Practice Test for Ielts 5*. Cambridge: University Press.

[4] Jakeman, Vanessa & McDowell, Clare (2012). *Practice Test for Ielts 6*. Cambridge: University Press.

8.40 Nói tiếng Anh 7

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: ENS226N

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com
2	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Lựa chọn được vốn từ vựng nâng cao về các chủ đề liên quan tới lĩnh vực học thuật.

MT2: Thiết lập được các từ nối và cấu trúc câu nâng cao trong nói Tiếng Anh tương ứng với Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT3: Tổng hợp được thông tin trong giao tiếp bằng Tiếng Anh từ đó quyết định lựa chọn các thủ thuật giao tiếp một cách hiệu quả..

* Về kỹ năng

MT4: Xếp hạng kỹ năng Nói bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

MT5: Đề xuất quan điểm một cách rõ ràng, trôi chảy thông qua giải thích và lập luận một cách phù hợp.

MT6: Khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới thông qua luyện hát bằng Tiếng Anh..

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Thiết lập kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân.

MT8: Khẳng định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ đối với bản thân và xã hội.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nói Tiếng Anh 7 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Sư phạm Tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Nói.

Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết giúp sinh viên hiểu sâu về bản chất, hình thức và các loại câu hỏi trong phần thi Nói của bài thi IELTS đầy đủ. Trong quá trình học tập, sinh viên được phát triển kỹ năng nói thông qua việc luyện hát các bài hát bằng Tiếng Anh; hoàn thành một số yêu cầu theo nhóm hoặc cá nhân do giảng viên giao. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học để thể hiện quan điểm cá nhân bằng Tiếng Anh về các vấn đề mang tính học thuật, đồng thời có thể giao tiếp bằng Tiếng Anh một cách chính xác và có hiệu quả với bạn bè, thầy cô. Đặc biệt, với sự hướng dẫn và chỉ bảo của giảng viên, sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng Nói Tiếng Anh với nghề nghiệp và cuộc sống sau này, từ đó xây dựng niềm đam mê và yêu thích môn học, gắn bó với môn học đến suốt đời.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức	Ch1 Ch2 Ch3
Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên khám phá khả năng Nói Tiếng Anh của bản thân, từ đó kiểm tra chéo, đánh giá và chỉnh sửa lẫn nhau.	Ch4 Ch5 Ch6 Ch7
Hoàn thành bài tập cá nhân	Giúp sinh viên khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới, Bố trí kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân, xác định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.	Ch8 Ch9 Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	10,	2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3	Bài kiểm	25%	Theo tiêu chí chấm và thang điểm của	Ch1,2,	10

	tra định kì (Kiểm tra vấn đáp)		giảng viên	3,4,5,6 ,7	
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
4	Vấn đáp	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Michael Black Annette Capel, (2007). *Advanced Objective IELTS*. Cambridge learner Corpus

8.2. Tài liệu tham khảo:

[[2] Martin Hewings (2007). *Advanced Grammar in Use*, Cambridge English Corpus

[3] Peter May. (2015) *Compact Advanced*. Cambridge University Press

[4] Anthea Brazin and Elaine Boyd (2008) *Achieve IELTS*. Marshall Cavendish Education

8.41. Đọc Tiếng Anh 7

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Dương Công Đạt	0912446530	dcdattngmail.com
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	Vitrong218@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Yến	0982107915	yentran@dhsptn.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
5	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	phungthanhtu78@gmail.com
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Trau dồi thêm vốn từ vựng học thuật.

MT2: Hiểu sâu hơn về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi IELTS.

MT3: Vận dụng được các chiến lược làm bài đọc để đạt điểm cao nhất.

* Về kỹ năng

MT4: vận dụng kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu khác nhau trong bài thi đọc hiểu của đề thi IELTS như đọc lướt lấy ý chung (skimming), lấy thông tin cụ thể (scanning), đoán nghĩa từ dựa vào văn cảnh, tìm chủ đề, nội dung chính của đoạn văn, hiểu cấu trúc của đoạn văn, ghép các tiêu đề với các đoạn văn, dán nhãn cho bản đồ, sơ đồ, lưu đồ; hoàn thành bảng, sơ đồ; tóm tắt, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

MT5: Nâng cao tốc độ đọc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Phát triển ý thức tự rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ

MT7: Phát triển thái độ học tập nghiêm túc và tác phong sư phạm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần **Đọc Tiếng Anh 7** là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Sư phạm Tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ năng Đọc.

Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết giúp sinh viên hiểu sâu hơn về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi IELTS. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu khác nhau trong bài thi đọc hiểu của đề thi IELTS như đọc lướt lấy ý chung (skimming), lấy thông tin cụ thể (scanning), đoán nghĩa từ dựa vào văn cảnh, tìm chủ đề, nội dung chính của đoạn văn, hiểu cấu trúc của đoạn văn, ghép các tiêu đề với các đoạn văn, dán nhãn cho bản đồ, sơ đồ, lưu đồ; hoàn thành bảng, sơ đồ; tóm tắt, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

Học phần cũng giúp sinh viên khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh từ bài đọc một cách hiệu quả; biết khai thác trực giác trong khi làm bài kiểm tra đọc hiểu như kỹ thuật cuối cùng; biết sử dụng thời gian làm bài hiệu quả hơn và tiếp cận phần đọc hiểu của bài thi IELTS một cách tự tin hơn với các chiến lược làm bài phù hợp và hiệu quả.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

Phương pháp	Mục đích
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức
Thảo luận nhóm	Rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ
Vấn đáp	Gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo

6 Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên edmodo.com được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	3	1	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2

	cá nhân qua MyELT)		- Ý tưởng sáng tạo	Ch6	2
3	Bài kiểm tra định kì (Thi trắc nghiệm trên máy tính)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Zhang Juan. (2011). *Basic IELTS Reading*. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Sam McCarter & Norman Whitby. (2007). *Improve Your IELTS Reading Skill*. Macmillan Education.

- [3] Cambridge Practice Tests for IELTS 2 (2000), Cambridge University Press.
- [4] Cambridge Practice Tests for IELTS 3 (2002), Cambridge University Press.
- [5] Cambridge Practice Tests for IELTS 4 (2005), Cambridge University Press.
- [6] Cambridge Practice Tests for IELTS 5 (2006), Cambridge University Press.
- [7] Cambridge Practice Tests for IELTS 6 (2007), Cambridge University Press.
- [8] Cambridge Practice Tests for IELTS 7 (2009), Cambridge University Press.
- [9] Cambridge Practice Tests for IELTS 8 (2011), Cambridge University Press.
- [10] Cambridge Practice Tests for IELTS 9 (2012), Cambridge University Press

8.42 Viết tiếng Anh 7

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 10; Thảo luận/Seminar: 10 Tự học: 60)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Yến	0979.697.224	yentran@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT 1: Hiểu được đặc điểm, cấu trúc của một bài bình luận bằng Tiếng Anh.

MT 2: Hiểu được bố cục của một bài miêu tả biểu đồ.

MT 3: Hiểu được các từ vựng và cấu trúc cơ bản để miêu tả biểu đồ.

* Về kỹ năng

MT 1: Viết đúng và viết hay một bài bình luận bằng Tiếng Anh.

MT 2: Viết được bài miêu tả về các biểu đồ khác nhau bằng Tiếng Anh.

MT 3: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng làm việc nhóm

MT 4: Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT1: Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT2: Có năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Viết Tiếng Anh 7 là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Sư phạm Tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ đích, tập trung vào kỹ

năng Viết. Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết để sinh viên có thể nắm vững được cấu trúc, đặc điểm, chức năng của các bài miêu tả dữ liệu biểu đồ cũng như một bài bình luận. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể viết được bài miêu tả cho các dạng biểu đồ khác nhau như biểu đồ cột, bảng dữ liệu, biểu đồ đường, biểu đồ hình tròn, hay miêu tả một chu trình của tự nhiên, một chu trình sản xuất. Bên cạnh đó sinh viên cũng có thể viết đúng và hay một bài bình luận về một bộ phim hay một cuốn sách.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.
- Dạy học theo nhóm để sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ.
- Đàm thoại để gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm được giao
- Seminar: Hoàn thành các bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu của môn học

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)

Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch 8, Ch 9	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch2,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch3,	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch6	1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1,	1
			- Thái độ tham gia	Ch2,	1
			- Ý kiến đóng góp	Ch3,	2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm	Ch6	1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Thực hành	5%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch4,	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	Ch5,	2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	Ch6,	3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh	Ch7,	3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
5	Seminar (bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1,	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic	Ch2,	1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng	Ch3,	2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Ch6	1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			- Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
6	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8,	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch4, Ch5, Ch6, Ch7, Ch8,	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Sam McCarter & Norman Whitby. (2007). *Improve Your IELTS Writing Skill*. Macmillan Education.

[2] Evans, V. (2000). *Successful Writing Intermediate*. Berkshire: Express Publishing.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Wyatt, R. (2001). *Check your vocabulary for English for the IELTS examination*. Peter Collin Publishing.

[4] Williams, A. (2011). *Writing for IELTS*. Italy: Collins.

8.43 Ngữ âm tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 25; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 5; BT online: 20; Tự học: 90 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng hiểu biết về hệ thống cơ quan phát âm vào việc phát âm đúng.

MT2: Vận dụng hiểu biết về hệ thống âm vào việc phát âm đúng.

MT3: Vận dụng hiểu biết về những biến đổi trong phát âm vào việc phát âm đúng.

* Về kỹ năng

MT4: Phát âm chuẩn, tự nhiên, đúng trọng âm và ngữ điệu hợp lý.

MT5: Giao tiếp bằng hình thức nói tự nhiên như người bản ngữ.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Quản lý thời gian học tập.

MT7: Tự học, tự rèn luyện nhằm nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn ngữ âm là một trong những môn học nền tảng trong quá trình dạy ngôn ngữ cho sinh viên, đặc biệt là đối với sinh viên Việt Nam. Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về bản chất của bộ phận và quá trình phát âm; hệ thống các âm tiết trong tiếng Anh; và những chức năng khác có liên quan trực tiếp và gián tiếp tới âm tiết và âm vị. Ngoài ra, môn học này còn giúp sinh viên nâng cao khả năng phát âm từ vựng một cách chính xác. Nhờ vậy, kỹ năng nghe và nói của sinh viên

cũng sẽ được cải thiện hơn. Thông qua môn học này, sinh viên sẽ được hình thành năng lực sử dụng ngôn ngữ và năng lực giao tiếp một cách thành thục hơn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV trình bày, giới thiệu, mô tả về hệ thống cơ quan phát âm và âm, cách hoạt động của các bộ phận phát âm, phân loại hệ thống âm và đặc điểm của từng loại.
- SV thực hành phát âm theo băng, làm bài tập trên lớp và ở nhà.
- SV thảo luận, xây dựng đoạn hội thoại có sử dụng âm tiết đã học để luyện tập nâng cao.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.
- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
3	1	2	2	5

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch6, Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch6, Ch7	5

2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch6, Ch7	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch6, Ch7	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch6, Ch7	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Roach, P. (1998). *English phonetics and phonology*. Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Celce-Murcia, M. et al (2000). *Teaching pronunciation*. Cambridge University Press.

8. 44 Thuyết trình tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	hongchuyennn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Kiến tạo vốn kiến thức lý thuyết cơ bản trong lĩnh vực thuyết trình Tiếng Anh.

MT2: Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn giúp sinh viên ứng dụng những kiến thức này vào bài thuyết trình của mình, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình trong các buổi họp, các hội nghị, hội thảo.... Các bài tập được thực hiện theo nhóm, theo cặp và thuyết trình trước đám đông.

* Về kỹ năng

MT3: Phát triển kỹ năng ngoại ngữ ở mức độ có thể hiểu được các ý chính của các tài liệu bằng Tiếng Anh về thuyết trình, có thể sử dụng Tiếng Anh để diễn đạt bằng văn nói hoặc văn viết một số khái niệm, nội dung liên quan tới thuyết trình cơ bản.

MT4: Sử dụng được CNTT trong thuyết trình Tiếng Anh.

MT5: Phát triển khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để hoàn thành các công việc được giao liên quan đến môn học.

MT6: Lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu và phát triển kỹ năng tư duy, lý luận chặt chẽ để tự phát triển; sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Phát hiện được tầm quan trọng của việc thực hiện một bài thuyết trình trong học tập và công việc từ đó có ý thức rèn luyện và trau dồi kỹ năng này.

MT8: Điều chỉnh kỹ năng làm việc nhóm, tích cực tham gia vào thảo luận nhóm và nghiêm túc thực hiện các yêu cầu cá nhân từ đó có thể giao tiếp hiệu quả với học sinh và đồng nghiệp trong lựa chọn phương pháp thuyết trình phù hợp với nhu cầu đổi mới hiện nay.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Trong môn học này, SV học được cách chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, thực tập trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, SV vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã tìm hiểu được để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác.

Đặc biệt giúp SV tự tin và có đủ khả năng trình bày các đề tài nghiên cứu trong học tập cũng như trong công việc sau này.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức	Ch1
Làm việc nhóm	Giúp SV vận dụng được các kiến thức đã học vào bài thuyết trình của mình,	Ch2 Ch3 Ch4 Ch5 Ch6 Ch7 Ch8

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7, Ch8	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân Qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3	Bài kiểm tra định kì (Thuyết trình trên lớp theo nhóm)	25%	Theo tiêu chí, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6	10
Bài tập lớn (trọng số 50%)					
4	Thuyết trình PPP	50%	Theo Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường	Ch1,2, 3,4,5,6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Steve Mandel. 2000. *Effective Presentation Skills, United States of America: Thomson Learning*

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Carol Kinsey Goman. 2008, *The Nonverbal Advantage: Secrets and Science of Body Language at Work. Berrett-Koehler Publishers, Inc., San Francisco, CA 94104-2916, USA. All rights reserved.*

[3] Dale Carnegie. (2013). *How to Develop Self-Confidence & Influence People by Public Speaking.*

8. 45 Ngôn ngữ và truyền thông

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành/Thí nghiệm: 5; Thảo luận/Seminar: 9; Thực tế chuyên môn: 6 ; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phùng T. Thanh Tú	0911227866	Phungthanhtu78@gmail.com

* Về kiến thức

MT1: Lĩnh hội được các khía cạnh lý thuyết truyền thông và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông

MT2: Áp dụng được phương pháp xây dựng một số loại hình truyền thông cơ bản.

* Về kỹ năng

MT3: Hình thành kỹ năng thiết kế và xây dựng một số sản phẩm truyền thông phổ biến

MT4: Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng làm việc nhóm;

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT6: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Ngôn ngữ - Truyền thông cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về truyền thông, mối quan hệ giữa ngôn ngữ với truyền thông và từng bước người học được tiếp cận với các phương pháp xây dựng một số loại hình truyền

thông cơ bản. Từ đó người học sẽ nắm được quy trình, cách thức và những công việc cần làm đối với các sản phẩm ngôn ngữ truyền thông.

Thông qua phương pháp dạy học theo dự án, người học sẽ được trực tiếp thiết kế và xây dựng một số sản phẩm truyền thông phổ biến như tạo bài báo viết trên báo hoặc tạp chí, báo hình trên truyền hình, quảng cáo trên báo hoặc truyền hình. Việc học qua trải nghiệm như vậy không những giúp người học vận dụng được những kiến thức đã học và thực tiễn mà còn có cơ hội luyện tập những kỹ năng mềm cần thiết cho công việc sau này trong tương lai.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các khía cạnh lý thuyết truyền thông, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông, các phương pháp xây dựng một số loại hình truyền thông cơ bản	Ch1
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập thực hiện chương trình trên truyền hình.	Ch2, Ch6
Đàm thoại	Giúp sinh viên gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch3, Ch5
Thảo luận	Giúp sinh viên có cơ hội trao đổi, đưa ra những ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến môn học.	Ch4

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; Hoàn thành các nhiệm vụ khác do giảng viên yêu cầu.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Chấm sản phẩm dự án		Theo tiêu chí		10

8. Học liệu

- [1] Brook P., The easy step by step guide writing advertising copy, Rowmark, 2002.
- [2] Claudia Mast, Truyền thông đại chúng - Những kiến thức cơ bản, Nxb Thông tấn, 2001.

8.1. Tài liệu học tập:

- [1] Claudia Mast, Truyền thông đại chúng - Những kiến thức cơ bản, Nxb Thông tấn, 2001.
- [2] Iu.V.Rozdextvenxkij, Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương, NXB Giáo dục, 1997

8.46 Ngôn ngữ và hành chính văn phòng

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 5; Thực hành: 5; Thảo luận: 5; BT online: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng được vốn từ cũng như một số cấu trúc câu cơ bản nhất về quản trị hành chính văn phòng.

* Về kỹ năng

MT2: Đọc hiểu các văn bản hành chính, và giao tiếp trong một số tình huống cơ bản xảy ra trong một văn phòng.

MT3: Vận dụng được một số kỹ năng nghiệp vụ văn phòng.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Quản lý thời gian học tập.

MT5: Tự học, tự rèn luyện nhằm nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Tiếng Anh Hành chính văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên vốn từ vựng cơ bản sử dụng trong lĩnh vực hành chính văn phòng: khái niệm hành chính văn phòng, cơ sở vật chất, thư từ, và các cuộc điện thoại văn phòng, quy trình sắp xếp các cuộc họp, chuyển công tác, tổ chức công tác lễ tân. Môn học còn đưa ra các tình huống thường gặp nơi văn phòng và cách giải quyết. Trên cơ sở đó, rèn luyện cho sinh viên

khả năng sử dụng được những kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, ví dụ giao tiếp trên điện thoại, trả lời thư.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình về từ vựng theo chủ đề, hướng dẫn kĩ năng nghiệp vụ, hướng dẫn SV làm bài tập và thực hành.
- SV ghi chép, thảo luận, hợp tác, giải quyết các bài tập nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.

- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch4, Ch5	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch4, Ch5	5

2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch4, Ch5	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch4, Ch5	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch4, Ch5	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Shearn R., Ferris A. and Tackett G. (2012). *English at Work*. Taiwan: Cengage Learning Asia

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] <https://www.youtube.com>

[3] Heckman, J. (2008). *Why document management: a white paper*.

[4] HRDQ. (2008). *How to be an outstanding receptionist*. Prussia: HRDQ.

[5] Reese, C. R. (2005). *Records management: Best practices guide*. Boston: Iron Mountain.

[6] Trenfield-Newsome, A., & Walker, C. (2011). *Office administration*. Oxford: Macmillan Education.

[7] <http://www.wikihow.com/Get-Organized-for-a-Business-Trip>

[8] <http://www.masterclassmanagement.com/ManagementCourse-HoldingAMeeting.html>

8.47 Ngôn ngữ học đối chiếu

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Vũ Đình Bắc	0979369523	bacvd@dhsptn.edu.vn
2	TS Dương Công Đạt	0855985333	Duongcongdat@dhsptn.edu.vn
3	TS Nguyễn T. Hồng Minh	0983114299	Hminh8782@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ học đối chiếu

MT2: Hiểu được các thuộc tính như tính kế thừa, tính bổ sung lý luận, tính phục vụ thực tiễn ... trong ngôn ngữ học đối chiếu

MT3: Tiếp cận đối chiếu so sánh được với các ngôn ngữ khác.

* Về kỹ năng

MT4: Phát triển kỹ năng huy động các kiến thức, khái niệm đã học để so sánh, đối chiếu và nghiên cứu

MT5: Phát triển kỹ năng vận dụng và giải quyết vấn đề

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT1: Học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT2: Lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp cho người học vốn kiến thức sâu rộng về nguồn gốc, đặc điểm cũng như các khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ học đối chiếu cũng như các phương pháp, nguyên tắc đối chiếu trong ngôn ngữ (đối chiếu song song, đối chiếu hệ thống, hành vi....). Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên có thể so sánh đối chiếu giữa hai ngôn ngữ như tiếng Việt và Tiếng Anh và giữa tiếng Anh với một số ngôn ngữ khác trên thế giới ở các phương diện như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, câu

Thông qua môn học này, sinh viên có thể có cái nhìn toàn diện hơn về ngôn ngữ, sự khác biệt giữa các ngôn ngữ, đồng thời hình thành được kỹ năng đối chiếu phân tích ngôn ngữ phục vụ cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ để đạt được các chuẩn từ Ch1 đến Ch4
- Dạy học theo nhóm để sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ. để đạt được các chuẩn từ Ch1 đến Ch9
- Đàm thoại để gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học. để đạt được các chuẩn từ Ch1 đến Ch11

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên MyELT được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)

Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch10, 11	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập thuyết trình	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7,8,9, 10,11	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Thực hiện đúng yêu cầu được giao		1
3	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7,8,9	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7,8,9	10

8. Tài liệu tham khảo:

8.1 Tài liệu bắt buộc:

Beebe, S. A., Beebe, S. J., & Ivy, D. K. (2012). *Communication: Principles for a lifetime*. Pearson Higher Ed. [1]

Lustig, M. W., & Koester, J. (2003). Intercultural competence. *Interpersonal Communication accross Cultures*. Boston [ua]: Allyn&Bacon. [2]

8.2. Tài liệu đọc thêm:

1. Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội, 1989, 2004. [3]

8.48 Ngôn ngữ và du lịch

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Lý thuyết: 15; Bài tập: 15, Thực hành: 15 (trong đó 15 tiết BT,TH online); Tự học: 60 tiết

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng được ngôn ngữ mà sinh viên cần để làm việc trong ngành du lịch;

MT2: Vận dụng thông tin, kiến thức về lĩnh vực du lịch vào giao tiếp bằng tiếng Anh;

* Về kỹ năng

MT3: Các kỹ năng thực hành tiếng Anh trong các tình huống của lĩnh vực du lịch;

MT4: Một số kỹ năng nghiệp vụ của ngành du lịch.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Tự quản lý thời gian.

MT6: Tự học tập và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng, không ngừng bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Ngôn ngữ và Du lịch là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết nhất về ngôn ngữ và về lĩnh vực du lịch. Sau học phần này, sinh viên có thể giao tiếp với khách hàng trong các tình huống đặt tour du lịch, điều hành tour du lịch, đặt vé máy bay và đặt phòng khách sạn, và xử lý mọi vấn đề nảy sinh có liên quan. Học phần này hi vọng sẽ trang bị đủ kiến thức về ngôn ngữ lẫn về chuyên môn và nghiệp vụ du lịch cho sinh viên nhằm giúp họ có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp sau này.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình về các chủ điểm từ vựng, một số kỹ năng nghiệp vụ theo từng unit; hướng dẫn SV làm bài tập
- SV ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân.
- SV thảo luận, xây dựng đoạn hội thoại có liên quan đến những chủ đề trong các unit.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.

- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch8, Ch9	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch8, Ch9	5
2	Bài tập	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch8, Ch9	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch8, Ch9	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch8, Ch9	1
3	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] W, Robin & H, Keith (2006). *Oxford English for Career: Tourism*. Oxford: Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] <http://aroma.vn/w/wp-content/uploads/2016/09/Tai-lieu-tieng-Anh-chuyen-nganh-du-lich-English-for-tourism-1.pdf>

8. 49 Phân tích diễn ngôn Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	hongchuyennn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phát triển kiến thức lý thuyết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của phân tích diễn ngôn, ý nghĩa và các hướng nghiên cứu chính trong phân tích diễn ngôn.

MT2: Khám phá những vấn đề và phương pháp tiếp cận đối với các vấn đề cơ bản của phân tích diễn ngôn (giao tiếp và các thành tố của giao tiếp, diễn ngôn/văn bản, phân tích diễn ngôn, phân tích văn bản,,).

MT3: Vận dụng được hệ các vấn đề cần yếu trong phân tích diễn ngôn (các giai đoạn hình thành phân tích diễn ngôn, các yếu tố văn bản và đặc trưng của văn bản, phân biệt các dạng thức văn bản, mạch lạc, liên kết...).

* Về kỹ năng

MT4: Sử dụng Tiếng Anh ở mức độ có thể biết cách nhận diện và xác lập các tiêu chí phân loại các loại hình diễn ngôn.

MT5: Vận dụng được các kiến thức để phân tích các loại hình diễn ngôn cụ thể.

MT6: Vận dụng các kiến thức về mạch lạc, về liên kết để khảo sát, phân tích biểu hiện của chúng trong các diễn ngôn cụ thể hoặc xây dựng các kiểu loại mạch lạc, liên kết theo các tiêu chí định sẵn.

MT7: Vận dụng sự hiểu biết về diễn ngôn, phân tích diễn ngôn vào hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ.

MT8: Khai thác khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để hoàn thành các công việc được giao liên quan đến môn học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT9: Xác định được tầm quan trọng của phân tích diễn ngôn trong dạy và học Tiếng Anh, từ đó không ngừng học tập, tìm tòi, tích lũy kiến thức nâng cao hiểu biết về phân tích diễn ngôn Anh.

MT10: Xây dựng niềm đam mê với môn học, biết tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo từ đó có thể giao tiếp hiệu quả với học sinh và đồng nghiệp trong lựa chọn hình thức diễn ngôn phù hợp.

MT11: Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, giữ gìn những đặc trưng vốn có của tiếng Việt, biết cách cấu tạo hoặc phân tích các kiểu loại diễn ngôn phục vụ mục đích giao tiếp một cách hiệu quả nhất.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

- Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một ngôn ngữ giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất.

- Môn học cũng giới thiệu những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những kiểu mạch lạc quyết định sự tồn tại và hình thức của diễn ngôn.

- Môn học giới thiệu cách tiếp cận dụng học với phân tích diễn ngôn để người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng.

- Môn học cũng cung cấp cho người học lý thuyết về hành vi ngôn ngữ và việc sử dụng kiến thức nền trong phân tích diễn ngôn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức	Ch1
Làm việc nhóm	Giúp SV vận dụng được các kiến thức đã học vào bài thuyết trình của mình,	Ch2 Ch3 Ch4 Ch5 Ch6 Ch7 Ch8

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7, Ch8	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân Qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2

3	Bài kiểm tra định kì (Thuyết trình trên lớp theo nhóm)	25%	Theo tiêu chí, thang điểm của giảng viên	Ch1,2,3,4,5,6	10
Bài tập lớn (trọng số 50%)					
4	Phân tích diễn ngôn trong văn bản viết-PPP	50%	Theo Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường	Ch1,2,3,4,5,6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. McCarthy, M. (1991). Discourse Analysis for Language Teachers. Cambridge: CUP

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. James-Paul-Gee. (2010). How to do Discourse Analysis. A Toolkit Routledge.

8.50 Giao thoa văn hóa

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 25; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 5; BT online: 20; Tự học: 90 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Thu Hương	0975945693	thuhuonganha42tue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được vai trò của yếu tố văn hóa trong giao tiếp ở môi trường đa văn hóa ngày nay.

MT2 : Biết thông tin thực tế về giao tiếp ở các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích, đánh giá và giải thích được tầm quan trọng của yếu tố văn hóa trong giao tiếp với con người thuộc các nền văn hóa khác nhau.

MT4: Làm việc theo nhóm.

MT5: Giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Quản lý thời gian học tập.

MT7: Tự học, tự rèn luyện nhằm nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần giao tiếp liên văn hoá trang bị kiến thức cơ bản về giao tiếp và giao tiếp trong văn hoá: kênh giao tiếp, các thành tố của giao tiếp; các yếu tố của văn hoá xã hội ảnh hưởng tới giao tiếp; là cơ sở cho tìm hiểu, nghiên cứu những tương đồng và dị biệt trong giao tiếp so sánh giữa hai hoặc nhiều nền văn hoá.

Môn học cung cấp một cách tiếp cận với những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc và cuộc sống.

Môn học giới thiệu đến người học những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới, đồng thời, áp dụng những lý thuyết này trong việc xem xét những nền văn hóa quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- GV thuyết trình về thuật ngữ văn hóa và giao tiếp liên văn hóa, đặc trưng văn hóa giao tiếp ở các quốc gia khác nhau trên thế giới, hướng dẫn SV giải quyết những tình huống giao tiếp liên văn hóa.
- SV thảo luận, hợp tác, giải quyết vấn đề.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc trước tài liệu trước khi đến lớp, và tự luyện tập thêm ở nhà.
- Bài tập: Hoàn thành 100% bài tập cá nhân được giáo viên giao trên lớp hoặc trên trang online Edmodo.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
3	1	2	2	5

- Trọng số điểm:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch6, Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	Ch6, Ch7	5
2	Bài tập nhóm	25%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch6, Ch7	1
			- Thái độ tham gia	Ch6, Ch7	1
			- Ý kiến đóng góp	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm	Ch6, Ch7	1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	5
3	Bài kiểm tra định kì	15%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tiểu luận	50%	Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá tiểu luận quy định chung của Trường	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Lustig, M.W. & Koester, J. (2006). *Intercultural Competence*. Pearson Education Inc.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyen Quang. (2002). *Giao giao văn hóa*. NXB ĐHQG-Hà Nội.

8.51 Đất nước học Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: : 30
(LT: 15 Bài tập: 10 TH: 10 Thảo luận:10 Tự học: 60)
- Loại môn học: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh trung cấp 1: EWI241
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh trung cấp 2:EWI242
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh cao cấp 1: EWA241
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh cao cấp 2: EWA242
- Học phần học song hành:Thực hành tiếng 3, 4: EPP243N
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s Mai Văn Cẩn	0914 833 765	maivcan@gmail.com
2	Th.s Đỗ Thị Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
3	Th.s Phạm Thị Kiều Oanh	0988098424	kieuoanhdhsp@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Học xong môn này, sinh viên có được:

- * Về kiến thức: Sinh viên học được kiến thức về đất nước, xã hội, con người Anh từ thuở bình minh đến hiện đại, nắm được các dòng người đến định cư ở vương quốc này, các sự kiện quan trọng trong lịch sử và quá trình hình thành ra ngôn ngữ tiếng Anh.
- * Về kỹ năng: Sinh viên phát triển được các kỹ năng: Phân tích, tổng hợp thông tin, cho lời bình và diễn giải. Vẽ và phân tích bản đồ nước Anh.
- * Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng sự thật, có thiện cảm với đất nước, xã hội và con người Anh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Học xong môn này, sinh viên nắm được kiến thức về vị trí địa lý, khí hậu và thời tiết ở đất nước Anh. Tất cả những yếu tố về tự nhiên ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, tính cách của người Anh cũng được đề cập. Hơn nữa, sinh viên có được thông tin về sự phát triển xã hội Anh qua các thời đại lịch sử từ thời tiền sử tới nay. Cuối học phần, họ nghiên cứu và tìm hiểu cách thức tổ chức chính quyền, văn hóa, giáo dục của người Anh.

5. phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên thuyết trình về vị trí địa lý, đặc điểm khí hậu thời tiết, địa hình, sông ngòi, tài nguyên thiên nhiên và tình hình phát triển kinh tế của nước Anh. Tiếp theo là những giai đoạn lịch sử hình thành và phát triển vương quốc Anh và các sự kiện xảy ra trong xã hội trong từng giai đoạn, xây dựng các hoạt động cho sinh viên tham gia trả lời cho mỗi giai đoạn. Sinh viên tham gia vào bài giảng bằng việc xây dựng hệ thống câu hỏi và tìm ra câu trả lời. Sinh viên học điền thông tin vào sơ đồ tư duy. Đồng thời, giảng viên cũng tạo cơ hội cho sinh viên thuyết trình sự hiểu biết của mình về quê hương, dự án phát triển kinh tế hiện nay, bình luận về một phát ngôn, làm sáng tỏ một định kiến. Đây là môn học đòi hỏi người học sử dụng các kỹ năng đọc hiểu, nghe, nói, viết và phỏng vấn. Kiến thức thu được đáp ứng các CDR: 4, 5, 6, 7, 8, 11

6.Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% số giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học:
- Đọc đề cương bài giảng trước khi đến lớp.
- Chủ động tham gia vào các hoạt động do giảng viên xây dựng.
- Chuẩn bị ý kiến đóng góp cho thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.100%
- Tên bài tập lớn : Hãy viết 1500 từ về một đề tài mà bản thân quan tâm.

Chọn một trong các chủ đề:

+ British agriculture

+ British festivals

+ British tourism

+ British relationship with EU

+ British industries

+ British people's life now

+ British system of education

+ Protecting the environment in the UK

now

- Yêu cầu cần đạt: Đủ số từ. Giảng giải được cho người khác nghe bằng tiếng Anh.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Số tín chỉ của HP	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	Điểm QT
3	1	1	1	3

Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do BM quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

4	Seminar (bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Đánh giá kết thúc học phần (trọng số 50%)				
6	Bài tập lớn		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường.		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Mai Văn Căn, British Culture , Nhà xuất bản ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, 2014

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] A.S. Horby. *Oxford Advanced Learner's Dictionary*. OUP 1992

[3] Clare Lavery, *Focus on Britain Today*, Mc Millan 1994.

8. 52 Phiên dịch Anh

1. Thông tin về học phần:

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Bài tập: 10; Tổng số tiết tự học: 60)

Loại học phần: Tự chọn

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh ☒

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Thu Hương	0912065662	huongn00406@gmail.com
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanh-pham@dhsptn.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

+MT 1: Nắm vững và hiểu được thêm vốn từ vựng về một số chủ đề trong đời sống.

+MT 2: Lĩnh hội được những lý thuyết cơ bản của dịch thuật, cách dịch các bản tin, đoạn hội thoại, bài nói....một cách thành thạo, khoa học, chính xác.

* Về kỹ năng:

+MT 3: Thành thạo các kỹ năng tra từ điển, sử dụng từ vựng chính xác trong từng ngữ cảnh.

+MT 4: Nâng cao khả năng đoán nghĩa trong văn cảnh, năng lực sử dụng ngôn ngữ tương đương về nghĩa trong dịch thuật, cải thiện khả năng diễn đạt văn phong.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+MT 5: Có hứng thú với dịch thuật Tiếng Anh, giao tiếp Tiếng Anh.

+MT 6: Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Sinh viên được trang bị lý thuyết về dịch thuật, những cụm từ vựng căn bản phục vụ cho công tác thực hành phiên dịch các bài dịch với nội dung liên quan tới các lĩnh vực khác nhau trong đời sống hằng ngày. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành phiên dịch theo nhóm theo các chủ đề khác nhau như chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế, tôn giáo, quan hệ quốc tế, ngôn ngữ đời thường... Đây là môn học tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các nội dung về cách phân tích văn bản và kỹ thuật dịch.
- Xen kẽ dạy học theo nhóm để sinh viên có cơ hội trao đổi kinh nghiệm, luyện tập các kỹ năng dịch thuật.
- Đàm thoại để gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên.

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân online được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 30%, 20% trọng số điểm còn lại là điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên)

Thi kết thúc học phần: 50%

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	3	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	10,	2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kì	30%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Vấn đáp	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của trường	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Peter Newmark, *A textbook of translation*, Longman.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyen Van Tuan, *Translation 4 &5*, Đại học Hue, 2006

[3] Minh Thu & Nguyen Hoa, *Luyện dịch Việt Anh*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Duong Ngoc Dung, *Giảng trình biên dịch và phiên dịch Tiếng Anh*, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2005.

[5] Website: www.bbc.co.uk

8.3. Phần bài tập lớn:

- Làm nhóm: lựa chọn một chủ đề để làm thành một chương trình “Talk Students!”

8.4. Thực tế chuyên môn:

- Sinh viên tham quan Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.

- Giao lưu, thực hành dịch với người nước ngoài...

8.53. Biên dịch Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần:

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Bài tập: 10; Tổng số tiết tự học: 60)

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh ☒

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965.622.160	bichngoctn@yahoo.com
2	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức:

+MT 1: Học xong học phần này, sinh viên nắm được những lý thuyết cơ bản của dịch thuật, cách dịch văn bản chính xác và khoa học.

+MT 2: Trang bị các kĩ thuật dịch Anh – Việt và Việt - Anh, các thủ thuật để dịch tốt hơn.

* Về kỹ năng:

+MT 3: Thành thạo các kỹ năng tra từ điển, sử dụng từ vựng chính xác trong từng ngữ cảnh. Dịch được các loại văn bản đơn giản với sự hiểu biết, kỹ thuật và chiến lược cụ thể. Khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh để dịch một cách hiệu quả.

+MT 4: Sử dụng thời gian dịch các nội dung tốc độ và hiệu quả hơn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+MT 5: Người học hình thành thái độ học tập nghiêm túc và tác phong sư phạm.

+MT 6: Coi việc học và nâng cao năng lực tiếng Anh là một nhu cầu không thể thiếu được của cuộc sống hiện đại. Có hứng thú với việc học tiếng Anh đặc biệt là dịch thuật.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Người học được trang bị lý thuyết về dịch thuật, các bước cho một bài dịch, những điều cần chú ý khi dịch văn bản và các lỗi thường gặp nên tránh khi tiến hành dịch văn bản. Ngoài ra, người học sẽ được thực hành dịch văn bản từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh và ngược lại về từng chủ đề xoay quanh cuộc sống hằng ngày, chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Nghe giảng do giảng viên trình bày để nắm được các nội dung các kỹ thuật dịch.
- Tổ chức hoạt động dạy học theo nhóm để sinh viên trao đổi ý kiến, luyện tập các kỹ năng dịch.
- Đàm thoại để gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên.

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 30%, 20% trọng số điểm còn lại là điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên)

Thi kết thúc học phần: 50%

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	3	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân Portfolio	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	10,	2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài kiểm tra định kì	30%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Bài thi viết	50%	Theo đáp án đề thi	Ch1,2, 3,4,5,6 ,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyen Van Tuan, Translation 1&2, Đại học Huế, 2006.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] The windy, Cẩm nang luyện dịch Việt- Anh, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013

[3] Website: www.bbc.co.uk

[4] <https://www.youtube.com/user/VOATiengVietVideo>

[5] <http://vtv.vn/chuyen-dong-24h.htm>

8. 54 Văn học Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: : 30
(LT: 15 Bài tập: 10 TH: 10 Thảo luận:10 Tự học: 60)
- Loại môn học: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh trung cấp 1: EWI241
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh trung cấp 2:EWI242
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh cao cấp 1: EWA241
 - Bút ngữ (đọc viết) tiếng Anh cao cấp 2: EWA242
- Học phần học song hành:Thực hành tiếng 3, 4: EPP243N
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s Mai Văn Căn	0914 833 765	maivcan@gmail.com
2	Th.s Đỗ Thị Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
3	Th.s Phạm Thị Kiều Oanh	0988098424	kieuoanhdhsp@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Học xong môn này, sinh viên có được:

- * Về kiến thức: học được sự phát triển của nền văn học Anh từ thuở bình minh đến hiện đại, các giai đoạn phát triển văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu cho mỗi giai đoạn, tư tưởng tác giả và sự thành công của tác phẩm.
- * Về kỹ năng: phân tích ngôn ngữ, phân tích nhân vật trong tác phẩm, khám phá giá trị nội dung và nghệ thuật, và tổng hợp thông tin văn học.
- * Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có cách nhìn thiện cảm với đất nước, xã hội và con người Anh, tạo động lực thúc đẩy việc học tiếng Anh thành công.

4. Nội dung tóm tắt của học phần:

Sinh viên học về sự phát triển của nền văn học Anh từ buổi bình minh đến thời hiện đại. Họ sẽ tiếp cận các giai đoạn phát triển văn học, các thể loại và những nhà văn tiêu biểu đại diện cho từng giai đoạn. Việc học môn này tạo cơ hội cho sinh viên làm giàu vốn từ, đặc biệt là các từ văn học và nghĩa. Sinh viên được mong đợi làm chủ dòng văn học trong mỗi giai đoạn lịch sử, nội dung các tác phẩm liên quan đến tư tưởng các nhà văn. Để thể hiện được điều này, họ biết phân tích một tác phẩm, một bài thơ hay một câu chuyện và đánh giá nó, bình về nó. Như vậy, người học chủ động diễn tả ý nghĩ, trí tưởng tượng và sự sáng tạo. Hơn nữa, họ cảm nhận được cái hay và điều thú vị của ngôn ngữ và thể hiện khả năng ngôn ngữ hợp lý. Sâu sắc hơn, họ được khuyến khích tham gia vào sáng tác văn học và làm phong phú thêm cho nền văn học cốt để mà họ cải thiện được khả năng biểu đạt ngôn ngữ.

5. phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên thuyết trình về những giai đoạn phát triển văn học Anh và bối cảnh xã hội trong từng giai đoạn, xây dựng các hoạt động cho sinh viên tìm hiểu cuộc đời của từng tác giả tiêu biểu cho mỗi giai đoạn. Sinh viên tham gia vào bài giảng bằng việc xây dựng hệ thống câu hỏi và tìm ra câu trả lời. Sinh viên học viết tiểu sử, tóm tắt sự kiện, ghi tốc ký trong văn học theo hướng dẫn của giảng viên. Đồng thời, giảng viên cũng tạo cơ hội cho sinh viên thuyết trình sự hiểu biết của mình về văn học, phân tích một tác phẩm văn học, bình luận về một phát ngôn, làm sáng tỏ một định kiến. Sinh viên học cách lập luận so sánh nội dung các tác phẩm, cuộc đời và tư tưởng các tác giả. Đây là môn học đòi hỏi người học sử dụng các kỹ năng đọc hiểu, nghe, nói, viết và phỏng vấn. Kiến thức thu được đáp ứng các CDR: 4, 5, 6, 7, 8, 11

6.Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% số giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học:
- Đọc đề cương bài giảng trước khi đến lớp.
- Chủ động tham gia vào các hoạt động do giảng viên xây dựng.
- Chuẩn bị ý kiến đóng góp cho thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.100%
- Tên bài tập lớn : Hãy viết 1500 từ về một tác phẩm hoặc một nhân vật trong 1 tác phẩm văn học Anh mà bản thân quan tâm.

+ Analyse the characteristics of the Quiet American in the novel with the same name.

+ Analyse the characteristics of Soames in “The Man of Property” by John Galsworthy

+ Analyse the characteristics of Eliza Doolittle in PyGMALION by George Bernard Shaw

+ Analyse the figure of Becky Sharp in “Vanity Fair” by William Makepeace Thackeray

+ Analyse the figure of Harry Trench in WIDOWER’S HOUSES by George Bernard Shaw

- Yêu cầu cần đạt: Đủ số từ. Giảng giải được cho người khác nghe bằng tiếng Anh.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Số tín chỉ của HP	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	Điểm QT
3	1	1	1	3

Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do BM quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2

	nhân, tiểu luận		- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Seminar (bài làm theo nhóm)	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Bài kiểm tra định kỳ	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Đánh giá kết thúc học phần (trọng số 50%)				
6	Bài tập lớn		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường.		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Truong Quang Phu, *A course in English literature*, Nhà xuất bản trẻ, 2005

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] L. CORTES. N. NIKIFOROVA. O. SOUDLENKOVA, *English literature*. Minsk.1987

[3] Nguyen Chi Trung, *English literature*, Nhà xuất bản giáo dục, 2003

8.55 Tâm lý học giáo dục

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- (Lý thuyết: 30; Bài tập: 06; Thực hành: 16; Thảo luận: 08; Tự học: 135 tiết;
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Phùng Thị Hằng	0978378399	hangdhsptn62@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Chúc	0982724600	chuc.sptn@gmail.com
3	ThS. Đầu Thị Thu	0915462446	dauthusp@gmail.com
4	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	lephuonghoadhsptn@gmail.com
5	ThS. Phạm Văn Cường	0982030680	pvc.dhsptn@gmail.com
6	TS. Phí Thị Hiếu	01656634388	hieusptn@gmail.com
7	ThS. Lê Như Hoa	0976759639	hoa.2207@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@gmail.com
9	TS. Nguyễn Thị Út Sáu	0922516166	sau_dshp@yahoo.com.vn
10	TS. Đinh Đức Hợi	0985464848	hdd1977@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

MT1- Trình bày được những vấn đề cơ bản của khoa học tâm lí.

MT2- Phân tích được lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phát triển tâm lý trẻ em qua từng thời kỳ lứa tuổi;
 MT3- Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục;
 MT4- Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học.

*** Về kĩ năng**

MT5- Vận dụng có hiệu quả các phương pháp để nghiên cứu đặc điểm tâm lý học sinh.
 MT6- Nghiên cứu được các đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh.

MT7- Thiết kế được qui trình hình thành khái niệm và các hoạt động nhằm hình thành các phẩm chất đạo đức cho học sinh.

MT8- Hỗ trợ học sinh tiểu học, THCS, THPT vượt qua những khó khăn tâm lý trong học tập và trong cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT9- Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên.
 MT10- Tích cực lãnh hội và vận dụng những kiến thức tâm lý học giáo dục vào công tác giảng dạy, giáo dục; trau dồi và phát triển nghề nghiệp một cách liên tục.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhằm trang bị cho người học những khái niệm, quy luật và phương pháp chung nhất của tâm lý học giáo dục; những vấn đề lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; cơ chế, qui luật và giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em; những cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục; mối quan hệ giữa dạy học và nhận thức, dạy học và giáo dục; các lý thuyết tâm lý học ứng dụng vào hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học một số vấn đề lý thuyết về những nguyên tắc đạo đức và kĩ năng hỗ trợ tâm lý trong nhà trường, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn vướng mắc về tâm lý. Đồng thời, môn học cũng là cơ sở để nghiên cứu các môn học khác trong chương trình đào tạo như: Giáo dục học và các chuyên ngành tâm lý học ứng dụng khác.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích sử dụng PP	Đạt CDR
Thuyết trình	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về tâm lý học, các mặt cơ bản của đời sống tâm lý người; sự phát triển tâm lý trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi; hoạt động dạy, học; đạo đức và hành vi đạo đức; hoạt động hỗ trợ tâm lý học sinh.	Từ Ch1- Ch10

Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên phân tích được bản chất của hiện tượng tâm lý người, chỉ ra những điểm cơ bản trong sự phát triển tâm lý trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi	Từ Ch1, Ch9, Ch11, Ch12, Ch13
Thực hành	Giúp sinh viên vận dụng được các lí thuyết về tâm lý người, lý thuyết về hỗ trợ tâm lý học sinh để giải thích các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong cuộc sống; hỗ trợ học sinh gặp khó khăn tâm lý.	Từ Ch19- Ch14
Vấn đáp	Giúp sinh viên tương tác với giảng viên, bày tỏ được quan điểm với giáo viên về các vấn đề liên quan đến tâm lý học và ứng dụng của tâm lý học trong cuộc sống.	Ch1- Ch22
Nghiên cứu tài liệu	Giúp sinh viên chủ động nghiên cứu những kiến thức về tham vấn tâm lý cá nhân và nhóm trong giáo trình, trong các tài liệu tham khảo để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao	Ch1- Ch19
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về tham vấn tâm lý cá nhân và nhóm đã học để giải quyết các yêu cầu đặt ra của giảng viên, giúp khắc sâu kiến thức sau mỗi bài học	Ch1- Ch19

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Bài tập nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 2, 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Bài kiểm tra định kì: Hoàn thành 01 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 2, 01 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 4 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần: Hoàn thành 01 bài thi tự luận theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số điểm đầu QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
3	1	2	2	5

Cụ thể:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch10; ch11	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập nhóm/ Thực hành nhóm	10%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1- Ch10	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
3	Thảo luận nhóm	10%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1- Ch10	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1

			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
4	Bài kiểm tra định kì (01 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 2)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1- Ch10	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Vấn đáp	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1- Ch- 11	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Tập thể tác giả (2016), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Thái Nguyên, Thư viện trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Thành Nghị (2011), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB ĐHQG Hà Nội, Thư viện trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

[3] Lê Văn Hồng (Chủ biên, 2008), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội, Thư viện trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

[4] Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB ĐHSP, Hà Nội, Thư viện trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

[5] Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên, 1998), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội, Thư viện trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

8.56 Giáo dục học

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

(Lý thuyết: 42; Bài tập: 08; Thực hành: 12; Thảo luận: 16; Thực tế chuyên môn: 0, Tự học: 180 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Tâm lý học giáo dục (EPS331M)

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Khoa học Giáo dục; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0983.856.727	thanhhhuyen191177@dhsptn.edu.vn
2	TS. Lê Thùy Linh	0979.438.777	lethuylinh@dhsptn.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912.024.817	ngoctlgd.dhsptn@gmail.com
4	TS. Hà Thị Kim Linh	0982.207.398	htkling266@gmail.com
5	ThS. Hoàng Trung Thắng	0987.615.775	hoangtrungthang@dhsptn.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Ngọc Hiếu	0915.212.911	nguyenngochieutlgd@gmail.com
7	ThS. Lê Hồng Sơn	0399.037.047	lehongson-tl@dhsptn.edu.vn
8	ThS. Đàm Thị Kim Thu	0904.244.476	linh.thudtk@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân tích được nội hàm giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt và giáo dục học với tư cách là một khoa học

MT2: Phân tích được vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân

MT3: Trình bày được khái niệm, vai trò của mục đích, mục tiêu và nguyên lý giáo dục và phân tích được mục đích, mục tiêu giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; mối quan hệ giữa các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường;

MT4: Phân tích được những vấn đề cơ bản về dạy học trong thực hiện nhiệm vụ dạy học ở trường phổ thông.

MT5: Phân tích được những vấn đề cơ bản về giáo dục trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục ở trường phổ thông.

MT6: Phân tích được những vấn đề lý luận về đặc điểm lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên trong giai đoạn hiện nay; chức năng, nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

**** Về kĩ năng***

MT7: Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong thực tiễn dạy học và giáo dục.

MT8: Vận dụng lý thuyết để phân tích, đánh giá các hiện tượng giáo dục trong thực tiễn.

MT9: Lựa chọn, vận dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong thiết kế một bài giảng cụ thể;

MT10: Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông

MT11: Phát triển kĩ năng giao tiếp, làm việc nhóm, hợp tác trong học tập

**** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

MT12: Hiểu và thực hiện đúng vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội và phát triển nhân cách.

MT13: Phối hợp với bạn và giảng viên để lập kế hoạch tự học; đánh giá và cải tiến có hiệu quả hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, logic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích của phương pháp	Đạt CĐR
Thuyết trình	Giúp sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục như: Khái niệm, mục đích, nhiệm vụ giáo dục, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, đặc điểm lao động của người giáo viên....	Ch1 đến Ch29
Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên bày tỏ được quan điểm và sự hiểu biết của bản thân về những vấn đề của khoa học giáo dục, biết lắng nghe và tiếp nhận thông tin từ bạn cùng nhóm, bạn trong lớp học phần	Ch2, Ch3, Ch5, Ch7, Ch8, Ch11, Ch12, Ch16, Ch17, Ch18, Ch19, Ch20, Ch21, Ch22, Ch23, Ch24, Ch26, Ch27, Ch28, Ch29
Vấn đáp	Giúp giảng viên kiểm tra được mức độ nắm kiến thức khoa học giáo dục của sinh viên đồng thời sinh viên được chia sẻ hiểu biết và thắc mắc về môn học với giảng viên	Ch1 đến Ch29
Thực quan	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức khoa học giáo dục vào thực tiễn	Ch3, Ch4, Ch5, Ch7, Ch9, Ch20, Ch21, Ch22, Ch23

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên

- Seminar/thảo luận: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
3	1	2	2	5

- Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, kiểm tra thường xuyên 15%, chuyên cần 10%)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân, tiểu luận	5%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Seminar (*bài làm theo nhóm)	10%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1

			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
4	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
	Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
5	Vấn đáp		Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Văn Hộ - Hà Thị Đức, Giáo dục học đại cương tập I, NXB Giáo dục, năm 2002. (thư viện trường ĐHSP)

[2]. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huệ, Lê Công Thành (2013), Giáo trình “Giáo dục học”. NXB Giáo dục. (thư viện trường ĐHSP)

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phan Thanh Long (2008), Lý luận giáo dục, NXB Giáo dục. (thư viện trường ĐHSP)

[4]. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, Giáo dục học tập I và tập II, NXB Giáo dục, 1987 (thư viện trường ĐHSP)

[5]. Hà Thị Đức (2006), Lý luận dạy học, NXB Giáo dục. (thư viện trường ĐHSP)

8.57. Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60

(Lý thuyết: 30; Bài tập: 15; Thực hành: 15; Thảo luận/Seminar: 30; Tự học: 120 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được các đặc điểm của người học Tiếng Anh, các nguyên tắc dạy Tiếng Anh cho học sinh phổ thông.

MT2: Nắm vững được các phương pháp dạy học Tiếng Anh hiện đại ở các cấp phổ thông.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích được các kỹ năng cơ bản về giảng dạy Tiếng Anh.

MT4: Thiết kế được các hoạt động dạy học thuộc kỹ thuật dạy học hiện đại, và tích cực trong việc giảng dạy Tiếng Anh ở các cấp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh.

MT6: Giao tiếp hiệu quả với học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Lý luận & Phương pháp giảng dạy tiếng Anh là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm giúp cho sinh viên nhận thức rõ về lý thuyết giảng dạy ngôn ngữ, lý luận và các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại. Đặc biệt, môn học này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho học sinh ở bậc trung học phổ thông liên quan tới cách thức và chiến lược dạy hệ thống ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), phát triển kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và thiết kế hoạt động dạy học một cách hiệu quả. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách thiết kế bài giảng, bài kiểm tra và tổ chức các hoạt động học phù hợp cho học sinh bậc trung học phổ thông.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan Lý luận dạy học và một số kỹ thuật dạy học hiện đại cho học sinh phổ thông.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; 01 bài tập nhóm (thuyết trình Poster nội dung chương 1 theo nhóm)

- Giáo án:

+ Sinh viên soạn 01 giáo án sau khi kết thúc module 6

+Sinh viên thực giảng 01 giáo án đã soạn sau khi kết thúc module 8

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (Soạn 01 giáo án dạy hệ thống ngôn ngữ)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm (Thuyết trình các kỹ thuật dạy học)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Bài kiểm tra định kì	10%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch3, Ch4, Ch5, Ch7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
5	Thi tự luận	50%	có tiêu chí đánh giá riêng	Ch5, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Pham Thi Kieu Oanh, Nguyen Thi Hong Minh & Phung Thi Thanh Tu (2017). English teaching theory. Thai Nguyen University Publishing House.

[2] Nguyễn Quốc Hùng (2015). *Kỹ thuật dạy học tiếng Anh*. Nhà xuất bản Hồng Đức.

[3] Edmund, T. E., Carolyn, M. E.. & Murray, E. W (2006). *Classroom management for middle and high school teachers*. Pearson Education.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[4] Bryan, G. & Felicity, G. (2008). *Oxford basics Classroom English*. Oxford University Press.

8. 58 Giao tiếp sư phạm

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15 Bài tập: 8 ; Thực hành: 18 Thảo luận: 4; Thực tế chuyên môn: 0; Tự học: 90 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tâm lý học giáo dục
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ (☒)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa Tâm lý- Giáo dục

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Phùng Thị Hằng	0978378399	hangdhsptn62@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Chúc	0982724600	chuc.sptn@gmail.com
3	ThS. Đầu Thị Thu	0915462446	dauthusp@gmail.com
4	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	lephuonghoadhsptn@gmail.com
5	ThS. Phạm Văn Cường	0982030680	pvc.dhsptn@gmail.com
6	TS. Phí Thị Hiếu	01656634388	hieusptn@gmail.com
7	ThS. Lê Như Hoa	0976759639	hoa.2207@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@gmail.com

3. Mục tiêu của môn học:

* Kiến thức:

MT1 - Trình bày được những vấn đề cơ bản của giao tiếp sư phạm

MT2 - Phân tích được một số kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản và những yêu cầu của từng kỹ năng đó.

*** Kỹ năng:**

MT3 - Thiết lập, duy trì được mối quan hệ với đối tượng giao tiếp;

MT4 - Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong những tình huống giao tiếp khác nhau;

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5 - Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các quá trình giao tiếp;

MT6 - Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp sư phạm cho bản thân.

4. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm: khái niệm, vị trí, vai trò và các giai đoạn của giao tiếp sư phạm; các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm. Qua đó, giúp người học rèn luyện một số kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản trong dạy học và giáo dục, như: Kỹ năng tìm hiểu môi trường giao tiếp; Kỹ năng tìm hiểu đối tượng giao tiếp; Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp; Kỹ năng lắng nghe... Đồng thời, biết lựa chọn phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp với đối tượng và tình huống giao tiếp; tự tin, chủ động trong giao tiếp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích sử dụng PP	Đạt CDR
Thuyết trình	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm; các nguyên tắc giao tiếp sư phạm; Các phong cách giao tiếp sư phạm; Các kỹ năng giao tiếp sư phạm	Từ Ch1-Ch5
Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên phân tích được các giai đoạn của quá trình giao tiếp; các biểu hiện, ưu, nhược điểm của từng phong cách giao tiếp sư phạm; Biểu hiện của kỹ năng GTSP, nguyên tắc giao tiếp sư phạm.	Từ Ch1-Ch8
Thực hành	Giúp sinh viên vận dụng được các lý thuyết về giao tiếp sư phạm vào giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình giao tiếp với các đối tượng giao tiếp (học sinh, phụ huynh, đồng nghiệp, các lực lượng giáo dục khác...)	Từ Ch1-Ch10

Vấn đáp	Giúp sinh viên tương tác với giảng viên, bày tỏ được quan điểm với giáo viên về các vấn đề liên quan đến tâm lý học và ứng dụng của tâm lý học trong cuộc sống.	Ch1- Ch10
Nghiên cứu tài liệu	Giúp sinh viên chủ động nghiên cứu những kiến thức về tham vấn tâm lý cá nhân và nhóm trong giáo trình, trong các tài liệu tham khảo để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao	Ch1- Ch10
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về tham vấn tâm lý cá nhân và nhóm đã học để giải quyết các yêu cầu đặt ra của giảng viên, giúp khắc sâu kiến thức sau mỗi bài học	Ch1- Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 02 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Bài tập nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 1, 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Bài kiểm tra định kỳ: Hoàn thành 01 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 2 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần: Hoàn thành 01 bài thi vấn đáp theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Điểm QT
	<i>Chuyên cần</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Số bài kiểm tra định kỳ</i>	
3	1	2	1	4

Cụ thể:

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch10; ch11	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập nhóm/ Thực hành nhóm	10%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Ch1- Ch10	1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1
3	Thảo luận nhóm	10%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	Ch1- Ch10	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1
			* Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1

4	Bài kiểm tra định kì (01 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 2)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1- Ch10	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Vấn đáp	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1- Ch- 11	10

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Hoàng Anh, Vũ Kim Thanh, *Giao tiếp sư phạm*, 1997.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, 2008

[3]. Lê Thị Bùng (chủ biên), *Tâm lí học ứng xử*, 2003.

[4] Nguyễn Văn Hộ, Trịnh Trúc Lâm, *Ứng xử sư phạm*, 2000.

8.59. Thực hành SP Tiếng anh 1

1. Thông tin chung về môn học và giảng viên:

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 0; Bài tập: 0; Thực hành: 60; Thực tế chuyên môn: 0 ; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: bắt buộc

- Học phần tiên quyết:

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: PEP341M, PSE221N, EPP242N, ELE231N

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	leminhngoc2911@gmail.com
2	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	phungthanhtu78@gmail.com
3	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức:

MT 1: Nhận diện được các cách thức tiếp cận cũng như các khái niệm khác nhau đã và đang được áp dụng trong việc dạy và học ngoại ngữ.

MT2: Nêu và phân tích được các cách thức quản lý lớp và đưa ra chỉ dẫn trong lớp học.

- Kỹ năng:

MT 2: Sinh viên hình thành kỹ năng quan sát dự giờ lớp học và có kỹ năng viết bảng.

MT 3: Sinh viên có khả năng tổ chức, quản lý, điều khiển các hoạt động của lớp học

MT 4: Sinh viên có thể đưa ra yêu cầu một cách hiệu quả trong giờ dạy

MT 5: Sinh viên hình thành kỹ năng đưa ra các phản hồi hiệu quả về hoạt động học của người học.

- Thái độ:

MT6 : Sinh viên có hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong giai đoạn mới.

MT7 Sinh viên hình thành ý thức thường xuyên trau dồi chuyên môn và phát triển nghề nghiệp của sinh viên.

4. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Thực hành sư phạm 1 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng trình bày bảng, kỹ năng khai thác đưa ra chỉ dẫn trong dạy học và kỹ năng phản hồi người học. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng kể trên một cách thành thạo. Từ đó, sinh viên sẽ hiểu được sâu sắc tầm quan trọng của một số kỹ thuật dạy học trong quá trình giảng dạy.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các lý thuyết về cách quan sát một tiết học, cách trình bày bảng, giải quyết các tình huống nảy sinh trong giờ dạy, đưa ra các chỉ dẫn trong giảng dạy và cách phản hồi đối với người học	Ch1 đến Ch8
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội tập viết bảng, giải quyết các tình huống nảy sinh trong giờ dạy, đưa ra các chỉ dẫn trong giảng dạy và cách phản hồi đối với người học	Ch1 đến Ch8
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1 đến Ch8

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng thời hạn quy định

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HPTHSP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

- Trọng số điểm:

Đánh giá quá trình: thang điểm 10

* Học phần này không thi. Điểm học phần là tổng 03 đầu điểm nêu trên.

TT	C2,C3, C5,C12 GG;H	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, thái độ tham gia, ý kiến đóng góp		5
2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm	40%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1

3	Thực hành	40%	- Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ		1
			- Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		2
			- Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		3
			- Kết quả được giải thích và chứng minh		3
			- Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		1

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Edmund, T. E., Carolyn, M. E. & Murray, E. W (2006). *Classroom management for middle and high school teachers*. Pearson Education.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Penny Ur (1998). *Lessons from nothing*. Activities for language teaching with limited time and resources. Cambridge University Press.

8.60. Thực hành SP Tiếng anh 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận/Seminar: 9; TTCM: 6;

Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Thực hành sự phạm tiếng Anh 1

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được các cách thức tiếp cận cũng như các khái niệm khác nhau đã và đang được áp dụng trong việc dạy và học ngoại ngữ.

MT2: Nắm vững được các bước soạn 1 giáo án hoàn chỉnh, các bước soạn bài kiểm tra.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích được các kỹ năng soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học, thiết kế bài kiểm tra.

MT4: Thiết kế được các hoạt động dạy học thuộc kỹ thuật dạy học hiện đại, và tích cực trong việc giảng dạy Tiếng Anh ở các cấp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh.

MT6: Giao tiếp hiệu quả với học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Thực hành sư phạm tiếng Anh 2 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như phát triển các kỹ năng soạn giáo án và thiết kế bài kiểm tra. Trên cơ sở đó, các nhà sư phạm tương lai sẽ được thực hành các kỹ năng kể trên một cách thành thạo. Từ đó, sinh viên sẽ hiểu được sâu sắc tầm quan trọng của một số kỹ thuật dạy học trước khi thực giảng trên lớp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như phát triển các kỹ năng soạn giáo án và thiết kế bài kiểm tra.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; Thiết kế 01 bài kiểm tra; Thiết kế 01 giáo cụ trực quan.

- Giáo án: Sinh viên soạn 02 giáo án

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá học phần: Học phần không thi (trọng số 100%)					
1	Chuyên cần	20%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (Soạn 01 giáo án dạy hệ thống ngôn ngữ)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập cá nhân (Soạn 01 giáo án dạy kỹ năng)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
4	Bài tập nhóm (Thiết kế bài kiểm tra)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
5	Bài tập nhóm (Thiết kế giáo cụ trực quan)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Douglas Brown, H. (2007). *Principles of language learning and teaching*. Pearson Education, Inc.

[2] Phil, R. (2000). *500 tips on group learning*. Stylus Publishing Inc.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Heather F., Steve K., & Stephanie M. (2009). *A handbook for teaching and learning in higher education*. Routledge 270 Madison Ave, New York, NY 10016.

8.61. Thực hành SP Tiếng anh 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận/Seminar: 9; TTCM: 6;

Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Thực hành sự phạm tiếng Anh 1,2

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được các cách thức tiếp cận cũng như các khái niệm khác nhau đã và đang được áp dụng trong việc dạy và học ngoại ngữ.

MT2: Nắm vững được mục tiêu của bài dạy; mục tiêu của việc tổ chức hoạt động ngoại khóa cho người học.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích được các kỹ năng soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học.

MT4: Tổ chức hoạt động dạy học, thiết kế và tổ chức hoạt động ngoại khóa.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh.

MT6: Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong giai đoạn mới; Nhảy bèn với cái mới, có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi; Say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới PPDH.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Thực hành sư phạm tiếng Anh 3 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về công tác làm giáo viên chủ nhiệm, và tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học. Sinh viên sẽ có điều kiện đi thực tế ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, các nhà sư phạm tương lai sẽ có được những kinh nghiệm quý báu để hình thành một bức tranh toàn cảnh về mô hình 1 giáo viên Tiếng Anh kiểu mẫu phù hợp với yêu cầu tất yếu của thực tiễn xã hội.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như phát triển các kỹ năng soạn giáo án và thiết kế bài kiểm tra.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; Thiết kế 01 hoạt động ngoại khóa

- Giáo án: Sinh viên soạn 02 giáo án

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá học phần: Học phần không thi (trọng số 100%)					
1	Chuyên cần	20%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (Soạn 01 giáo án dạy hệ thống ngôn ngữ)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập cá nhân (Soạn 01 giáo án dạy kỹ năng)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
4	Bài tập nhóm (Thiết kế hoạt động ngoại khóa)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
5	Bài tập nhóm (Tổ chức hoạt động ngoại khóa)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Heather F., Steve K., & Stephanie M. (2009). *A handbook for teaching and learning in higher education*. Routledge 270 Madison Ave, New York, NY 10016.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Robert, D (1997). *How to use problem-based learning in the classroom*. ASCD Executive Council.

8.62. Thực hành SP Tiếng anh 4

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận/Seminar: 9; TTCM: 6;

Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Thực hành sự phạm tiếng Anh 1,2,3

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được phương pháp hướng dẫn học sinh phổ thông làm đề án.

MT2: Nắm vững được kiến thức về dạy học theo dự án/ đề án và hồ sơ năng lực học tập.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích được các kỹ năng thiết kế hồ sơ năng lực học tập.

MT4: Thiết kế dự án học tập (project-based learning)

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh.

MT6: Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong giai đoạn mới; Nhạy bén với cái mới, có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi; Say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới PPDH.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Thực hành sư phạm tiếng Anh 4 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về dạy học theo đề án và thiết kế hồ sơ năng lực cho học sinh. Sinh viên sẽ có điều kiện đi thực tế ở trường phổ thông để xây dựng hồ sơ năng lực cho học sinh tại 1 lớp ở trường phổ thông.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như phát triển các kỹ năng soạn giáo án và thiết kế bài kiểm tra.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; Thiết kế hồ sơ năng lực người học; Thiết kế 01 hoạt động dự án cho học sinh phổ thông; Thực hành tổ chức dạy học dự án cho học sinh phổ thông.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá học phần: Học phần không thi (trọng số 100%)					
1	Chuyên cần	20%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (Thiết kế hồ sơ năng lực người học)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập thảo luận nhóm	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
4	Bài tập nhóm (Thiết kế 01 hoạt động dự án cho học sinh phổ thông)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
5	Bài tập nhóm (Thực hành tổ chức dạy học dự án cho học sinh phổ thông)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Campbell, Dorothy M. et al. (2007). *How to Develop a Professional Portfolio*. Pearson Education, Inc.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Posner, G.J. & Rudnitsky, A, N. (2006). *Syllabus Design*. Oxford: Oxford University Press.

8.63 Kiểm tra đánh giá trong dạy học Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Yến	0979.697.224	yentran@dhsptn.edu.vn
3	ThS. Mai Văn Cần	0914.833.765	maivcan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Khám phá kiến thức lý thuyết cơ bản trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá năng lực Tiếng Anh của người học.

MT2: Lựa chọn được các kiến thức đã học vào thực tiễn kiểm tra đánh giá môn Tiếng Anh ở trường phổ thông theo định hướng đổi mới.

* Về kỹ năng

MT3: Phát triển kỹ năng ngoại ngữ ở mức độ có thể hiểu được các ý chính của các tài liệu bằng Tiếng Anh về KTĐG, có thể sử dụng Tiếng Anh để diễn đạt bằng văn nói hoặc văn viết một số khái niệm, nội dung liên quan tới KTĐG cơ bản.

MT4: Lựa chọn được các phương pháp đổi mới trong KTTĐG năng lực Tiếng Anh, KTĐG tích hợp môn Tiếng Anh với các môn học khác.

MT5: Bố trí kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động KTĐG môn Tiếng Anh.

MT6: Ứng dụng được CNTT trong KTĐG môn Tiếng Anh.

MT7: Khẳng định khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để hoàn thành các công việc được giao liên quan đến môn học.

MT8: Đề xuất được các nghiên cứu cơ bản về thực trạng KTĐG Tiếng Anh, góp phần đổi mới quá trình KTĐG trong dạy và học Tiếng Anh ở trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT9: Chỉ ra được tầm quan trọng của KTĐG trong dạy và học Tiếng Anh, từ đó không ngừng học tập, tìm tòi, tích lũy kiến thức nâng cao hiểu biết về KTĐG.

MT10: Xác định định hướng đánh giá và cải tiến các hoạt động KTĐG trong dạy học Tiếng Anh từ đó có thể giao tiếp hiệu quả với học sinh và đồng nghiệp trong lựa chọn phương pháp KTĐG phù hợp với nhu cầu đổi mới hiện nay.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu về các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình tạo ra hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá.

Học phần giới thiệu các vấn đề liên quan đến chất lượng giám khảo trong đánh giá năng lực người học. Thông qua đó, sinh viên xác định được một cách rõ ràng các tiêu chí đánh giá cũng như các lỗi thường gặp của giám khảo khi đánh giá năng lực người học, tích lũy cho bản thân những kinh nghiệm để trở thành giám khảo chấm đúng, chấm chuẩn khi tham gia công tác kiểm tra đánh giá.

Học phần còn cung cấp các hoạt động phát triển kỹ năng của người học như: làm việc nhóm, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá thông tin thu được, lựa chọn và thiết kế các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp thực tiễn phổ thông và năng lực người học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp	Mục đích	CĐR
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức	Ch1 Ch2 Ch3
Thảo luận nhóm	Giúp sinh viên khám phá khả năng Nói Tiếng Anh của bản thân, từ đó kiểm tra chéo, đánh giá và chỉnh sửa lẫn nhau.	Ch4 Ch5 Ch6 Ch7
Hoàn thành bài tập cá nhân	Giúp sinh viên khám phá lĩnh vực nghề nghiệp mới, Bố trí kế hoạch cho các hoạt động Nói Tiếng Anh của bản thân, xác định rõ tầm quan trọng của việc tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.	Ch8 Ch9 Ch10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên Edmodo được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	4

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch9, Ch10	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	3,4,5,6	4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	,7,8 9,	2
			- Ý tưởng sáng tạo	10,	2

3	Bài kiểm tra định kì (Kiểm tra trắc nghiệm và tự luận)	25%	Theo tiêu chí chấm và thang điểm của giảng viên	Ch1,2,3,4,5,6,7	10
Bài tập lớn (trọng số 50%)					
4	Đánh giá và thiết kế đề kiểm tra Tiếng Anh cho học sinh phổ thông	50%	Theo Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường	Ch1,2,3,4,5,6,7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

- [1] Woehr, Huffcutt (1994) Rater training for performance appraisal
- [2] CEFR Framework
- [3] Bachman 94-121 Fundamental considerations in language testing
- [4] Bachman Palmer 23-85 Language testing in practice

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Alderson, J.C. (2005). *Assessing Reading*. Cambridge University Press.
- [2] Brown, D. H. (2004). *Language Assessment: Principles and Classroom Practices*. The US: Longman
- [3] Buck, G. (2001). *Assessing Listening*. Cambridge University Press.
- [4] Hughes, A. (1989). *Testing for Language Teachers*. Cambridge University Press.
- [5] Madsen, H.S. (1983). *Techniques in Testing*. Oxford University Press.
- [6] McNamra, T. (2000). *Language Testing*. Oxford University Press.

8.67. Giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 25; Bài tập: 10; Thực hành: 10; Thảo luận/Seminar: 20; Tự học: 90 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	bichngoctn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được các đặc điểm của người học Tiếng Anh nhỏ tuổi, các nguyên tắc dạy Tiếng Anh cho trẻ em.

MT2: Nắm vững được các phương pháp dạy học Tiếng Anh hiện đại ở cấp Tiểu học

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích được các kỹ năng cơ bản về giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em.

MT4: Thiết kế được các hoạt động dạy học thuộc kỹ thuật dạy học hiện đại, và tích cực trong việc giảng dạy Tiếng Anh ở cấp Tiểu học

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh cho trẻ em

MT6: Giao tiếp hiệu quả với học trò nhỏ tuổi.

4 Nội dung tóm tắt của học phần

Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiểu học tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh nói chung và kiến thức về tâm lý lứa tuổi cũng như những nhu cầu học tập của học sinh ở bậc tiểu học nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn tổ chức các hoạt động dạy học từ vựng và ngữ pháp đa dạng phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học. Qua đó, người học tự thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động dạy học cho học sinh ở trường tiểu học theo hướng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan Lý luận dạy học và một số kỹ thuật dạy học hiện đại cho học sinh tiểu học.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; 01 bài tập nhóm (thuyết trình Poster nội dung chương 1 theo nhóm)

- Báo cáo thực tế chuyên môn: 01 bài báo cáo

- Kiểm tra định kỳ: Hoàn thành 01 bài dạy từ vựng & 01 bài dạy ngữ pháp theo nhóm.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (báo cáo thực tế chuyên môn qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch2,	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch3,	2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch4	1
3	Bài tập nhóm (Thuyết trình các kỹ thuật dạy học)	10%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1,	1
			- Thái độ tham gia	Ch2,	1
			- Ý kiến đóng góp	Ch6,	2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm	Ch7, Ch8	1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Bài kiểm tra định kì: dạy từ vựng	10%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch3, Ch4, Ch5, Ch7	10
5	Bài kiểm tra định kì: dạy ngữ pháp	10%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch3, Ch4, Ch5, Ch7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	Thi tự luận	50%	có tiêu chí đánh giá riêng	Ch5, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Mạnh Hùng (2010). Phương pháp dạy tiếng Anh cấp tiểu học. NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Cameron, L. (2001). *Teaching Languages to Young Learners*. Cambridge: Cambridge University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3] British Council (2012). *Crazy Animals and Other Activities for Teaching English to Young Learners*. London: British Council 2012 Brand and Design.

[4] Slaterry, M. & Willis, J (2008). *English for Primary Teachers*. Oxford: Oxford University Press.

8.68. Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 25 ; Bài tập: 10 ; Thực hành: 10; Thảo luận: 20 Tự học: 90)

- Loại học phần: Thay thế khóa luận tốt nghiệp

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Dương Công Đạt	0912446530	dcdattngmail.com
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	Vitrong218@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Yến	0982107915	yentran@dhsptn.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
5	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	phungthanhtu78@gmail.com
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân biệt những lý thuyết cơ bản về Tiếng Anh chuyên ngành (Tiếng Anh dành cho những mục đích cụ thể).

MT2: Khái quát hóa vai trò của giáo viên dạy tiếng Anh chuyên ngành, ứng dụng trong việc thiết kế đề cương, chương trình.

* Về kỹ năng

MT3: Vận dụng thành thạo các kỹ năng thiết kế khung chương trình, đề cương, các bài kiểm tra đánh giá.

MT4: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm; làm việc độc lập.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Phát triển sự ham thích việc học tiếng Anh; thích làm việc nhóm; tôn trọng cộng sự; có ý thức hình thành thói quen tự học;

MT7: Vận dụng việc dạy và học tiếng Anh tích cực đặc biệt là việc dạy Tiếng Anh chuyên ngành.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Người học được trang bị lý thuyết về giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành, thiết kế các khung chương trình và các bài kiểm tra đánh giá, thiết kế tài liệu sử dụng và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với nội dung của bài. Ngoài ra môn học cung cấp cho người học các cách tiếp cận để thiết kế chương trình cho một khóa học, rèn luyện các kỹ năng cần thiết để làm các nhiệm vụ khác nhau khi giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

Phương pháp	Mục đích
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức
Thảo luận nhóm	Luyện tập các kỹ năng thiết kế khung chương trình, đề cương, hoạt động kiểm tra, đánh giá
Giao nhiệm vụ	Tự học, luyện tập, vận dụng lý thuyết
Kiểm tra chéo	Luyện tập kiểm tra đánh giá

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận: Các nội dung do giáo viên giao có liên quan tới các nội dung của bài học.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, đọc trước giáo trình, nội dung bài học, tra từ điển để biết phát âm từ mới, nghĩa của từ.

- Trong lớp phải tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ mà giảng viên yêu cầu.

- Làm bài tập đầy đủ

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
3	1	2	2	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (edmodo)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch2,	4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	Ch4	2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3	Định kì	20%	Theo rubric kiểm tra	Ch1, Ch2,	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Tự luận	50%	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp quy định chung của Trường	Ch1, Ch2, Ch4	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Tom Hutchinson & Alan Waters. 1987. English for Specific Purpose: A leaning centred approach. Cambridge University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Ken Hyland. 2014. English for Specific Purpuse: Some Influences and Impacts. Chapter 24

8.69. PPGD Tiếng Anh nâng cao

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận/Seminar: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được một số kỹ thuật dạy học hợp tác.

MT2: Nắm vững được một số hoạt động dạy học tích cực.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích được các kỹ năng cơ bản về giảng dạy Tiếng Anh theo định hướng hợp tác & tích cực.

MT4: Thiết kế được các hoạt động dạy học hợp tác & tích cực.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh hợp tác & tích cực.

MT6: Giao tiếp hiệu quả với học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ thuật dạy học hợp tác, kỹ thuật dạy học tích cực

và cách thức khai thác tài liệu dạy học. Thông qua đó, người học có thể áp dụng những kỹ thuật dạy học hiện đại cho công tác giảng dạy sau này.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan Lý luận dạy học và một số kỹ thuật dạy học hiện đại cho học sinh phổ thông.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; 01 bài tập nhóm (thiết kế hoạt động hợp tác, hoạt động tích cực theo nhóm).

- Giáo án: Sinh viên soạn 01 giáo án

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5

2	Bài tập cá nhân (Soạn 01 giáo án)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung giáo án đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm (Thiết kế một số hoạt động hợp tác/tích cực)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
		- Chất lượng sản phẩm giao nộp	5		
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Thi tự luận	50%	Có tiêu chí đánh giá riêng	Ch5, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Seth Lindstromberg (2001). *Activities for the language classroom*. Cambridge University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Andrew Pollard (2005). *Reflective teaching*. Antony Rowe Ltd, Chippenham, Wiltshire.

8.70. Tham vấn tâm lý học đường

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5 Thảo luận/Seminar: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	TS. Dương Công Đạt	0869010233	ntdatn@gmail.com
3	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	bichngoctn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Giải thích được các khái niệm cơ bản của tham vấn tâm lý học đường; vai trò của người giáo viên đảm nhiệm nhiệm vụ tham vấn tâm lý học đường.

MT2: Đánh giá được các tiêu chí của một tham vấn hiệu quả.

* Về kỹ năng

MT3: Xác định, phân tích được các tình huống cần tham vấn tâm lý trong học đường.

MT4: Vận dụng được các kỹ năng tham vấn tâm lý để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong quá trình tư vấn tâm lý, tư vấn học tập và tư vấn nghề nghiệp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Đề xuất được các giải pháp để giải quyết các vấn đề nảy sinh với học sinh trong học đường.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tham vấn tâm lý học đường là môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp, định hướng cho sinh viên một số các nội dung cơ bản trong tham vấn tâm lý học đường, giúp sinh viên có được một số năng lực cơ bản để đảm nhiệm nhiệm vụ giáo dục của

người giáo viên ở trường phổ thông. Thông qua các kiến thức được trang bị và các phần thực hành, thảo luận về các vấn đề cần tham vấn trong sự phát triển tâm lý của học sinh, trong học tập và trong định hướng nghề nghiệp, sinh viên hình thành các năng lực giải quyết vấn đề, tham vấn tâm lý học đường và triển khai nghiên cứu khoa học trong thực tế giảng dạy.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan tham vấn tâm lý học đường, các vấn đề trong tham vấn tâm lý liên quan đến sự phát triển cá nhân và xã hội, việc học tập và sự phát triển nghề nghiệp tương lai của học sinh.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu trước khi đến lớp, trao đổi, thảo luận trong giờ học

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân.

- Thực hành: Hoàn thành 02 bài thực hành theo nhóm.

- Đề án học tập: Nghiên cứu các vấn đề cần tham vấn tâm lý trong học đường của học sinh.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)		Tổng số đầu điểm QT
	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	2	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Bài tập nhóm (02 bài: Thiết kế và thuyết trình poster về tổng quan tham vấn tâm lý học đường; Đóng vai thể hiện các tình huống và các biện pháp can thiệp tham vấn tâm lý)	25%	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
2	Bài kiểm tra định kì Bài tập cá nhân: Tập hợp các tình huống và biện pháp giải quyết)	25%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		1đ
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu: Đủ 20 tình huống; Các tình huống điển hình, thú vị, cần thiết phải giải quyết; Phân tích tình huống một cách toàn diện; Đánh giá, nhận định, đề xuất biện pháp có tính khả thi		8đ
			Hồ sơ trình bày đảm bảo tính thẩm mỹ		1đ
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài tập lớn (Đề án học tập)		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường		10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Coleman, H. L. K & Yeh, C. (2008). *Hanbook of School Counseling*. Routledge.

[2] Missouri Department of Elementary and Secondary Education and the Missouri Center for Career Education, (2015). *Professional School Counselor Consultation Guide: A Professional School Counselor's Guide to Consulting and Collaborating*.

[3] Thompson, R. (2012). *Professional School Counseling: Best Practices for Working in the Schools*. Routledge.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[4] Le Son & Le Hong Minh, (2014), *Giáo trình bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn học đường*. Thành phố Hồ Chí Minh.

8.71. Nghiên cứu hành động trong dạy học Tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
- (Lý thuyết: 15 ; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 50 tiết)
- Loại học phần: Thay thế khóa luận tốt nghiệp
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Dương Công Đạt	0912446530	dcdattngmail.com
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	Vitrung218@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Yến	0982107915	yentran@dhsptn.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	Momobear152@gmail.com
5	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	0975945693	Thuhuonganha42tue@gmail.com
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	phungthanhtu78@gmail.com
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaotran2127@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân biệt được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu hành động.

MT2: Áp dụng việc lập kế hoạch và triển khai các bước nghiên cứu, đánh giá vấn đề, rút kinh nghiệm, nhân rộng kết quả và phát hiện vấn đề mới.

* Về kỹ năng

MT3: Áp dụng được các kỹ năng tiến hành nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề trong quá trình dạy học, thúc đẩy hoạt động đổi mới dạy học.

MT4: Áp dụng được các kỹ năng đánh giá dữ liệu, tác động của hành động: phân tích, đánh giá dữ liệu;

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Phát triển thái độ học tập suốt đời

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần **nghiên cứu hành động** là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế thành 2 giai đoạn: giai đoạn bồi dưỡng lý thuyết và giai đoạn tiến hành áp dụng đổi mới thực tế ở trường phổ thông. Giai đoạn 1 tập trung nhiều hơn vào việc phát triển kiến thức về nghiên cứu hành động, tiến hành hoạt động đổi mới; giai đoạn 2 tập trung nhiều hơn đến phát triển kỹ năng tiến hành đổi mới, cải tiến sự phạm của giáo viên trong bối cảnh công việc cụ thể theo các bước nghiên cứu hành động, dựa trên kiến thức có được từ giai đoạn 1.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Các hình thức và phương pháp dạy học này hầu hết đều được sử dụng trong các tiết học của môn học.

Phương pháp	Mục đích
Thuyết trình	Giúp SV lĩnh hội kiến thức
Thảo luận nhóm	Rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ
Vấn đáp	Gợi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn cho giảng viên

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân trên edmodo.com được giao.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số điểm đầu QT
	Chuyên cần	KT thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	3	1	5

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	KT thường xuyên (Bài tập cá nhân qua MyELT)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo	Ch5	2
3	Bài kiểm tra định kì (Thi trắc nghiệm trên máy tính)	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10

	Tiểu luận				
4	Sản phẩm	50%	Theo Rubric đánh giá	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Burns,A.(2010).*Doing action research in English languaget eaching:A guide for practitioners*. NewYork,NY:Routledge.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Cabaroglu,N.(2014).Professional development through action research: Impact onself-efficay. *SystemJournal*(44), 79-88.doi: 10.1016/ j.system. 2014.03.003

[3] Fareh,S.,&Saeed,A.T.(2011).The teacher as researcher in the context of language teaching. *Procedia Social and Behavioral Sciences* (15),153-159.doi:0.1016/ j.sbspro.2011.03.066

8.72. Phát triển chương trình trong giảng dạy tiếng Anh

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

(Lý thuyết: 25; Bài tập: 10; Thực hành: 10; Thảo luận/Seminar: 30; Tự học: 90 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	TS. Dương Công Đạt	0869010233	ntdatn@gmail.com
3	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	bichngoctn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững kiến thức về tổng quan Phát triển chương trình Tiếng Anh; quy trình thiết kế chương trình Tiếng Anh và xây dựng đề cương môn học.

* Về kỹ năng

MT2: Phân tích được các chương trình và đề cương môn học Tiếng Anh hiện đang được sử dụng.

MT3: Thiết kế được chương trình giảng dạy và xây dựng đề cương môn tiếng Anh phù hợp với các mục tiêu cụ thể.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến chương trình giảng dạy tiếng Anh.

MT5: Giao tiếp hiệu quả với những người xung quanh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Phát triển chương trình Tiếng Anh là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng cơ sở về phát triển chương trình, thiết kế chương trình và thiết kế đề cương môn học cũng như các kỹ năng cần thiết để thiết kế chương trình và đề cương môn học. Môn học cũng giúp cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh có được các kỹ năng cần thiết để đánh giá chương trình và đề cương môn học Tiếng Anh và các kỹ năng làm tự học, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Qua đó, sinh viên sẽ có được thái độ đúng đắn với một nhiệm vụ thường xuyên của người giáo viên Tiếng Anh trong yêu cầu mới.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan Phát triển chương trình, Quy trình thiết kế chương trình và đề cương môn tiếng Anh.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; 01 bài tập nhóm (thuyết trình Poster nội dung chương 1 theo nhóm)

- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm ở chương 3.

-Kiểm tra định kì: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	5%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (qua Edmodo)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm (Thuyết trình poster về Tổng quan Phát triển chương trình theo nhóm)	5%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp (Poster phải bao gồm đầy đủ các nội dung phần Tổng quan về Phát triển chương trình, được trình bày logic, khoa học và bắt mắt. Bài thuyết trình theo nhóm không quá 7 phút, giới thiệu được các nội dung chính của poster)		5
4	Seminar (Báo cáo nhóm về một thể loại đề cương môn	5%	- Nội dung đầy đủ theo yêu cầu: Nêu được khái niệm; đặc điểm; những điểm mạnh và hạn chế của thể loại đề cương; ví dụ cụ thể.	Ch3, Ch4, Ch6, Ch7, Ch8	4
			- Lập luận có căn cứ khoa học và logic		1
			- Trình bày báo cáo rõ ràng		2
			- Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		1
			- Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		1

	học)		-Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		1
5	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch3, Ch4, Ch5, Ch7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	Bài tập lớn (Thay thế thi kết thúc học phần)		Theo đề cương đáp án và Rubric đánh giá bài tập lớn quy định chung của Trường: Thiết kế 01 đề cương môn học (13-15 trang) cho một đối tượng người học cụ thể, sử dụng mẫu cho sẵn, hoặc mẫu sinh viên tự chọn có sự đồng ý của giảng viên; Đề cương môn học cần có đầy đủ các thành phần của một đề cương môn học, có khả năng hướng dẫn người học tiếp cận môn học.	Ch5, Ch7	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Nation, I.S.P. & Macalister, J. (2010). *Language Curriculum Design*. New York: Routledge.

[2] Nunan, D. (1988) *Syllabus Design*. Oxford: Oxford University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3] AMES, NSW (2003) *The Certificates in Spoken and Written English*, Sydney.

[4] McKay, P. & A. Scarino (1991) *The ESP Framework of Stages*, Melbourne, Curriculum Corporation.

[5] Marsh, C. J., & Willis, G. (2007). *Curriculum: Alternative approaches, ongoing issues (4thed.)*. Upper Saddle River, NJ: Merrill Prentice Hall.

[6] Victorian Curriculum and Assessment Authority (VCCA) (2005) *The ESL Companion to VELs*, Melbourne.

[7] Council of Europe (2011). *The Common European Framework of Reference for Languages*. Cambridge: Cambridge University Press.

[8] Vietnam's MOET (2014). *Vietnam's Foreign Language Competency Framework*.

8.73. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh

1. Thông tin chung về môn học và giảng viên:

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 5; Thực hành/Thí nghiệm: 20; Thảo luận/Seminar: 5; Thực tế chuyên môn: 0 ; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ - Đại học Sư phạm Thái Nguyên

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Bích Ngọc	0965622160	leminhngoc2911@gmail.com
2	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	phungthanhtu78@gmail.com

3. Mục tiêu của môn học:

- Kiến thức:

MT1 : Áp dụng được những cơ sở lý luận về cách thức xây dựng, tổ chức và quản lý các hoạt động TN trong và ngoài lớp học.

MT2 : Áp dụng được cơ sở thực tiễn về cách thức xây dựng, tổ chức và quản lý các hoạt động TN trong và ngoài lớp học.

- Kỹ năng:

MT1 : Tổ chức được một số hoạt động TN trong lớp học.

MT2 : Xây dựng, tổ chức, quản lý và đánh giá được một số hoạt động TN ngoài lớp học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT1 : Phát triển năng lực làm việc độc lập trong thiết kế HĐTN và năng lực hợp tác trong tiến hành tổ chức các HĐTN.

MT2 : Giao tiếp hiệu quả với những người xung quanh.

4. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Nội dung của môn học Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học tiếng Anh là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp. Môn học này nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn chung về hoạt động trải nghiệm. Dựa trên những kiến thức đó, người học có thể tự tin giảng dạy các hoạt động trải nghiệm được thiết kế trong sách giáo khoa hiện nay. Ngoài ra người học còn được thực hành thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cụ thể trong dạy học tiếng Anh như tổ chức cuộc thi nói tiếng Anh ; Rung chuông vàng; câu lạc bộ tiếng Anh..... Qua đó, người học sẽ sẵn sàng có ý tưởng, xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm đối với môn Tiếng Anh sau khi hoàn thành môn học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5,
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập tổ chức các HĐTN.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6,
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4, Ch5, Ch6,

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp

Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng thời hạn quy định.

Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm được giao

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HPHĐTNST	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	2	3

- Trọng số điểm:

* Đánh giá quá trình: thang điểm 10

* Học phần này không thi. Điểm học phần là tổng 04 đầu điểm và 01 đầu điểm bài tập lớn

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	15%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch5, Ch6	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
3	Bài tập cá nhân (qua Google Classroom)	10%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1,2, 3,4,5,6	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		4
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		2
3	Bài tập nhóm	25%	Theo yêu cầu của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Bài tập lớn (Thiết kế và tổ chức 1 HĐTN cho học sinh)	50%	Theo yêu cầu của giảng viên	Ch1,2, 3,4,5,6	10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Liên (chủ biên) (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

8.1. Tài liệu tham khảo:

[2] Alec, P. & Jeff, R. (2012). *The teacher's guide to project-based learning*. Paul Hamlyn Foundation.

[3] Sách giáo khoa Tiếng Anh 10,11. NXB GD Việt Nam.

8.74 Phát triển kĩ năng dạy học theo dự án

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn thay thế khóa luận

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1			
2			

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Vận dụng được những kiến thức cần cho việc dạy học theo phương pháp dự án (PBL).

* Về kĩ năng

MT2: Thực hiện được việc thiết kế giáo án hoạt động PBL phù hợp.

MT3 : Thực hiện được việc thiết kế và tổ chức các hoạt động PBL cho học sinh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

MT5: Phát triển năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động học tập của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học **Phát triển kĩ năng dạy học theo dự án** cung cấp cho sinh viên nguyên lý của hoạt động dạy học theo dự án, quy trình hoạt động PBL tiêu biểu và các biểu hiện của một hoạt động PBL hiệu quả. Thông qua việc tổ chức các hoạt động PBL

thực tế, sinh viên được trải nghiệm các hoạt động PBL từ khâu thành lập nhóm, lên kế hoạch thực hiện và thực hiện dự án. Qua đó sinh viên có khả năng thiết kế và tổ chức các hoạt động PBL trong chương trình tiếng Anh phổ thông hiện hành. Đồng thời môn học này giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động PBL ngoài lớp học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Giúp sinh viên lĩnh hội được các nguyên lý và quy trình hoạt động PBL	Ch1,
Dạy học theo nhóm	Giúp sinh viên có cơ hội luyện tập thiết kế và tổ chức hoạt động PBL	Ch2, Ch3,
Đàm thoại	Giúp sinh viên gọi lại các kiến thức sẵn có và nâng cao tư duy sáng tạo của sinh viên.	Ch1 , Ch2
Thảo luận	Giúp sinh viên trao đổi các dự án nhóm thực hiện	Ch4, Ch5

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học;

- Bài tập, thảo luận: Hoàn thành các nhiệm vụ cá nhân được nhóm giao cho hàng tuần và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên; Các nhóm tham gia thảo luận

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Số tín chỉ của HP	Số điểm đánh giá quá trình (QT)			Tổng số đầu điểm QT
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch4, Ch5	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập thường xuyên	15%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2,	2
			- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Ch3	5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài báo cáo đánh giá định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	Ch1, Ch2, Ch3	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	Chấm sản phẩm dự án		Theo tiêu chí và thang điểm	Ch4, Ch5	10

8. Học liệu

[1] Boss S. & Krauss J. Reinventing project based learning, International Society for Technology in Education , 2014.

[2] Project based learning handbook, Educational Technology Division, Ministry of Education, 2006.

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Boss S. & Krauss J. Reinventing project based learning, International Society for Technology in Education , 2014.

[2] Project based learning handbook, Educational Technology Division, Ministry of Education, 2006.

8.75. Phát triển năng lực tự bồi dưỡng giáo viên

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

(Lý thuyết: 15; Bài tập: 10; Thực hành: 5; Thảo luận/Seminar: 15; Tự học: 60 tiết)

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	0983114299	hminh8782@dhsptn.edu.vn
2	ThS. Phạm Thị Kiều Oanh	0988298228	kieuoanhdhsp@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0913067879	chuyenknn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững được nhận thức rõ vai trò của công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng giáo viên đã và đang góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở mỗi nhà trường.

MT2: Nắm vững được một số hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng giáo viên.

* Về kỹ năng

MT3: Phân tích kỹ năng cập nhật, phân tích chương trình GDPT mới để vận dụng phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực của học sinh.

MT4: Xây dựng và phát triển chương trình môn học của nhà trường; Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; Xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng & học tập thông qua trải nghiệm.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển năng lực hợp tác; nghiên cứu độc lập để giải quyết vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh hợp tác & tích cực.

MT6: Giao tiếp hiệu quả với học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Phát triển năng lực tự bồi dưỡng của giáo viên nhằm giúp sinh viên sư phạm nhận thức rõ vai trò của công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng giáo viên đã và đang góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở mỗi nhà trường. Môn học này giúp sinh viên giúp sinh viên có kỹ năng cập nhật, phân tích chương trình GDPT mới để vận dụng phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực của học sinh; Xây dựng và phát triển chương trình môn học của nhà trường; Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; Xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng & học tập thông qua trải nghiệm.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thuyết trình: Hình thức tổ chức dạy học thuyết trình của giảng viên được sử dụng trong phần lý thuyết của các chương nhằm trang bị kiến thức cho người học về tổng quan Lý luận dạy học và một số kỹ thuật dạy học hiện đại cho học sinh phổ thông.

- Tự học: Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự học qua phần mềm Edmodo để phát triển kỹ năng học tập độc lập, học tập suốt đời.

- Thảo luận, làm việc nhóm: Sinh viên hợp tác với nhau trong nghiên cứu, giải quyết và trình bày vấn đề để phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trước khi lên lớp; hoàn thành 100% các yêu cầu được giao.

- Bài tập: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân qua phần mềm Edmodo; 01 bài tập nhóm (thiết kế hoạt động tự bồi dưỡng).

- Tiểu luận: Xây dựng 01 chuyên đề tự bồi dưỡng giáo viên phổ thông

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá học phần: học phần không thi (trọng số 100%)					
1	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Ch7	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập cá nhân (Qua Edmodo)	20%	- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	Ch1, Ch2, Ch3, Ch4	2
			- Nội dung đáp ứng yêu cầu		5
			- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		2
			- Ý tưởng sáng tạo		1
3	Bài tập nhóm (Thiết kế một số hoạt động tự bồi dưỡng)	20%	- Thời gian tham gia họp nhóm	Ch1, Ch2, Ch6, Ch7, Ch8	1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
4	Tiểu luận	50%	Có tiêu chí đánh giá riêng		

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Kayoko Hashimoto & Van-Trao Nguyen (2018). Professional development of English language teachers in Asia. Routledge Studies in World Englishes.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Linda-Darling, et al (2017). Effective teacher professional development. Learning policy institute

9. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình được biên soạn theo hướng cập nhật với những kiến thức mới và hướng tới chương trình cải cách giáo dục đang tiến hành ở các trường phổ thông trung học trong cả nước. Yêu cầu của chương trình là thực hiện đầy đủ và đúng nội dung cũng như thời gian được phân bổ trong chương trình.

Nhìn chung chương trình thiết kế theo đường hướng lấy người học làm trung tâm. Nên dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Việc lên lớp là bắt buộc theo quy chế, song việc tự học cần phải được phát huy tối đa, kết hợp với việc cung cấp các nguồn lực như giáo viên có năng lực, cơ sở vật chất, tài liệu...

Hàng năm, trên cơ sở các khoa/đơn vị đề nghị điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo.

Về đánh giá kết quả đào tạo: Việc đánh giá cần đảm bảo khách quan, đa dạng các hình thức đánh giá người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT được ban hành tại Quyết định số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)